

VIỆN HÀ NỘI | DC



VV2883

文 學 素 著
Litterature Vietnamese

越 南 文 學

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

TẬP THỨ HAI

Văn-học đời Trần I

NGÔ TẤT-TỔ

Mai-Linh xuất-bàn

1
V308 A

梅嶺修書局文學叢書
Mai-Linh tu thư cục văn-học tùng-thu

越南文學

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

TẬP THỨ HAI

Văn-học đời Trần

NGÔ TẤT-TỐ

HVV 2883

Mai-Linh xuất-bản

Viêt-nam văn-học
NGÔ TẤT - TỐ

Lời bàn chung

Đọc bút-tập *Văn-học đời Lý*, có lẽ nhiều người phải ngờ trình độ văn-học của đời Trần, hay là ít nhất cũng ngờ trình độ văn-học của bồi Trần-so.

Phần vì việc học chưa thật phát-triển, phần vì tài-liệu đã bị mai-một, văn-chương nhà Lý đã dề-lại cho chúng ta một mối thất-vọng. Nhà Trần nối liền nhà Lý, phát-tich tự nghe-thuyên-chài, cái người cầm-cân uầy mực, làm mưa-làm gió trong lúc đầu-tiên, lại là một người tuyệt-nhiên không biết học-văn là gì, thế thi trình độ văn-học đời ấy khó mà vượt qua trình độ văn-học đời trước. Ai chẳng tưởng vậy?

Sự thực lại trái hẳn thế.

Chẳng những đến bồi trung-diệp, nhà Trần đã sản-xuất nhiều tay đại-nho thạc-học như Chu Văn-An, Trương Hán-Siêu, Nguyễn Trung-Nghiệp,

Phạm Sư-Mạnh, v.v., mà ngay khi mới dựng nước, ông vua thứ nhất — Trần Thái-tôn — đã là một nhà học-văn uyên-bác, tư tưởng thuận-túy, xứng-dáng gọi là bậc học-giả. Sau đó, những viên võ-tướng như Trần Quang-Khai, Trần Nhật-Duật, Trần Quốc-Tuấn, Phạm Ngũ-Lão... đều có đọc nhiều sách-vở, biết làm văn thơ, có nhiều tác-phẩm khiếu cho đời sau truyền-tụng. Cuối cùng lại có một người khác thường hơn nữa, ấy là Hồ Qui-Lý.

Về mặt chính-trị, Qui-Lý là tay đại-tài, đã dành, về mặt học-thuật, Qui-Lý cũng có rất nhiều tư-tưởng mới-mẻ.

Ông ta có soạn ra mươi bốn thiên *Minh-dạo*, dâng vua Thuận-tôn. Tiếc rằng nguyên - văn đã mất, không được biết hết toàn-thể nội-dung ra sao, nhưng coi mấy điều đại-lực trong sử chép lại, thì những thiên đó, hoàn-toàn bàn về học-thuật. Đối với đạo-thống, ông ta chủ-trương lấy Chu-công làm tiên-thánh, giáng Khổng-tử làm tiên-sư, và bảo ở nhà Văn-miếu, nên để Chu-công ngồi giữa nganh mặt về nam, Khổng-tử ngồi cạnh nganh mặt về tây. Đối với kinh-truyện, ông ta cho sách *Luận-ngữ* có bốn việc đáng ngờ, như việc Khổng-tử ra mắt nàng Nam-tử, việc Khổng-tử khi ở nước Trần bị hết lương ăn, việc Công-son Phật-mật sai người đến mời,

Không-tử muốn đi. Đối với Tiên-nho, Ông ta
cho Hán-Dũ là hạng đạo-nho (1) và bảo bọn
Chu Mậu-Thúc, Trinh-Dì, Trinh-Hiệu, La Trọng-
Tổ, Lý Diên-Niên, Dương-Thì, Chu-Hy là hạng
học rộng mà tài kém, những lời bàn bạc của
họ, không quan-thiết gì đến công việc, chỉ chăm
lột-cắp ý cũ v. v.

Ngoài thiền Minh-đạo, Ông ta còn làm ra cuốn
Quốc-ngữ thi-nghĩa, dùng tiếng bằn-quốc chua ngôia
kinh Thi để các nữ-sư đem dạy hậu-phu và các
cung-nhân. Sở nói bài tựa và sách này, phần
nhieu Ông ta nói bằng ý mình, không theo lời
chú-thích của Chu-tử.

Phải biết những điều Ông ta nói đó, chẳng
những ở ta từ trước đến bời gần đây chưa ai nghe
tôi, mà đến ở Tàu, trừ bọn Thanh-nho sinh sau
Qui-Lý ba bốn thế-kỷ, cũng chưa có ai dám nói.
Như vậy, dù biết Ông ta thật là một người tư-
tưởng độc-lập, không chịu nhầm măt theo những
thành-kiến của cõi-nhân.

Đó là chưa kể những bậc văn-chương có tài,
như Nguyễn-Thuyên, Nguyễn Sỹ-Cô, bắt đầu biết
dùng quốc-ám làm văn-thơ.

Xét về sự-nghiệp trúc-thuật, đời Trần cũng
đã phát-đạt.

Về loại chính-trị, có những cuốn này :

Quốc-triều thông chí, 20 quyển. Soạn năm thứ sáu hiệu Kiến-trung đời Thái-tôn. Trong sách khảo về điều-lệ của đời trước để làm phép thường cho đời ấy. Nay không còn.

Kiến-trung thường-lệ, 10 quyển. Trong sách chép những công-việc đương-triển, do Thái-tôn sai các triều-thần soạn ra. Nay không còn.

Công-văn cách-thức, 1 quyển. Áo-hành trong năm thứ bảy hiệu Hưng-long đời Anh-tôn. Nay không còn.

Hoàng-triều đại-diễn, 10 quyển. Do Du-tôn sai Trương Háo-Siêu và Nguyễn Trung-Nghiên cùng soạn. Nay không còn.

Về loại lý-thuyết, có những cuốn này

Kim-cương kinh châ-giải, không biết mấy quyển, của Thái-tôn. Nay không còn.

Khảo-hư-lục, 2 quyển, của Thái-tôn. Trong sách có nhiều môn loại, hoặc văn, hoặc kệ, hoặc những bài bàn về đạo Phật.

Hoạn-sách lục, không biết mấy quyển, của Pháp-hoa thiền-sư. Nay chưa tìm được.

Ngọc-liên tập, không biết mấy quyển, của Huyền-quang thiền-sư. Nay chưa tìm được.

Thiền-lâm thiết chý ngũ-lục. 1 quyển, *Thạch-thất my-ngữ*, 1 quyển, đều của Nhân-tôn soạn

ra trong khi xuất gia ở núi Yên-tử, cả hai bộ
đều nói về những ý-nghĩa sâu-xa của đạo Phật.
Nguyên-tập chưa rõ có còn hay không.

Tứ-thư thuyết-trớc, không biết mấy quyển, của
Chu Văn-An. Nay không còn.

Minh-dạo-lục, 14 thiên, của Hồ Quý-Lý. Nay
không còn.

Về loại sử truyện có những cuốn này :

Hoàng-triều ngọc-diệp, 1 quyển. Soạn năm thứ
mười hiệu Kiến-Trung đời vua Thái-tôn, Nay
không còn.

Đại-Việt sử-ký, 30 quyển, của Lê Văn-Hưu, bắt
đầu từ Triệu Vũ - đế, cuối cùng là Lý Chiêu-
hoàng. Trong năm thứ năm hiệu Thiệu-long,
soạn - giả - dem - dâng Thành-tôn, được ngài ban
chiếu khen ngợi.

Việt-sử cương-mục, không biết mấy quyển, của
Hồ Tôn-Thốc, Ngô Sĩ-Lиên đã khen sách ấy
vừa thận-trọng vừa có phương-pháp, bàn bạc
các việc đều rất thiết-đáng. Nay không còn.

Trung-hưng thực-lục, không biết mấy quyển,
soạn ra trong đời Nhân-tôn, chép về việc đánh
quân Nguyên. Nguyên-tập nay chưa được thấy.

Tăng-giá toái-sự, 1 quyển, của Minh-tôn, chép
về các chuyện nhà chùa. Nguyên-tập còn không
chưa rõ.

Thiền - uyên lạp - anh ngữ lục, 2 quyển, không
biết của ai. Trong sách chép những sự-tích và
những danh-ngôn của các thiền-sư đời Lý. Bản
dẫn thế nào chưa rõ, nay chỉ thấy bản in lại
của đời Lê.

Về loại thơ văn có những cuốn này :

Thiền-tông chí nam, 1 quyển, của Thái-tôn soạn
ra sau khi thoái vị.

Thái-tôn thi-lập, 1 quyển, Phan Huy-Chú khen
là lời thơ thanh-nhã, có thể đọc được. Chưa
rõ toàn-lập có còn hay không.

Thánh-tôn thi-lập, 1 quyển. Nay còn được năm
bài, Phan Huy-Chú khen là đều có phong-vị
của đời Cố-Đường.

Nhân-tôn thi-lập, 1 quyển. Nay còn được hai
chục bài, Phan Huy-Chú khen là có vẻ khoáng-
đạt, thanh-nhã.

Đại-Hương hải-ấn thi-lập, 1 quyển, của Nhân-tôn
soạn ra sau khi xuất-gia, dài-dài đều là những lời
thiền-ngữ. Minh-tôn có làm bài tựa và khen lời
thơ rất hợp ý-nghĩa đạo Phật.

Minh-tôn thi-lập, 1 quyển. Nay còn chừng hơn
mười bài.

Thủy-vân túy-bát, không biết mấy quyển, của
Anh-tôn. Khi làm-chung, ngài sai các quan đem
đốt. Nay còn chín bài, Phan Huy-Chú khen là

Giọng thơ mới - mè, thanh - tao và có lực-lượng.

Nghệ - tân thi-tập, 1 quyển. Nay còn được bày, tóm bài.

Sầm-láu tập, 1 quyển, của Trần Quốc-Toại. Nay không còn.

Lạc-dạo tập, 1 quyển, của Trần Quang - Khải, Phan Huy - Chú khen là lời thơ nhiều vẻ u - thủ nhàn-nhã, đọc lên có thè tướng thấy phong-khai của tác-giả.

Băng-hồ ngọc-hắc-tập, 2 quyển, của Trần Nguyên-Dân làm ra trong khi về ở Côn-sơn.

Cảng-cực ngâm, của Trần Ych-Tắc làm ra trước khi đi theo quân Nguyễn. Nay còn vài bài.

Phi-sa tập, 1 quyển, của Hàn Thuyên, ở trong có nhiều bài thơ quốc-âm. Nay không còn.

Giới-hiên thi - tập, 1 quyển, của Nguyễn Trung-Nghiêm. Nguyễn-tập đã mất, Phan Huy-Vịnh thu lượm ở các thi-tập của người khác, góp lại được hơn lăm mươi bài, Phan Huy-Chú khen là có vẻ hào-mai thanh-dật, giống như phong - cốt của Đỗ Thiếu-Lăng.

Tiều-ân thi - tập, 1 quyển, *quốc - ngữ thi - tập*, 1 quyển, đều của Chu Văo-An. Phan Huy-Chú khen là vẻ thơ thanh - sáng, u - dật, có thè thấy cái hưng-thủ cao-thượng của cảnh ân-dật. Nay còn ít bài Hán-văn, cả tập quốc-âm đều mất.

Giáp-thạch-tập, 1 quyển, của Phạm Sư-Mạnh, Phan Huy-Chú khen rằng linh-thơ siêu-mại, là một nhà thơ có tiếng ở đời Văn-Trần.

Cúc-dương-di-cảo, 2 quyển, của Trần Quang-Triều. Nay còn được hai chục bài.

Thảo-nhàn-hiệu-tần, không biết mấy quyển, của Hồ Tôn-Thốc. Nay còn vài bài.

Sử chép trong đời Nhân-tông, khi đánh tan quân Toa-Đồ, có bắt được người phuруг chèo là Lý Nguyên-Cát. Anh ta rất giỏi chèo hát, thiển-niên ty-nữ của các thế-gia đua nhau theo hẵn học hát chèo Tàu. Nguyên-Cát có soạn ra nhiều vở chèo truyện cổ, như vở «Vương-mẫu biển đảo». Sau đó những nhà quyền-quý nhiều nhà bắt chước soạn ra vở khác làm trò mua vui trong nhà. Đến đời Đại-trị Dụ-tông có sai các nhà vương, hầu công-chúa dâng các vở chèo để ngài lựa chọn xem vở nào hay thì cho đem diễn. Vậy thì loại này còn những vở chèo của bọn thế-gia lện-lẹt đã soạn ra nữa. Nay không được thấy vở nào.

Về loại giáo-dục, có những bộ này:

Cơ-cửu-lục, 1 quyển, và *Di-hán-tập*, 2 quyển, đều của Thành-tông soạn ra để dạy hoàng-tử. Nay không còn.

Bảo-hòa dư-bút, 8 quyển, do Nghè-tôn saj Nguyễn Mậu-Tiên, Phan-Nghiêm thay phiên vào chức ở điện Bảo-hòa để ngài hỏi các việc cũ, rồi biên thành tập, làm sách dạy các hoàng-tử. Nay không còn.

Quốc-ngữ thi-nghĩa, không biết mấy cuốn, của Hồ Quý Ly. Nay không còn.

Về loại vở bị chỉ có một bộ :

Binh-gia yếu-lược của Trần Quốc-Tuấn, không biết mấy quyển. Nay không còn.

Những bộ trên đây đều là tác-phẩm đã có nói đến trong mấy pho *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, *Lê-triều thông-sử*, *Lịch-triều hiến-chương* và các *truyện-ký thi-tập* của các nhà. Ngoài ra, chắc hẵn còn nữa, vì bị mai-một từ lâu, cho nên không ai biết đến.

Coi đó đủ thấy về mặt trứ-thuật cũng như về mặt nhân-tài, đời Trần đã vượt đời Lý rất xa.

Nhờ đâu văn-học nhà Trần có được kết-quả rất tốt-dep ấy?

Muốn trả lời cho câu hỏi đó, chúng ta cần phải xét sự khuynh-hướng và cái chính-sách của người cầm quyền đời ấy đối với việc học ra sao.

Phép học nhà Trần, nhất là về bài Trần-so, các sách đều không nói kỹ, những nhà khảo-cứu đời trước, như các ông Lê Qui-Đôn và Phan Huy-

Chú cũng không biết được tường-tận. Nhưng coi những đoạn linh-tinh ở trong các sử, có thể biết được đại-khai.

Nói về việc thi, thì đời Thái-tôn, ngay năm Thiên-ứng-chinh-binh thứ nhất (lịch tây năm 1238), nghĩa là giữa năm nhà Trần mới thay nhà Lý làm vua, đã có nở kỳ thi Thái-học-sinh. Từ đó trở đi, bảy năm lại thi một lần. Lúc ấy giải ngạch chỉ chia ra làm ba giáp để phân-biệt những người đỗ cao đỗ thấp. Năm Thiên-ứng-chinh-binh thứ 16 mới đặt ra bảng tam khôi, tức là Trạng-nghuyên, Bảng-nhõn, Thám-hoa. (Ông Lê Văn Hưu đỗ Bảng-nhõn khoa ấy). Rồi năm Nguyên-phong thứ sáu (lịch tây năm 1257) lại phân Trạng-nghuyên ra làm hai thứ, Nghệ-an trở vào là Trạng-nghuyên-Trại, trở ra là Trạng-nghuyên Kinh. Lẽ đó thi-bành chừng hai chục năm đến đời Thành-tôn, năm thứ ba hiệu Bảo-phù (lịch tây năm 1276) lại hợp làm một. Rồi năm Long-khánh thứ hai (lịch tây năm 1375) mới đặt ra khoa Tiến-sĩ lấy đỗ 50 người, có ban yến - tiệc mũ áo cho người tài đậu.

Trong những bối này, phép thi chưa có định-thể, lúc thi thể nọ, lúc thi thể kia. Tới đời Anh-tôn, phảm năm Hưng-long thứ 12 (lịch tây năm 1304); mới bắt thi-sinh trước hết ám-tâ chuyên

Mục thiêng-tử và thiêng Y-quốc, rồi đến những bài bàn về nghĩa-lý hoặc chô nghi - ngờ ở các kinh truyện ; rồi đến thơ-phú, rồi đến chiếu biều, sau rốt thì thi một bài văn - sách để định thứ bậc. Song chỉ một khoa ấy thôi, không phải khoa nào cũng thế. Tới năm Quang-thái thứ tư đời vua Thuận-tôn (lịch tây năm 1397) mới định hẳn ra thứ văn bốn trường, bài kỵ ám - là cõi văn; dùng kinh-nghĩa làm kỳ thứ nhất, thơ phú làm kỳ thứ hai, chiếu-chẽ làm kỳ thứ ba, văn-sách làm kỳ thứ tư. Lệ này theo mãi đến hết nhà Trần.

Nói về việc học, thì khi Thái-tôn lên ngôi, liền đặt ra lệ tè - tướng dùng người tôn - thất, nhưng phải là người hiền-năng, có đạo-nghệ và thông kinh Thi, kinh Thư. Đến năm Thiên-ứng chính - bình thứ năm (lịch tây năm 1243), cho Phạm Ứng-Thảo làm chức Thượng-thư tri Quốc-tử-giam đế-diệu, và bắt con các văn - thần vào đó học tập. Qua năm Nguyên - phong thứ ba, khi viện Quốc-học làm xong, sai nặn các tượng Chu-công, Khổng-tử, Mạnh-tử, và vẽ những tượng thất-thập nhì hiền đế thờ, rồi lại ban chiếu cho kê học-giả trong nước, khuyễn nên vào viện Quốc-học, giảng đọc Ngũ-kinh Tứ-thur. Đời Thành-tôn, trong năm Thiệu-long thứ 15 (lịch tây năm 1272),

có bạ chiếu - thư tim - kiểm những người hiền-lương thông-hiều kinh truyện, cho vào hầu tòa Kiab-diên và sung làm chức Tư nghiệp ở Quốc-tử-giam. Đời Nhân-tôn, năm Thiệu-bảo thứ ba (lịch tây năm 1281) lập ra nhà học ở phủ Thiên-trường. Đời Anh-tôn, năm Hưng-long thứ 14 (lịch tây năm 1307), nhà vua sai quan Học-sĩ Nguyễn Sĩ-Cố vào giảng Ngũ-kinh. Đời Phế-đế, năm Xương-phù thứ bảy (lịch tây năm 1381), lập ra thư-viện trên núi Lạn-kha (1), dùng nhà danh-pho Trần-Tôn làm chức Trưởng-viện dạy các học trò, Thượng-hoàng Nghệ-tôn thường thường tới đó xem xét. Đời Thuận-tôn, năm Quang-thái thứ 10 (lịch tây năm 1398), lại đặt ruộng học ở khắp các lô. Theo lời sử nói, thì trước đó, chế - độ quốc - học đã dẫu, nhưng còn các châu, các huyện chưa có. Năm ấy mới có chiếu-thư ban - cấp ruộng học cho các phủ châu và bắt các viên Đốc - học ra sứ dạy dỗ học trò, cho họ đều thành tài-nghệ, để mỗi cuối năm nhà vua sẽ tự thi xét và sẽ cất nhắc cho họ. Ruộng học mới có từ đây.

Nhận kỹ những việc trên đây, chúng ta thấy được hai câu kết luận. Một là suốt đời nhà Trần lúc nào việc học cũng được khuyến-khích nhiệt-liệt. Hai là từ đời Thuận-tôn về trước, sự học

1. — Nay là núi Phật-tích ở huyện Tiên-đu.

vẫn còn trọng ở kinh - thuật, những kẻ học - giả chưa bị trói buộc vào trong xiềng-xích của nghề từ-chương. Ấy cũng vì thế, nhà Trần mới có những bậc đạo - học cao rộng như Chu Văn-An và Trương Hán-Siêu, tư-tưởng tự do như Hồ Qui-Lý. Và cũng vì thế, văn-chương nhà Trần còn có khéo, không đến ủy-mỹ non-nớt như các đời khác.

Đó là về phần Nho-học.

Còn về Phật-giáo, Lão-giáo cũng được các vua tôn-sùng. Nhiều vua sau khi truyền ngôi cho con, tự mình lại còn xuất-gia đi tu là khác. Tuy vậy, trong, đời nhà Trần, Phật-học cũng không đặc-sủng như ở nhà Lý. Theo phép nhà Trần, các vị vương - hầu nếu được ban phong chức của tăng-đạo thì gọi là Tá-thang. Chức ấy đối với tăng-đạo thì là cực-phẩm, phải người thông-thạo bản-giáo mới được thụ-phong. Suốt đời Thái-tôn chỉ có mình Phùng Tá-Thang được hưởng cái đặc-đãy. Thế nhưng Tá-Thang cũng như người khác, không được kê vào hàng quan triều. Vậy là môn đồ nhà Phật đã không được dự chinh-sự nhà nước, rồi vậy.

Tú hồi đầu nhà Trần, con nhà tăng-đạo, cũng như con các nhà nho, kẻ nào nỗi được nghiệp chúa, đều bắt phải thi. Đến năm Thiên-Ứng chinh-hưng thứ 16, Thái-tôn lại đặt ra các khoa thi tam-

giáo và chia bài hàng giáp ất, để định kể trên người dưới. Rồi năm Đại khánh thứ tam, Minh-tôn lại dùng kinh Kim-cương để thi các sư. Qua năm Quang-thái thứ 9, thi có lệnh truyền bao nhiêu tăng-dồ dưới năm mươi tuổi đều phải hồi-tục. Người nào trên năm mươi tuổi đều phải dự một kỳ thi, nếu không Thích-giáo thi được bồ làm đầu-mục của nhà chùa, hoặc là các chức Tri-quản, Tri-tự. Còn những người khác, chỉ được làm kẻ hầu hạ của các thày tu. Rất nhiều việc đó, tuy không có ý hạn-chế đạo Phật, nhưng cũng tố rằng việc thi-cử của các tăng-dạo mỗi ngày một ngặt thêm.

Chẳng những thế thôi. Trong năm Xương-phù thứ năm, vì quân Chiêm thành quấy nhiễu, Phổ để còn bắt các sư trong nước và những tăng-láng ở các rừng núi chùa có độ điệp, đều phải làm lính, theo vị thiền-sư Đại-than đi đánh giặc nữa.

Ấy là trong đời nhà Trần, Phật-giáo không được trọng-dâi như Nho-giáo. Vì vậy, trong nền văn-học, Phật-giáo dần dần phải nhường địa-vị ưu-thắng cho Nho-giáo.

I — THÁI-TÔN

(1198—1258,

Ngài họ Trần tên Cảnh, con thứ Trần Thủ, sinh năm thứ tam hiệu Kiến-gia nhà Lý.

Gốc-gác nhà ngài nguyên trước ở làng An-sinh, đến đời Trần Haddock mới dời sang làng Túc-mặc (nay thuộc về phủ Xuân-trường tỉnh Nam-dịnh). Trần Haddock sinh ra Trần Lý, Trần Lý sinh ra Trần Thủ, đời đời vẫn chuyên làm nghề chài cá. Cuối đời Cao-tôn nhà Lý, họ Trần vì có công dẹp loạn Quách-Bắc, thế lực mồi ngày mồi mạnh, Sang đời Cao-lôn nhà Lý, họ Trần nắm hết quyền-banh trong triều Đế, khi Chiêu-hoàng làm vua, ngài mới tam tuối, vì có Trần Thủ-Độ tiến-cử, ngài được làm chức Hậu-chính cục Chỉ-ứng, vào chầu trong cung. Khi nờ mưu-mô của Thủ-Độ, ngài được Chiêu-hoàng truyền ngôi vua cho.

Sứ chép ngài về người tuấn - mỹ, tinh - tinh khoan-hậu và rất ham-chuộng văn-học. Lúc mới lên ngôi, chính-sư đều ở trong tay Thủ-Độ. Đến khi ngài đã lớn tuổi biết lo việc nước, thì liền chính-đỗn việc thi, khuyễn - khen sự học, khiến cho quang-cảnh rừng học trong hời Trần-sơ có vẻ khả quan.

Trong năm Thiên-ứng chính-bình thứ sáu, vì bị Trần Thủ-Độ ép phải cướp vợ của anh, ngài bỏ ngôi vua ra đi. Khi đến núi Phả-lại, con ngựa phải chạy mẩy ngày đã nhược không đi được nữa, ngài liền bỏ ngựa lại đó, cõ trèo thêm mẩy ngày nữa, mới sang đến núi Yên-tử.

Năm Thiên-ứng chính - bình thứ mười, ngài tự đem quân sang đánh nước Tống. Theo đường bộ qua hết mẩy trại Vĩnh-an, Vĩnh-bình, và theo đường thủy sang tận châu Khâm châu Liêm. Rồi ngài xung là Chàng - Trai, dùng mẩy chiếc thuyền nhỏ đi vào trong cõi. Người ở vùng đó trước còn không biết là ai, họ đều sợ hãi chạy trốn. Khi biết là ngài, họ bèn giăng nhiều xích sắt dưới sông, để ngăn đường thuyền. Bấy giờ ngài mới quay về.

Năm Nguyên-phong thứ bảy, quân Nguyên phảm vào Bình-lệ, ngài tự đem quân đánh giặc, chính ngài xông trước lều dan đê đốc tướng,

sứ. Coi những việc đó, dù biết ngài là ông vua can-dàm.

Bởi thủa nhỏ ngài có chơi với Trúc - Lâm Quết-sư, nên rất khuynh-hướng về mặt Thiền-học. Ngoài bốn chục tuổi ngài đã có vẻ chán-nản cõi trần mà muốn đi tu. Sau khi truyền ngôi cho con và lánh ra ở cung Bắc, ngài càng dễ ý đến sự học-vấn. Nhất là về các kinh-diển nhà Phật, ngài đọc rất nhiều và hiểu đạo Phật một cách thâm-thúy.

Ngài ở ngôi vua 33 năm, nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi.

Thờ ngài có vẻ siêu - thoát, rõ ra tư - tưởng xuất thế.

Tác-phẩm của ngài có một thi-lập và cuốn Khóa-hư-lục. Thi-lập đã bị mai-một, Khóa-hư-lục ngày nay hãy còn.

送 北 使 張 顯 卿
Tống Bắc sứ Trương Hiền Khaanh

韻 無 璞 報 自 懷 懸,

Vận vô quỳnh báo tự hoài tám,

極 目 江 卉 意 不 堪.

Cực mục giang cao ý bất kham.

馬 首 秋 風 吹 劍 銲,

Mã thủ thu phong xuy kiếm giáp,

屋 梁 落 月 照 書 廈:
Óc lương lạc nguyệt chiếu thư lâm.
幙 空 難 阻 燕 歸 北,
Mạc không nan trở yến qui Bắc.
地 暖 愁 聞 雁 別 南
Địa noãn sầu vắn nban biệt Nam.
此 去 未 知 倾 蓋 日,
Thứ khứ vị trí khuynh cài nhât.
詩 篇 聊 為 當 清 談.
Thi thiêng liêu vị đáng thanh đàm.

Dân chú.

Quynh báo Trà bǎng ngọc quỳnh. Gốc ở Kinh Thi, trong câu « Đầu ngã dĩ dao, báo chí dĩ quỳnh dao : cho ta quả dao, trả lại họ bǎng ngọc quỳnh-dao ».

Óc lương lạc nguyệt Mặt trăng xế trên giường nhà. Đỗ Phủ khi nhớ Lý-Bach có câu : « 落 月
滿 屋 梁, 猶 疑 見 顏 色 Lạc-nguyệt mǎn
đe lương, do nghi kiến nhan sắc : ánh sáng của
mặt trăng sắp lặn soi đầy giường nhà, còn ngờ là
thấy vẻ mặt của nhau ». Câu này mượn diễn đó
tỏ ý mong nhớ.

Mạc không: Cái màn trống không. Vì loài yến
hay ở đình mèo, nên dày mượn chữ đó để gọi
chữ « yến » ở dưới.

Khuynh cối Nghiêng lóng. Sách *Gia-ngth*
chép : Kbdong-tử gấp Trình-tử ở đường, nghiêng
lóng nói chuyện. Đây dùng diễn ấy để nói bóng
về sự gấp gõ.

Giải nghĩa

Lúc ấy Trương Hiền-Khanh có thơ từ biệt tác-
giả, bài này là nhời đáp lại, ý nói : Người cho
văn thơ, tôi không có của qui-báu như ngọc quỳnh
dao để báo-dáp lại, thật đáng tự thận. Khi đưa
chân người, tôi đứng trông theo ở nèo đầu sông
xa tít, lòng rất bồi-bồi khó chịu. Người đi, gió thu
biu-bắt, thổi vào thanh gươm đầu ngựa, có lẽ
cũng buồn. Tôi ở đây, mỗi lúc ánh trăng dội vào
chiếc giường ẩm sách, đều tưởng như thấy bóng
người. Tiếc thay đình mèo trống-trái, không thể
ngắn nỗi con én về Bắc, cõi đất nóng-nực, lại
nghe tiếng nhạn từ biệt trời Nam, rầu-rĩ biết
chừng nào. Người về không biết ngày nào chúng
ta lại được gặp nhau để cùng nghiêng lóng nói
chuyện. Vậy xin gửi bài thơ này, gọi là thay cho
cuộc chuyện-trò.

Phiên dịch

Tiễn Bắc sứ Trương Hiền-Khanh.

*Thẹn không ngọc báu tạ ơn lòng,
Ngo-ngthần nghen xa nhũng với trông.*

Đầu ngựa thanh gươm, con giò thỏi,
Trên giường am sách, ánh trăng lồng.
Màn thưa khôn nhẽ ngăn đường én,
Đất nóng buồn nghe rẽ cánh hồng.
Nghiêng lòng ngày nào? Rằng chưa biết,
Câu thơ tạm thế chuyện riêng chung.

寄清風庵僧德山,

Ký Thanh-phong am tảng Đức-sơn,

風打松關月照庭,
Phong đà tòng quan nguyệt chiếu đình,

心期風景共淒清.
Tâm kỳ phong cảnh cộng thê thanh.

箇中滋味無人識,
Cá trung tư vị vô nhân thức,

付與山僧賞到明.
Phù dùi sơn tảng thưởng dào minh.

Giải nghĩa.

Bài này mượn cảnh thanh-tịnh của am Thanh-phong để khen sự cao-thượng của sư Đức-sơn, ý nói: am ấy trong khi giờ dập nếp còng tròng thông, trăng soi vào sân, phong-cảnh thật là mát mẽ trong-sạch, như có hẹn ước với lòng cao-khiết của người thoát-lục. Nhưng, cái thú-vị ấy không có người nào biết đến, để mặc ông sư trong núi thường thức từ tối đến sáng.

Phiên dịch.

**Gửi cho sư Đức-sơn ở am
Thanh-phong.**

Cửa thông gió dập, ngạch, trăng lồng.
Một vẻ trong êm, cảnh hẹn lòng.
Thú-vị ở đây ai kẽ biết?
Thâu đêm vui thường mặc sur ống.

**四山偈并序
Tứ sơn kệ tinh tú**

一山者生相也有差一
Nhất sơn giả sinh tướng dã. Hữu sai nhất
念故現多端: 托形骸於
niệm, cố hiện đa đoạn thác hình hài ư
父 母 之 精, 假 孕 育 於 陰
phụ mẫu chi tinh, giả dụng dục ư âm
陽 之 氣. 冠 三 才 而 中 立,
dương chi khí. Quán tam tài nhì trung lập,
爲 萬 物 之 至 靈. 不 論 上
vi vật chi chí linh. Bất luận thường
智 下 愚, 盡 屬 胚 胎 之 內;
trí bạ ngu, tận thuộc phôi thai chí nội;

豈問一人兆姓，咸歸橐
khởi vẫn nhắt nháu triều tinh, hàm qui tháo
籥之中或太陽表聖主
thuộc chi trung; Hoặc là ánh dương biểu thánh chủ
之挺生，或列宿應賢臣
chi đĩnh sinh, hoặc liệt tú ứng hiền thần
之間出文筆掃千軍之
chi giàn xuất, vẫn bút tảo khuén quân chi
. 帥，武略收百戰之功，男
trận, vũ lược thu bách chiến chi công, nam
兒誇擲果之資，女子逞
nhi khoa trích quả chi tư, nữ tử sinh
傾城之艷，矜名誇麗，爭
khuynh thành chi diễm. Cảng danh khoa lệ, tranh
異鬪奇，看來總是輪迴。
đi đấu kỳ, khan lai lồng thi luân hồi,
到底難逃生化人之生
đáo dè nan dào sinh hóa. Nhân chi sinh
相歲乃春時，壯三陽之
trường, tuế nái xuân tai. Tráng tam dương chi
亨泰，新萬物之萃榮一
banh thái, tân vạn vật chi tuy vinh. Nhất

天 明 媚 村 村 柳 緣 桃 紅, 萬
tiên minh my, thôn thôn liễu lục đào hồng, vạn
里 風 光 處 處 燕 啼 蝶 舞.
lý phong quang, xứ xứ oanh dè điệp vũ.

偈 曰 Kệ viết:

眞 宰 薫 陶 萬 象 成,
Chân tè huân dào vạn tượng thành,
本 來 非 兆 又 非 茗
Bản lai phi triệu hựu phi manh.
祇 差 有 念 忘 無 念,
Chỉ sai hựu niệm vong vò niệm,
却 背 無 生 受 有 生.
Khuộc bội vò sinh thụ hựu sinh.
鼻 著 諸 香, 舌 貪 味,
Ty trước chư hương, tbiệt tham vị,
眼 盲 衆 色, 耳 聞 聲.
Nhìn manh chúng sắc, nhĩ vǎn thanh.
永 爲 浪 蕩 風 廉 客
Vĩnh vi lãng dâng phong - trấn khách.
日 遠 家 鄉 萬 里 程.
Nhật viễn gia hương vạn lý trình.
二 山 者 老 相 也 形 容 漸
Nhị sơn giả lão tướng dã. Hình dung tiệm

改氣血既衰，貌則枯，年
cǎi, khí huyết ký suy, mạo tǎc khô, niên
則高；體在前，硬在後，綠
tǎc cao; ẽ tại tiền, ngạnh tại hậu. Lục
鬢丹臉，翻爲鶴髮雞皮；
mǎn dau kiêm, phiên vi hạc phát kè bì;
竹馬斑衣，復有蒲輪鳩
trúc mā bau y, phuc hǔu bò luân cùu
杖；縱使離妻之日，視色
trưởng; túng sủ Ly Lâu chi mục, thị sắc
難明；任教師曠之聽聞
nan minh; nuiém giao Sư-Khoáng chi thông, văn
音莫辨。憔悴若秋來之
âm mạc biện. Tiều tuy nhược thu. lai chi
柳，凋零如春後之花；夕
liêu, diêu liêu như xuân hậu chi hoa; tịch
陽欲墜於西山，逝水將
dương dục truy ư Tây - sơn, thê thủy tương
傾於東海。人之老相，歲
khuynh ư Đông - hải. Nhân chi lão tướng, tuế
乃夏時。炎天燦石而萬
năi hạ thi. Viêm thiên thưốc thạch nhi vạn

物皆枯; 煙日流金而百
vật giài khô; ời nhạt lưu kim nhì bách
川將涸; 殘花疎柳, 園中
xuyễn luồng bạc. Tân hoa sơ liêu, viên trung.
溝畔豈能留? 狂蝶流鶯,
cầu bạn khỏi nǎng lưu? Cuồng diệp lưu oanh,
葉下枝頭徒向老.
diệp hạ chi đầu dò hướng lão.

偈曰 Kệ viết:

人 生 在 世 若 浮 濶,
Nhân sinh lại thế nhược phù àu,
壽 天 因 天, 莫 妄 求.
Thọ yểu nhàn tibiên mae vōng cầu.
景 逼 桑 榆 將 向 晚,
Cảnh bức tang du trong hương vẫn,
身 如 蒲 柳 暫 經 秋.
Thân như bồ liễu tạm kiab thu.
青 雕 茵 日 潘 郎 鬚.
Thanh diêu lịch nhật Phan lang mǎn,
白 鬢 當 年 呂 望 頭.
Bạch hiền đương niên Lã Vọng đầu.
世 事 滔 滔 渾 不 顧.
Thế sự thao thao bồn bát cõ,

夕 陽 西 去 水 東 流.

Tích dương tây khú, thủy đông lưu.

三 山 者 痘 相 也 年 登 瘿
Tam son già bệnh tướng dã. Niên dǎng lung.
老，疾 染 膏 肪； 四 肢 卷 而 瘴
lão, lệc nbiễm cao hoang; tứ cbi quyện nhì
脉 絡 難 通， 百 節 惰 而 寒
mach lạc nan thông, bách tiết nạo nhì hàn
溫 麽 順， 壤 厥 真 常 之 性。
ôn my thuần, tàng quyết chán thường chí tinh,
失 其 調 暢 之 源， 起 坐 艱
thất kỳ điều xướng cbi nguyén. Khởi tọa gian
辛， 屈 伸 痛 苦。 命 若 第 前
tan, khuất thân thống khò. Mệnh obược phong tiều
之 燭， 身 如 水 上 之 漚。 心
chi trúc, thân nbur thủy tbuong cbi àu. Tâm
生 暗 鬼 頭 頭。 眼 見 空 花
sinh ám quỷ đầu đầu, nboà kiểo không hoa
朶 朶， 形 骸 巍 劣。 誰 爲 扁
dóa dóa, bình bài luy liệt, tbùy vì Biền-
鵲 之 醫？ 體 貌 虛 衰。 孰 是
Thuốc chi y ? Thể mạo hư suy, thục thí
盧 人 之 救？ 親 友 徒 勞 省
Lư - nhàn chi cứu ? Thân hữu dò lao tinh

視弟兄空自扶持；沉痼
thịt đệ huynh không tự phù trì; trầm kha
累月而弗瘳，伏枕經旬。
lũy nguyệt nbi phất liêu, phuc châm kinh tuần
而未愈。人之病相，歲乃
nhi vi dū. Nhân chi bệnh tương, tuế nái
秋時，適嚴霜始降之辰。
thu thi. Thích nghiêm sương tbuv giáng chi thán.
屆衆草俱腓之候，密林
giới chúng thảo cát phi ebi hâu. Mật lâm
茂樹，金風一扇幾扶疎？
mậu thu, kim phong nhát phiến kỵ phù so?
青嶂翠峯，玉露初垂增
Tuanh chuong thuy phong, ngoc lo sơ thuy tang
冷落。
lanh lạc.

偈曰 Ké viết :

陰陽愆德本相因。
Âm dương khiên đức bản tương uân,
變作災屯及世人。
Biến tác tai chuân cắp thế nhân.
大抵有身方有病。
Đại dề hữu thân phuơng hữu bệnh,

若 還 無 痘 亦 無 身.

Nhược hoàn vô bệnh diệc vô thân.

靈 丹 謾 詫 長 生 術.

Linh đan mạn xá trường sinh thuật.

良 藥 難 令 不 死 春.

Lương dược nan linh bất tử xuân.

早 願 遠 離 魔 境 界.

Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới.

回 心 向 道 養 天 真.

Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiên chấn.

四 山 者 死 相 也. 痘 之 彌

Tứ sơn giả tử tương dã. Bệnh chi di

篤，命 乃 告 終. 壽 齡 期 享

dốc, mệnh nǎi cáo chung. Thọ linh kỳ hưởng

於 百 年，身 世 翻 成 於 一

tr bách niên, thân thế phiên thành tr nhất

夢，聰 明 睿 智，難 逃 大 限

mộng. Thông minh duệ trí, nan dão đại hạn

日 來；勇 力 威 雄，竟 拒 無

nbat lai; dũng lực uy hùng, khôi cự vô

常 時 到？貞 妻 順 妾，翻 成

thường thi đáo? Trinh thê thuận thiếp, phiên thành

特 地 之 悲; 恭 弟 友 兄, 遽
đặc địa chi bi cung đệ hữu huynh, xúy
作 終 天 之 別. 粉 身 摙 地,
tác chung thiên chi biệt. Phán thân bốc đỉa,
碎 首 號 天 雕 牆 廣 宇 以
loái thủ hào thiên. Điêu tượng quảng vũ dĩ
奚 爲? 積 玉 堆, 金 而 何 用?
bè vi ? Tích ngọc đài kim phi bà dung ?
夜 臺 幽 掩, 空 聞 朔 吹 震
Đêm dài u yếm, khòng vǎn sôc úy suru
颺; 泉 戶 長 桧, 但 見 憋 云
sưu ; tuyễn hộ trường quỳnh, dān kiển sầu vân
慘 慘. 人 之 死 相 歲 乃 冬
tuảm thảm. Nhân chi tử tương, tuế nãi đông
時. 乾 坤 應 太 歲 而 週, 日
thi. Kiền khôn ứng Thái - tuế nhi cbu, nhát
月 向 玄 楊 而 會, 陰 星 極
nguyệt hướng Huyền - biều nhì hội. Âm tinh cực
盛, 一 天 雨 雪 更 紛 紛; 陽
thịnh, nhát thiên vũ tuyết cánh phẫn phẫn; dương
氣 潛 消, 八 水 凝 波 增 凜
khí tiệm tiêu, bát thủy ngưng ba tăng lâm
凜.

偈曰 Ké viết:

擺 荡 狂 風 括 地 生,
 Bài dǎng cuồng phong quát địa sinh,
 漁 翁 醉 裏 魚 舟 橫.
 Ngư ông tùy lý điếu chàu hoành.
 四 垂 雲 合 陰 霖 色,
 Tứ thùy vân hợp ám mai sắc,
 一 派 波 翻 鼓 動 聲.
 Nhất phái ba phiên cò động thanh
 雨 脚 阵 催 飄 歷 歷,
 Vũ bước trận thổi phiêu lịch lịch,
 雷 車 輪 轉 怒 雷 雷.
 Lôi xa luân chuyển, nộ oanh oanh,
 暫 時 墟 歎, 天 邊 靜,
 Tạm thời tràn liêm thiêng biên tĩnh,
 月 落 長 江 夜 幾 更?
 Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh?

Dân chú

Tứ son: Bốn trái núi. Tiếng của nhà Phật, chỉ về bốn cảnh: đê, già, ốm, chết.

Tam tài: Ba tài, tức là trời, đất và người.

Thác thược Ông bê, đồ dùng của thợ rèn. Thác là cái vỏ bên ngoài, thược là cái ống bên

trong, Lão-tử có câu : « 天 地 其 猶 粿 箕 乎
thiên địa kỳ do thác thược hổ trời đất có lẽ
cũng như cái ống bể ». Câu này mượn chữ đó để
nói về trời đất.

Bút tảo thiên quân : Bút quét nghìn quân. Tho
của Bồ Phủ có câu : « 笔 陣 獨 掃 千 人 軍
Bút trận độc tảo thiên nhân quân : Trận bút một
quét toán quân ngàn người ». Câu này dùng theo
diễn ý, nói về người có tài làm văn.

Trích quả : Ném quả. Sách *Thể-thayết* nói:
Phan-Nhạc rất đẹp, mỗi khi ra đường, đàn bà
lấy các quả trái ném vào, thường thường đầy
xe. Vì vậy, người ta hay dùng điều này để nói
những người đẹp trai.

Khaynh thành : Nghiêng thành, chỉ về các con
gái đẹp, gốc ở câu: « 一 笑 傾 人 城 « nhất
tiểu khuynh nhàn thành một cười làm nghiêng
thành - quách của người ta » của Lý Diên - Niên
dời Hán.

Tam dương Ba khi dương, tức là *mùa xuân*.

Chân-tè : Vị chúa-tè chân-thật, tức là trời.

Phong trân Gió bụi. Đây chỉ về kiếp luân
hồi.

Gia hương : Quê nhà. Đây chỉ về nơi cúc-
lạc trong cõi Phật.

Hạc phát kè bi Tóc bạc da gà. Gốc ở bài phú của Sẩn-Tin, ý nói người già tóc trắng bạc như lông bạc, da sù-sì như da gà.

Trúc mã : Ngựa bằng tre. Sách *Tấn-thư* nói : Hoàn-Ôn lúc nhỏ, thường hay bè tre để cưỡi làm ngựa. Câu này mượn điều đó để nói cái gậy.

Bìn y Thủ áo sặc-sỡ của trẻ con. Sách *Hậu-Hán-thư* nói : Lão Lai ngoài bầy mươi tuổi, bấy còn cha mẹ, ông ta thường mặc áo năm màu sặc-sỡ, chơi đùa dưới đất như trẻ con, để mua vui cho hai thằng. Câu này mượn điều đó để nói cái gậy.

Bồ lăn : Bánh xe có bọc cỏ cối. Sách *Sử-ký* chép Dời xưa làm lễ Phong-thiện, thường dùng cỏ cối bọc vào bánh xe mà di, sợ rằng hại đến cây cỏ trên núi. Về sau người ta cũng dùng xe ấy để người già đi cho êm.

Cưu trưởng Cái gậy khắc hình chim cưu, gậy của người già. Sách *Hậu-Hán-thư* nói : Người nào tuổi đến bầy mươi, nhà vua ban cho một chiếc gậy ngọc, đầu gậy chạm hình chim cưu. Cưu là giống không ngaben, tảng chiếc gậy đó, có ý muốn người già khỏi ngaben.

Lý-Lâu Người rất sáng mắt dời cõ.

Sư-Khoáng Một viên nhạc-sư của nước Tấn trong đời Xuân-thu. Theo sách *Tà-truyện*, Sư

Khoảng rất sáng tai, có thể nghe âm nhạc mà
đoán được sự lành dữ.

Tang du : Cây dâu cây du. Sách *Hán-Hán-thư*
nói « Mắt ở phương Đông, lấp lại ở cây dâu
cây du ». Bởi vì mặt trời sắp lặn, ánh sáng còn
chiếu ở ngọn cây dâu cây du, cho nên người
ta dùng hai chữ đó để chỉ phương tây hay mặt
trời tà. Đây mượn để nói cành già.

Bồ liêu : Tức cây thủy-duong, cũng giống cây
liêu, nhưng cành không dù. Cây này rụng lá sớm
hơn các cây, vì vậy, người ta hay mượn để vi những
người thê-chất suy-yếu.

Phan-lang : Chàng họ Phan, tức Phan Nhạc, đã
chưa ở trên.

Lã-Vọng : Tức Khương-tử-Nha, cũng gọi Thái-
công Vọng. Lúc chưa gặp Văn-vương, Lã Vọng đầu
bạc phơ-phơ, vẫn còn ngồi câu ở bến Bán-khé.
Đây dùng Lã Vọng để chỉ người già.

Cao-hoang : Một bộ-vị trong thân người, tức là
khu-vực của tâm-mạc, *Tả-truyện* có câu : « 痘 不
可 爲 也 在 膚 之 上 育 之 下 Tat bất khả vi
dã, tại cao chi thượng, hoang chi hạ ; tat không
thể chữa, nó ở trên cái *cao* và dưới cái *hoang* ».
Người ta dùng chữ « *cao hoang* » để chỉ bệnh nặng
là gốc ở đó.

Biền-Thước : Tức Tần Việt-Nhân, một vị danh-y đời Chiến-quốc.

Lư-nhân : Người đất Lư, cũng là Biền-Thước. Vì Biền-Thước nhà ở đất Lư, cho nên người ta gọi là Lư-y.

Kim phong : Gió vàng, tức là gió mùa thu.

Vô-thường : Không thể còn mãi. Theo kinh Phật, hết thảy các vật ở thế-gian, không có cái gì còn mãi, vì vậy, người ta cũng dùng tiếng đó để chỉ sự chết.

Dạ-dài : Dài đêm, chỉ về âm-phủ.

Cửa-suối : Cửa của suối vàng, chỉ về âm-phủ.

Thái-tuế : Tức là sao Mộc, đi 12 năm mới hết một vòng. Mỗi năm đóng ở một ngôi. Vì vậy người Tàu ngày xưa mới dùng tên của những nơi sao thường đóng để làm tên cho các năm.

Huyền hiếu : Ngôi của sao Hư, một sao trong đoàn nhei-thập-bát-tú.

Bát-thủy : Tám nước, Tức tám giòng nước công-đức. Kinh Phật nói : Dưới núi Tu-di có tám giòng nước công-đức. Tám giòng ấy là : 1 ngọt, 2 mát, 3 mềm, 4 nhẹ, 5 trong sạch, 6 không có mùi, 7 khi uống không hại họng, 8 uống rồi không đau bụng.

Phiên dịch

**Bài kệ bốn núi và lời tựa của
những bài ấy**

Trái núi thứ nhất tức là tướng «sinh». Một
nghỉ đã làm, nhiều đường phải biện : gửi bình-
bài ở tinh cha mẹ, mượn thai-nghén của khí âm
đương. Chùm hết ba «tài», có mình đứng giữa ; so
trong muôn vật, là bậc thiêng hơn. Cực khôn hay
quá dại khác gì ? ai không ở buồng bài học
trứng ? Trăm họ với một người cũng vậy, thảy đều
về lò bě́ thơ trời. Hoặc là vàng nhạt biển bình,
sinh vì chúa thánh ; hoặc bởi bóng sao biến tướng,
thành dũng tài hiền ; hoặc kẻ tài văn lối-lạc, ngọn
bút quét nghìn quân ; hoặc người churbé vő cao-
siêu, sở cộng ghi trăm trán ; hoặc bang tài trai
tuấn-tú, lúc ra đường quà ném đầy xe ; hoặc
trang con gái nôn-nà, con đặc-ý nu cười nghiêng
nước. Bao kẻ khoe danh huy sắc, bao người trọi
lạ tranh sang, xem ra cùng trong kiếp luân hồi, rút
lai chưa thoát vòng sinh hóa. Tướng «sinh» của
người thề, mùa xuân trong hàng năm. Vận ba
«đương» đương độ hanh-thông, cảnh muôn vật
chung màu tươi tốt. Một trời sáng sủa, khắp mọi
làng hoa thắm liêu xanh ; muôn đậm phong-
quang thấy các xứ oanh kêu bướm mưa.

Kệ rằng :

Đúc nén muôn tượng bởi lò trời,
Há phải mầm edy lỵ nầy trồi?
Bụng nghỉ trót sai đường tịch-diệt,
Cõi trần phải chịu kiếp luân-hồi.
Hương thơm, vị ngọt quen mồm mũi,
Tiếng dịa, màu xinh bạn mắt tai.
Trời giật còn dài đời gió bụi,
Quê hương muôn dặm bóng xa khơi.

Trái núi thứ hai, tức là tướng «già». Hình-dung
dần đồi, khí huyết đã suy. Mặt thì khô, tuổi lại
càng cao, trước còn nghèo sau thì vường hóc. Đầu
xanh má đỏ, phút thành tóc hạc da gà; ngực
trù áo ban, thêm có gãy cưu xe cõi. Dầu sáng mắt
tựa Ly-Lâu thủa trước, màu-vé nhạt còn mờ;
dầu thính tai như Sư-Khoáng ngày xưa, tiếng-tăm
nghe rõ ró. Thân hình tiêu-tuy, cảnh liêu lúi thu
về; nhan-sắc diêu-tàn, bông hoa thủa xuân hết;
bóng chiều đã xế, bầu trời non doài; giống nước xa
nguồn, muôn về biền cả. Tướng «già» của người
thế, mùa hạ trong hàng năm. Tiết trời nực dà
bèn cũng chầy, muôn vật đều khô; áo nắng bun
vàng rắn phải tan, trám sòng sắp cạn. Hoa tàn
liêu uá, trong vườn bờ suối ở khôn lâu, bướm rạc
oanh gầy, dưới lá đầu cành già sắp tối.

Kệ rằng:

*Lệnh-danh bợ nước kiếp người đời,
Thọ yêu khôn toan tránh số trời.
Cành đã ngon dâu lán nồng quái,
Thân đường cành liễu lúc sương rơi.
Chàng Phan ngày nọ đầu xanh mướt !
Cụ Lũ năm nay tóc bạc rồi !
Man-máu việc đời khôn ngánh lại,
Mái đuôi ác xé, nước trời xuôi.*

Trái núi thứ ba túc là tướng «õm». Tuổi đã già
quèn, bệnh đến cao-hoang ; chân tay mỏi đường
gân mạch máu khô thông, đốt xương lòng trái gió
dở giờ dê cảm. Nhiều tình chán-thường đã mất,
các nguồn điều xương cũng sai ; ngồi đứng khó-
khăn, ruồi co đau đớn ; linh-mệnh tựa ngọn đèn
trước giờ, thân-hình như cái bợ trên vòi. Bóng
ma via quái, chen-chúc trong tim ; dom dom chuồn
chuồn, lập-lòe đuôi mắt. Hình hèi yếu-ớt, Biền-
Thước biết là ai ? Mặt mũi gầy-mòn, Lư-y nào
nhứng kẽ ? Họ bạn đã nhọc công thăm-bồi, anh em
càng uổng sức nàng dịu. Chứng liệt giường hàng
tháng khôn lành, con gục gối mẩy tuẫn chưa dậy.
Tướng «õm» của người thề, mùa thu trong hàng
nhóm. Sương lanh đã rơi, cỏ tươi đều úa. Cây cao
rừng rậm, gió vàng một trận phút lơ-thơ ; núi biếc
non xanh, móc ngọc vừa sa liền trọc-trui.

Kết rằng :

*Âm ngang, dương trái, vận theo nhau,
Đè khách trán-gian chịu thảm sầu.
Cũng bởi có thân, thành có bệnh,
Vì bằng không xác, quyết không đau.
Phép tiên chờ vội khoe không chẽ;
Thuốc thánh còn chưa chắc sống lâu.
Ai hối ! Cõi ma nén kíp lánh,
Trong đường tu-luyện sớm quay đầu !*

Trái núi thứ tư tức là tường «chẽ». Bệnh-khi
càng nặng, mệnh lực hầu tàn. Tuổi thọ kia luống
hẹn trăm năm, tấm thân nõi chợt thành giặc mộng.
Mấy kẻ khôn ngoan sáng suốt, tránh tuẫn đại-hạn
được nǎo ? Bao người khỏe mạnh oai-hùng, chống
sức «vô thường» không nỗi. Vợ ngoan, hầu khéo,
rầy đã thành những vết đau-thương; anh thảo em
biền, thời cũng hóa đôi đường xa-lạ. Vật mình
đập đất, rập trán kèu trời. Tường hoa nhà rộng
có làm chi ? ngọc chất vàng trồng dùng gì nữa ?
Đài diêm kin khép, những nghe gió bắc ào ào;
cửa suối nhặt cài, chỉ thấy mây sầu mù-mịt. Tường
chẽ của người thế, mùa đông trong hàng năm.
Xoay đã hết vòng, trời đất theo sao Thái-tuế ; họp
vào một chỗ, thỏ ác nhám ngồi Huyền-hiếu. Âm-
tinh rất thịh, một trời mưa tuyết lạitoi-bời, dương-
khi liêu dǎn ngầm tám nước đóng băng thêm rá-rét.

Kết rằng :

Cao dắt dùng dùng trận gió hanh,
Lão ngư say tit, chıldc thuyền chành.
Bốn bề mù-mịt mây sầm bóng.
Một giải lô-sô sóng cuộn ghènh.
Theo lớp hạt mưa bay pháp-phái,
Đồn nhau tiếng sét nô di-doanh,
Giây lâu tan bụi, bên trời tạnh,
Trăng lặn lòng sông, đêm mắng canh ?

禪宗指南序

Thiền-tôn chỉ Nam tự

朕聞，佛無南北均可
Trẫm vẫn Phật vô Nam Bắc, quan khă
修求；性有智愚，同資覺
tu cầu; tính hữu trí ngu, đồng tư giác
悟。是以誘群迷之方便。
ngộ. lài dĩ dụ quần mê chi phương tiện,
明生死之捷徑者，我佛
minh sinh tử chi tiệp kinh già, ngã Phật
之大教也。任垂世之權
chi đại giáo dã, nhiệm thày thế chi quyền
衡。作將來之軌範者，先
hành, tác tương lai chi quyề phạm già, tiên
聖之重責也。故六祖有
thánh chi trọng trách dã. Cố Lục-tò hưu

言云：先大聖人與大師
ngón vân: Tiên đại-thánh - nhân dū đại-sư
無別，則知我佛之教，又
vô biệt, tặc tri ngã Phật chi giáo, hựu
假先聖以傳於世也。今
giả tiên-thánh dĩ truyền tr thê dã. Kim
朕焉可不以先聖之任
trẫm yên khả băt dĩ tiên-thánh chí nhiệm
爲己之任。我佛之教爲
vi kỵ chí nhiệm, ngã Phật chí giáo vi
己之教哉？
kỵ chí giáo哉？

且朕於孩童有識之
Thà trẫm ư bài - dòug hựu thức chí
年，稍聞禪師之訓，則澄
niên, sào vǎn thiền - sư chi huấn, tặc chừng
思息慮，槩然清淨，有心
tr thức lự, khái nhiệm thanh tĩnh, hựu tâm
乎內教，參究乎禪宗。虛
bò nội giáo, tham cứu hò thiền-tông, hự
己求師，精誠慕道，雖回
kỵ cầu sư, tinh thành mō đạo, tuy hồi
向之意已萌，而觸感之
hướng chí ý dĩ mao, nhi xúc cảm cài

機未達，甫十六歲，太后
cơ vi đạt. Phù thập lục tuế, Thái - hậu
厭世，朕寢苦枕土，泣血
yán thế, Trâm tằm niêm chàm thò, khấp huyết
椎心，憂苦之餘，未遑他
trùy tâm, tru khỗ chí dù, vị hoàng tha
務。僅數年間，太祖皇帝
vụ. Cứn sốn niên gian, Thái - tòe hoàng - dế
繼爾晏駕，杯棬之慕未
ké nhĩ án già. Bôi quyên chí mộ vị
夷，創鉅之心愈切，悽悽
di, sảng cự chí tâm dù thiêt, thê thê
縱縱，難釋厥懷。念父母
tùng túng, nan thích quyết hoài. Niệm phu mâu
之於子者，撫摩鞠育，靡
chí u tú già, phù mía cúc dục, mý
所不至，粉骨碎身，猶未
sò bát chí, phán cốt toái thán do vị
足以報其萬一也。况朕
túc dĩ bào kỵ vạn nhát dã, Huống trâm
考太祖皇帝，開基創業
khảo Thái - tòe hoàng - dế, khai cơ sáng nghiệp
之艱難，經邦濟世之尤
chí gian-nan, kinh bang tể thế chí vưu

重，以大器授予幼冲，夙
trọng, dĩ dài khì thụ du ấu xung, túc
夜兢兢不遑敵處私自
da cǎng cǎng, bất hoảng khài xǔ. Tự túc
謂曰：上既無父母之可
vì viết: thượng kỵ vô phu-mẫu chí khái
依，下恐不足副黔黎之
y, hạ khùng bất túc phó kiềm lè chí
實望，柰何？尋而思之：不
thực vọng, nại hả? Tầm nhì tư chí: Bất
如退處山林，旁求佛教，
như thoái xứ son-lâm, bàng cầu Phat giáo,
以明生死之大事，又以
dĩ minh sinh tử ebi dài sự. hựu dĩ
報劬勞之德，不亦美哉！
bào cù lao chi dñe, bất diệc mỹ lai!

於 是，朕 志 遂 决，天 應
U tbi, trâm chí toại quyết, Thiên-ứng
政平五年，實丙申四月
chiến-bình ngũ niên, thực binh-thân tút nguyệt
三夜，因微服出宮門，謂
tam dạ, nhàn vi phục xuất cung-môn, vị

左 右 曰 蔡 欲 出 遊， 潛 聽
tả hữu viết Trầm dục xuất du, tiêm thính
民 言， 以 觀 民 志， 廉 知 事
dân ngôn, dĩ quan dân chí, thính tri sự
之 艱 難， 時 從 蔡 左 右 不
eabi gian nan. Thời tòng trầm tả hữu bất
過 七， 八 人， 是 夜 亥 刻， 以
quá thất, bát nhán, tbi dạ hợi khắc, dĩ
單 騎 暮 而 行， 渡 江 東 去，
dan ky nặc nbi hành. Độ giang đông khứ,
乃 以 其 情 告 于 左 右， 左
nǎi dĩ ký tình cáo vu tả hữu. Tả
右 懈 然， 舉 皆 泣 泣， 翌 日
hữu ngác-nhiên, cù giải thẽ khấp. Dực nhật
卯 時， 到 大 灘 普 賴 山 渡，
mão thi, đáo Đại than Phà-lại sơn độ.
恐 人 知 之， 以 衣 蒙 面 而
Khủng nhân tri chi, dĩ y mông diện nhí
渡 江， 徑 山 而 行， 及 晴， 入
độ giang. Kinh sơn nhi hành, cập bờ, nháp
宿 于 覓 行 僧 寺， 待 旦 而
lúc vu Giác-hạnh tāng tự, dài đán nhì
去， 間 關 跋 涉， 山 險 泉 深，
khứ. Gian quan bat thiệp, sơn hiểm tuyễn thẳm,

馬 痞 而 不 能 進。朕 乃 棄
mǎ bì nǎi bù néng jìn. Trâm nǎi khì
馬 攀 崖 而 行。未 時，方 到
mǎ phan nhai nǎi hành. Vị thi, phương dào
安 子 山 阿。明 旦 直 上 山
Yên - tử sơn a. Minh đán, trực thượng sơn
頂，參 見 國 師 竹 林 大 沙
đỉnh, tham kiến quốc - sư Trúc - làm dài sa
門。師 一 見 欣 然 從 容 謂
môn. Sư nhặt kiến hán nhiên, thung dung vị
朕 曰：老 僧 久 居 山 野，骨
trâm viết Lão tăng cùn cư sơn dã, cốt
剛 貌 悴，甘 茶 苦 橡，泉 飲
cương, mao tuy, cam đỗ nhục tượng, tuyễn àm
林 遊，心 若 浮 雲，隨 風 到
lâm du, tâm nhược phù yān, tùy phong dào
此。今 罣 下 棄 人 主 之 勢，
thử. Kim bè - bà khi nhả - chủ cobi thế,
思 林 野 之 賤，果 何 所 邀
tư lâm dã chí tièn, quả bà sở yêu
而 到 斯 耶？
và đáo tư gia ?

朕聞其言，雙淚自下。
Trâm vân kỵ ngón, song lè tự ba, hàn cáo chi viết: Trâm phượng ấu tri, kịch
喪雙親，孤立士民之上，
táng song thân, cô lập sỹ dân chi thượng, 無所依附。復思前代帝
vô sô y phu. Phuc tư tiền đai dế
王事業興廢不常，故入
vương sự nghiệp, hưng phế bất thường, cố nhập
此山，惟求作佛，不求他
thủ son, duy cầu tác Phật, bắt cầu tha
物。師曰：山本無佛，惟存
vật. Sư viết: Sơn bản vô Phật, duy tồn
乎心。心寂而知，是名真
hồ tâm. Tâm tịch nhì tri, thị danh chân
佛。今陞下若悟此心，則
Phật. Kim bè - ba nhược ngộ thủ tâm, tắc
立地成佛，無苦外求也。
lập địa thành Phuat, vô khò ngoại cầu dã.

時叔父陳公，乃先君
Thí thúc - phu Trần - công năi tiên quan
托孤之從弟也。先君棄
thác cõ chi tung - dê dã. Tiên quan khi

世 羣 臣 之 後，朕 命 爲 太
 shé quān chén zhì hòu, zhèn mìng wéi Tà-i.
 師。一聞 朕 去，分 命 左 右，遍
 sū. vân zhèn khứ, phân mìng tâi hưu, biǎn
 求 撤 迹，遂 與 國 人 尋 到
 cǎu triệt迹, toại dã quoc nhàn tìm đao
 此 山，與 朕 相 遇，興 言 痛
 thủ sơn, dùn zhèn trung ngộ, hưng ngôn thống
 切 曰 臣 受 先 君 顧 托，奉
 thiết viết: Thân thu lièn quân cố thác, phụng
 隆 下 爲 民 神 之 主，民 之
 bē-ha vi dân thàn chí chủ, dân chí
 所 以 稕 戴 於 隆 下 者，亦
 sò dū bē dài ư bē-ha già, diệc
 猶 赤 子 之 慕 父 母 也。况
 do xích-tử cbi mộ phu mẫu dã. Huống
 今 朝 廷 故 老，無 非 親 屬
 kim triều - đình cố lão, vô phi thân - thuộc
 之 臣，黎 元 士 庶 盡 是 悅
 chí thàn, lè nguyễn sĩ thứ, tần thị duyệt
 服 之 衆，至 於 三 尺 之 童，
 phuc chí chúng, chí ư tam xích chí đồng,

皆 知 陞 下 作 民 父 母 矣?
gai tri bê - ha tac dàn phu mău hý?
且 太 祖 捨 臣 而 去， 一 杯
Thà Thái - lò xá thàn nbi khú, nhát phău
之 土 未 乾， 遺 耳 之 言 猶
chí thô vî can, di nhí chí ngòn do
在 而 陞 下 遷 跡 山 林， 隱
tại, nbi bê - ha đôn tich són lâm, àn
居 求 志， 以 臣 言 之： 陞 下
cù cùu chí, dû thăo ngòn chí bê - hâ
爲 自 修 之 計 則 可， 其 如
vi tự tu chí kĕ tac khâ, ky như
國 家 社 稷 何？ 與 其 垂 空
quốc-gia xâ - tac hâ? Dữ ky thùy khong
言 以 示 後， 孰 若 以 身 爲
ngòn dû thi hau, thuc nhuoc dû thán vi
天 下 先 也？ 陞 下 若 不 返
thiên-hâ tiên dâ? Bé - hâ nhuoc hât phan
思， 臣 等 與 天 下 之 人， 同
tu, thău dăng dû thiên - hâ chí nhân, đồng
死 此 日， 决 無 歸 志。
tử thău nhât, quyết vô qui chí.

朕 見 太 師 及 諸 故 老
Trâm kiến Thái - sư cát chư cõ - lão
之 臣 無 有 捨 朕 之 意 遂
chí lähn vó bùu xá trâm chí ý, toai
以 其 言 告 于 國 師 國 師
dī kỵ ngôn cáo vu Quốc - sư, Quốc - su
捧 朕 手 而 言 曰 凡 爲 人
bòng trâm thù nhì ngôn viết: Phàm vi nhân
君 者 以 天 下 之 欲 爲 欲
quán già, dī thiêng hả chí dục vi dục
以 天 下 之 心 爲 心 今 天
dī thiêng - hả chí tám vi tam. Kim thiêng
下 欲 迎 陞 下 歸 則 陞 下
ba dục nghênh bè - hả qui, tac bè - hả
安 得 不 歸 戕哉 然 內 典 之
an đắc bát qui tai? Nhiêu Nội - diển chí
究 願 陞 下 無 忘 斯 須 耳
cứu, nguyện bè hả vó vong tu tu nhĩ.
由 是 朕 與 國 人 回 京
Do thí trâm dù quoc nhâo bồi kinh,
勉 而 践 位 十 數 年 間 每
miễn nabi tiễn vị, Thập sò niên gian, mỗi
遇 機 暇 輒 會 者 德 參 間
ngộ cơ hả, chiếp hoi kỵ đức, tham vân

禪道及諸大教等經，無
thiền ðao, cùp chư ñại-giáo ñảng kinh, vò
不研究，常讀金剛，至“應
bất nghiên-cứu. Thường đọc Kim-cương, chí « ứng
無所住而生其心”之句。
vò sò tru nhì sinh kỵ tam», chí cù,
方爾廢卷吟間，豁然自
phương nñi phê quyên ngâm gian, khoát nñien tự
悟，以其所悟而作是歌，
ngõ. Dĩ kỵ sò ngõ nhì tác thi ca,
目曰禪宗指南，是年國，
mục viết Thiền-tông chỉ Nam. Thị niên quốc-
師自安子山赴闕，賜居
sư tự Yen - tử son phò khuyết, tú cư
勝嚴寺，開諸經印板，朕
Thắng - nghiên tự, khai chư kinh ấn bản. Trâm
以此作出而示之。師一
dĩ thû tác xuât nhì thi chí. Sư nhất
覽而三歎曰：諸佛之心
lâm nñi tam lñán viết: Chư Phật cui tam
盡在是矣。盍刊諸經印
tào tại thi hý. Hap san chư kinh ấn
以示後學？
dĩ thi hñu - hoc.

朕聞是言，乃命工楷
Trâm vǎn thí ngôa, nǎi mènh cōng khái
寫，勅令開印，非特以爲
tả, sắc linh khai ấn, phi đặc dī vi
後世指迷，蓋欲繼先代
hậu-thế cibi mê, cái dục kế tiên-dai
聖人之功而廣之也。因
thánh-nhân chí công nhì quang chí dã. Nhân
自爲序云。
tự vi tự văn.

Bí khảo

Theo bản in đời Minh-mệnh, trong câu «黎元
士庶盡是悅服之衆» không có bài
chữ 尽是, bên cạnh có chua thêm rằng:
«dưới chữ 庶 e có hai chữ 莫 不, xét ra hai
chữ 莫 不 đặt vào chỗ ấy không thông. Vậy
nay tạm lấy ý riêng dời ra hai chữ 尽是.
Lại ở trong câu «蓋欲繼先代聖人
之功而廣之也», bản in không có chữ
而 và bài chữ 之也. Nhưng vậy, chẳng những
chữ 廣 không có nghĩa gì mà cả câu còn bị
đổi nghĩa là khác. Chắc là nguyên-văn phải có
chữ 而 và bài chữ 之也, vì tam-sao thất-bản
mà mất đi. Vậy nay cứ theo ý riêng thêm vào.

Theo trong sử, thi vị thiền-sư ở chùa Yên-lử
bấy giờ tên là Phù-vân. Khi ấy Trần Thủ-Độ
(bấy Chiêu-thánh hoàng-hậu (tức là Chiêu-boang,
vợ Thái-tôn) không hề sinh đẻ, mà Thuận-thiên
công-chúa (vợ An-sinh-vương Liễu, anh ruột Thái-
tôn) hiền dương cò mang, mời bắt Thái-tôn lấy
nàng, lập làm hoàng-hậu, hòng nhờ đứa con ở
trong bụng nàng. An-sinh-vương Liễu tức giận,
tự lập đỗ-dâng làm loạn. Thái-tôn nghĩ không
yêu lòng, liền bỏ ngôi vua mà đi. Vì Phù-vân quắc-
sư là chỗ bạn cũ, nên ngài mời tới Yên-lử. Lai
khi Thủ-Độ đến Yên-lử, mời mãi, Thái-tôn nhất-
định không về, ông ta bảo bọn là-hữu rằng:
Nhà vua ở đâu tức là triều-dinh ở đấy. Rồi thì
ông ta lập-tức cắm nêu trong núi, bảo chỗ này
là điện Thiên-an, chỗ kia là gác Đoan-minh, sai
người sắp sửa xây dựng. Phù-vân quắc-sư thấy
vậy, liền bảo Thái-tôn: Bệ-bạ nên về ngay, chờ
để hại cho rừng núi của tôi. Vì thế Thái-tôn mới
băng lòng về. Những chỗ ấy so với bài này cũng
có hơi khác.

Dẫn chú

Nội-giao: Tức đạo-giao nhà Phật.

Thái-hậu: Tức vợ Trần Thủ-Độ, mẹ Thái-tôn,
sau khi Thái-tôn làm vua, được tôn làm Hoàng-
thái-hậu.

Thái-tồ hoàng-đế : Túc Trần Thủ, cha Thái-tôn, sau khi Thái-tôn làm vua, được tôn làm Thái-lburong-hoàng, lúc chết, truy-tôn làm Huy-tôn hoàng-đế, miếu-hiệu Thái-tồ.

Trần-công : Túc Trần Thủ-Độ.

Nội-diên : Túc kinh-diên nhà Phật.

Lục-tồ Túc Tuệ-năng đại-sư, người đã lập ra pháp-môn Đông-son.

Tâm niêm châm thò Năm có gõi đất. Nói về lúc ở tang của mẹ, gốc ở kinh lê.

Bài quyền Cái chén cái duoc. Kinh Lê nói : « mẹ mất, cái chén cái duoc không nô uổng ». Đây đúng chữ đó để tả sự nhớ mẹ.

Sang cự : Theo 'mạch văn, bài chữ này phải chỉ về sự nhớ cha, nhưng chưa rõ nghĩa nó là gì.

Tam xích : Ba xích. Đời xưa gọi hai tuổi rưỡi là một xích. Ba xích tức là bảy tuổi rưỡi.

Phiên dịch

Bài tựa sách Thiên-tông chỉ nam

Trâm nghe : Đạo Phật không chia phương nam phương bắc, đâu cũng lấy sự tu hành mà làm; tinh người tuy có kẻ khôn kẻ ngu, ai cũng nhờ sự giác-ngộ mới biết. Cho nên những việc dàn-du bọn hôn-mê, chỉ rõ đường sinh-tử, tức

là đại-giáo của Phật-lồ, mà đến những việc đặt cẩn mực-cho hậu-thế, làm khuôn mẫu cho tương-lai, thì là trọng-trách của Tiên-thánh. Bởi vậy Lục-tồ có nói : « Tiên-thánh và đại-sư không khác gì nhau. Coi đó thi biết đạo giáo của Phật-lồ, còn phải muộn súc Tiên-lháuh mới truyền-bá được với đời. Như vậy trẫm nay sao lại có thể không lấy trách-nhiệm của Tiên-thánh làm trách-nhiệm của mình, giáo-hóa của Phật-lồ làm giáo-hóa của mình được ?

Vâ, trẫm từ thuở ngày-thơ, mới có hiểu biết, mới kinh nghe lời dạy-bảo của các thiền - sư, lúc thi dập tắt mọi sự nghĩ-ngợi, trong mình rất là thanh tịnh. Hồi ấy trẫm đã có ý ham say Nội-giáo xem xét thiền-lòng, đốc chi tim thày, thành tâm mến đạo. Song le, cái ý khuynh-hướng dù đã nảy ra, cái cơ cảm-xúc vẫn chưa đạt tới.

Năm mươi sáu tuổi, Thái-hậu chán cõi đời, trẫm những năm chiếu rrom, gối cục đất, khóc ráo máu mặt, đau như cắt lòng. Trong lục lõ phiền khổ-não, không còn nghĩ đến chuyện gì. Chỉ trong vai nãm, Thái-tồ hoàng-dế lại cũng tạ-thế. Thương mẹ chưa khuây, xót cha càng thấm-lbia, bồi-hồi ngao-ngán, khó người nỗi lòng. Trẫm nghĩ cha mẹ với con, vỗ-về nuôi nấng, không thiếu cách gì, đời con đâu có nát xương, tan thịt, chưa đủ báo-dền được một phần muôn. Huống chi, trẫm xét Thái-tồ-

hoàng-dế mở cơ-đựng nghiệp đã rất khó khăn, sửa nước giúp đời, lại càng hệ-trọng. Từ kbi ngài đem ngôi báu trao sang cho ta, một người đang độ trẻ thơ, ta những sớm khuya lo sợ, không có lúc nào ở rồi. Bụng ta bão dại : « Ở trên đã không còn cha mẹ đê-nương nhở, thì ở dưới e không đủ khiếu cho dân đen thoả-lòng mong mỏi. Làm thế nào ? Rồi ta lại nghĩ : « Âu là lui về núi rừng, rộng tìm Phật-giáo, đê biều rõ về sự sống chết và đê bão đáp công-đức cù-la-ao, như vậy hả-chẳng hay ư ? ». Thế là chí-trẫm đã quyết. Hiệu Thiện-ứng chính-hình năm thứ năm, nhằm đêm mồng ba tháng tư, năm Bình-thân, trẫm bèn ăn mặc quần-áo người thường, đi ra cửa cung và bảo tả-hữu rằng « Ta muốn đi chơi, nghe ngầm lời dân, đê coi chí-dân, ngõ hầu biết sự khó-philoc của họ » Lúc đó, theo bên cạnh trẫm chẳng qua độ bầy, tám người. Đêm ấy vào khoảng giờ mùi, trẫm tự lấy một con ngựa, cất lên ra đi. Khi đã sang sông đi về phía đông, trẫm mới bảo thật với bọn tả-hữu. Bọn độ ngạc-nhiêun, ai nấy đều úa nước mắt, khóc lóc. Giờ mǎn hôm sau, đến một bến đò dưới núi Phá-lại, thuộc làng Đại-than, sợ có kẻ biết, trẫm phải lấy áo chùm mặt mà qua sông, rồi theo đường tắt lên núi. Đến tối, vào nghỉ trong chùa Giác-hạnh, đợi cho đến sáng lại đi. Chặt - vật trèo lội, núi hiểm suối sâu, con ngựa đã nhược không thể lên núi

được nữa, trẫm phải bỏ ngựa, vịn vào tảng đá mà đi. Giờ mùi mới đến chân núi Yên-tử. Sáng mai lèo thằng đỉnh núi và vào ra mắt Quốc-sư Trúc-lâm, vì đại-sa-môn chùa ấy.

Thấy trẫm, Quốc-sư mừng-rồ, rồi người ưng-dung bảo với trẫm rằng: Lão-tăng ở lâu rừng núi, xương rắn, mặt gầy, ăn rau răm, cắn hạt dẻ, uống nước suối, chơi cảnh rừng, đã quen, tấm lòng đã giống như đám mây nồi, nên mới theo gió đến đây. Nay nhà vua bỏ cái oai-thể của dũng nhân-chủ, nghĩ sự quê-bèn của xứ đồng rừng, chẳng bay nhà vua định cầu cái gì mà đến chỗ này?

Trẫm nghe lời đó, dời băng nước mắt lụ-nhiên ứa ra, liền bảo Quốc-sư: Trẫm còn tho-ấu, với mắt bai tbản, tro-vợ đứng trên sỹ dân, không biết nương tựa vào đâu, và trẫm lại nghĩ: sự-nghiệp của đế-vương đời trước, hưng-vượng, suy-bại rất là bất-lường. Nếu trẫm muốn vào núi này chỉ cầu làm Phật, không cầu cái gì khác nữa. Quốc-sư nói: Trong núi vốn không Phật. Phật chỉ ở nội trong lòng. Hễ lòng mình yên-lặng mà hiều-biết ấy là Phật đó. Nay nếu nhà vua giác-ngộ lòng ấy thì sẽ tức thi thành Phật, không phải đi tìm ở ngoài cho phiền.

Bấy giờ chúa Trần — em họ đức Tiên-quân, người đã được đức Tiên-quân gửi gắm con cái, sau khi đức Tiên-quân bỏ thế-gian và quần-thần, trẫm cho làm chức Thái-sư, giúp việc chinh-sự nhà

nước — nghe tin Trâm đi, chia ngà sai ta hữu đi
khắp mọi nơi dò tìm vết đường, và cùng một bọn
người nước lên đó. Gặp Trâm, ông ấy nói rất
thông-thiết mà rằng: Tôi chịu lời ủy - thác của
đức Tiên-quân, vâng nhà vua làm chủ cho nhân-
dân và quí-thần, dân họ mong nhớ nhà vua, cũng
như con dò mến cha mẹ vậy. Huống-chỉ ngày nay,
nhưng vì cõ-lão trong triều, đều là họ hàng thân-
mật, những kẻ sĩ-thứ trong nước, ai cũng vui vẻ
phục theo, cho đến đứa trẻ lén bầy, cũng biết nhà
vua là cha mẹ dân. Vả lại, Thái-tô vừa mới bỏ tôi
mà đi, hòn đất trên nấm chưa khô, lời nói bên tai
còn đó, thế mà nhà vua đã lánh vào chốn núi rừng,
dè tìm cái chí của mình, tự tôi xem ra: nhà vua
vì sự lụt-mùa mà làm như vậy thì được, nhưng còn
nhà-nước xã-iắc thì sao? So ra, dè lời nói xuông
lại cho đời sau, sao bằng lấy ngay thân mình
làm người đưa đường cho thiên-hạ? Nhà vua nếu
không nghĩ lại, bọn tôi sẽ xin cùng người thiên-
hạ chết cả trong ngày nay, qnyết không trở về.

Trâm thấy Thái-sư và các bồ-tát cõ-lão đều
không có ý bỏ trâm, bèn đem lời nói của Thái-sư
bảo với Quốc-sư. Quốc-sư nắm lấy tay trâm mà
rằng: Hè đã làm dǎng nhân-quân, thì phải lấy ý
muốn của thiên-hạ làm ý-muốn của mình và lấy
bụng của thiên-hạ làm bụng của mình. Bây giờ thiên-

bà muốn đón nhà vua về cung, nhà vua không về sao được? Có điều, công việc nghiên-cứu Nội-diễn, dám xin nhà vua đừng phút nào quên.

Bởi vậy, trẫm và mọi người trong nước lại cùng về Kinh, gượng lên ngôi vua. Mười mấy năm trời, mỗi khi công việc thư-rồi, lại họp các vị kỵ-đức để hỏi đạo thiền, và các kinh sách nhà Phật, không cuốn nào mà không xem xét.

Có lần đọc kinh Kim-cương đến câu « không nên ở một chỗ nào mà sinh lòng minh », trẫm đương bỗn sách thở dài, chợt thấy tự mình giác-ngộ, bèn đem sự giác-ngộ đó, làm ra những bài ca này, và đặt tên là *Thiền-tòng chỉ nam*.

Năm đó, Quốc-sư ở núi Yên-tử về Kinh, trẫm cho vào ở trong chùa Thắng-nghiêm để mở bản in các kinh và đưa tập này cho coi.

Quốc-sư coi rồi, ngâm - ngùi và nói: Lòng của chư phật, ở cả trong này, sao không khắc in để dạy những kẻ hậu-học?

Trẫm nghe lời đó bèn sai thợ viết ra chữ *kết*, truyền cho đem in. Không phải chỉ để chỉ-dẫn đường mè cho đời sau mà thôi, ý trẫm còn muốn nối theo công-nghiệp dâng Tiên-thánh mà làm cho rộng thêm nữa.

Nhân thể mời tự làm ra bài tựa.

六 時 懾 悔 科 儀 序
Lục thì sám hối khoa nghi tự

利 川 陸 之 往 來 者 舟
Lợi xuyễn lục chi vãng lai giả chu
 車 也；滌 身 心 之 隆 塢 者 chu giả
 xa dâ; đích thân tâm chí tràn cǎu
 禮 懾 也。欲 滌 身 心 而 舟 者
 lê sám dâ. Dục đích tbân tâm nhi
 以 禮 懾，則 何 异 於 欲
 dĩ lê sám, tâc há dí ư duc
 來 往 而 不 以 舟 車 平乎？
 lai vãng nhi băt dĩ châu xa hò
 知 禮 懾 其 用 大 塢 故
 tri lê sám kỵ dung dai hý
 集 經 云：「如 百 年 衣，
 tập kinh vân: « Nbur bách niên cǎu y, khâ
 於 一 日 潸 令 鮮 净。如 是
 u nhât nhât càn linh tiễn tĩnh. Nbur tñi
 百 千 刻 中，所 集 諸 不 善
 bách thiền kiép trung sở tập cour băt thiện
 葉，以 佛 力 故，善 順 思 惟，
 nghiệp, dĩ phật lực cõ, thiền thuận tư duy,
 可 於 一 時，盡 能 消 滅 也」
 khâ u nhât thi, tau năng tiêu diệt dâ»

且 夫，衆 生 於 本 來 覺
Thà phù, chúng sinh ứ bản lai giác
性，清 淨 圓 明，湛 著 太 虛，
tinh, thanh tinh vien minh, tham nhuc thoi-hu,
一 廉 不 立，由 妄 泡 賢 起，
nhất trán bất lập, do vọng bao phiết khởi,
穢 土 現 成，能 所 兩 依，佛
või thô hiện thành, nang so luong y, phat
我 雙 計，性 根 枝 別，愚 智
ngã xong kẽ, tinh can chi biêt, ngu tri
岐 分，示 之 一 門，難 以 悅
ky phan, thi chi nhat mon, nan u ngô
八 故 我 佛 弘 大 智 願，開
nhap. Cõ ngã Phat hoang dai tri nguyen, khai
方 便 門，隨 路 指 歸，應 痘
phuong lieu mon, tuy lo chi qui, ứng bệnh
與 藥 知 衆 生 幻 塚，從 妄
dẽ được. Tri chung sinh buyen cau, long vong
而 生，勸 令 一 念 精 處，歸
nbi sinh, khuyễn linh nhat niem tinh kiem, qui
依 禮 戲，使 身 心 清 淨，灑
y le sam, su than tam thanh tinh, sai
裸 依 前，風 息 波 澄，塚 除
khoa y tien, phong tuc ba chung, cau tru

鏡 微. 何 者? 前 心 惡 作, 如
kính triết. Hả già? Tiền tâm ác tác, như
覆 月 雲, 後 心 善 生, 如 消
phù nguyệt vân, hòi tâm thiện sinh, như tiêu
暗 灰, 噇 + 禮 懈 之 用 之 大,
ám cu. Ý + lẽ sám chí dụng chí đại,
豈 其 然 乎!
khỏi kỳ nhiên hòi

朕 荷 上 天 之 春, 享 至
Trầm hạ thượng thiên chi quyền, hưởng chí
尊 之 位, 民 事 艱 難, 國 政
tôn chí vị, dân sự gian nan, quốc chính
繁 稢, 紛 華 誘 於 外, 嗜 欲
phồn khòia, phàn hoa dù ư ngoại, thị dục
蠭 於 內, 口 噛 滋 味, 身 掛
cỏ ư nội, khẩu yếm tư vị, thân quải
金 珠, 視 聽 役 於 色 聲, 居
kim châu, thị thính dịch ư sắc thanh, cư
處 安 於 臺 檐, 又 况 世 序
xử an ư dài tâ. Hữu huống thế tự
澆 溉, 人 法 衰 末, 學 者 煩
kiêu ly, nhân pháp suy mạt, bọc giả ngoan
瞽, 瞦 薄 善 根, 日 則 根 塵
cô, luy bạc thiện cǎn, nhạt tắc cǎo trán

紛 觸，業 網 拘 翁；夜 則 睡
phân xúc, nghiệp vōng câu kbiên; dạ tắc thuy
蓋 蔽 覆，懶 結 纏 繩，日 夜
cái tê phủ, lǎn kết chiên phoc, nhát dạ
攀 緣，莫 非 椅 祴 招 爭 之
phan duyên, mạc phi cầu họa chiêu hán chi
咎，朕 以 是 事，載 之 于 懷，
cửo. Trảm dĩ thí sự, tái chi vu hoài,
悲 感 集 交，餐 寢 忘 廢，以
bí cảm tập giao, san tẩm vong phế. Dĩ
聽 政 之 餘 暇，徧 閱 經 論
thính chính chi dư hả, biền duyết kinh luận
及 諸 儀 文，撰 自 利 利 他
cấp chư ngibi văn, soạn tự lợi lợi tha
之 法，以 示 於 人，尋 而 恩
chi pháp, dĩ thí u nhán. Tàn nbi tự
之 念 之：積 有 業 者，盡 是
chì niệm ebi: tích hữu nghiệp già, tận thí
六 根 所 造，是 以 釋 迦 未
lục cǎn sò tao, thí dĩ Thích - ca vị
成 佛 時，先 入 雪 山 六 年
thành Phật thi, tiên nhập Tuyết - son tuc niên
苦 行，蓋 爲 六 根 故 也。閑
khô hạnh, cái vì lục cǎn cõ dã. Nhàn

放其意，以六根分爲六製禮。
時，一時禮懾一神，親其儀文。日之曰六時禮。
佛懾悔科儀文則文繁，言則言遠，但文繁則懾情，言遠則疑生，故不構於浮詞，假盈卷軸，使誦讀者皆欣，聞見者易悟，庶幾有信之徒，能於日夜發至誠心，以此科儀爲所禮懾者，是不負朕自利利他之願也。後之

明 眼 者，毋 以 儀 文 見 笑。
minh nhôn già, vò dĩ ngòi văn kiển tiếu

Bị khảo

Hai câu « 文則文繁, 言則言遠 » văn tắc văn phồn, ngôn tắc ngôn viễn » lời văn dã non, ý nghĩa lại rất ngơ ngẩn không thông, có lẽ là do chữ khác làm ra.

Dẫn chú

Bản lai giác tinh Đức-tinh hiểu biết tự các chúng-sinh sẵn có.

Vọng bão : Bong-bóng sai lầm. Tiếng của nhà Phật, gốc ở kinh *Lăng-nghiêm*, ý nói những cái giả tưởng, giống như bong-bóng trên mặt nước, vốn là vật giả, vì sự nhận làm, người ta tưởng là vật thực.

Uế thô : Chỗ đất dơ bẩn.

Nắng sở : Tiếng của kinh Phật, « nắng » chỉ về sự tự làm ra, « sở » chỉ về sự bị làm cho.

Tinh cẩn : Tiếng của kinh Phật, những nết hợp lẽ chán-nhã là tinh, do các nghiệp-trưởng xui ra là cẩn.

Cẩn trân : Những cái dơ-bụi thuộc về sáu cẩn.

Nghiệp vãng : Cái lười nghiệp trưởng.

Thụy cái: Màn ngủ, chăn ngủ. Tiếng của kinh Phật, ý nói sự ngủ giống như cái chăn, cái màn, che lấp hết sự sáng-suốt.

Lãm kết: Những nút lười biếng. Tiếng của kinh Phật, ý nói sự lười biếng giống như cái nút thắt buộc người dời.

Lục căn Sáu căn, sáu thứ gốc. Chỉ về tai mắt, mũi, lưỡi, thân và ý. Theo kinh Phật, tai là gốc của sự nghe, mắt là gốc của sự trông, mũi là gốc của sự ngửi, thân là gốc của sự động-chạm, ý là gốc của sự nghĩ-ngợi, tất cả tội ác, đều do sáu thứ gốc đó gây ra.

Phiên dịch

Bài tựa sách Lục thi sám hối khoa nghi

Tiện sự đi lại dưới sông trên đất ấy là thuyền xe, rửa những ghét-bụi trong lòng ngoài mình ấy là lê-sám. Muốn rửa ghét-bụi cho mình và lòng mà không dùng đến lê sám, khác gì muốn tiện đi lại mà không dùng đến thuyền xe ?

Vậy biết công dụng của việc lê sám thật là lớn lao, cho nên trong kinh *Đại-lập* có nói: « Như chiếc áo bẩn trăm năm, có thể chỉ trong một ngày giặt được tươi sạch; Như vậy, những « nghiệp bất thiện » của trăm nghìn kiếp họp lại, nhờ về

sức Phật, và khéo suy-xét thuận theo, có thể nội trong một ngày, một giờ, tiêu-diệt được hết ».

Và chăng chúng-sinh nguyên xưa, cái tinh biếu-biết rất là trong sạch, tròn sáng, lồng-lộng như bầu thái-hư, mây bụi không thể đứng vững. Chỉ vì cái « bóng sai lầm » ánh tối, hòn đất dơ bẩn hiện lên, thành ra phần « nắng » phần « sờ » dùng-dâng, bèn Phật bèn minh eo kéo, « cắn » và « tinh » chia ra từng nhánh, tri và ngu tách làm nhiều đường. Nếu bảo họ hăng một cửa, khó lòng kù ẩn họ giác-ngộ mà đi vào. Cho nên Phật-tổ ta rộng nguyên đại-trí, mở cửa phương-liện, tùy đường chỉ lối, theo bệnh cho thuốc. Biết rằng cái « dơ ảo-huyền » của chúng sinh đều theo ở sự sai-lầm mà ra, nên người khuyên phải một niềm tinh-thanh, tựa về lê-sám, khiển cho mình-lòng trong-sạch như xưa, vì như gió im sóng phải tạnh, bụi hết gương sẽ trong. Là vì điều ác dấy lên ở cõi lòng trước chỉ như làn mây che lấp vầng trăng, mà điều thiện sinh ra trong cõi lòng sau, thì như bồ-đuốc soi vào bóng tối vậy. Công-dụng lớn-lao của lê-sám, phải là thế chăng?

Trăm nhở lòng trời yêu mến, được ở vào ngôi chí-lòn, việc dân khó khăn, việc nước bè-bọn, bên ngoài bị cảnh phồn-hoa cảm-dỗ, bên trong bị sự ham-muốn khiến-xui, miệng chán

cao-lương, thân dày vàng ngọc, tai măt phục-dịch cho sắc đẹp tiếng hay, thân-thề ở trong lầu cao nhà rộng; lại thêm vận đời kiêu bạc, cõi người suy-hèn, kẻ học lờ-mờ, cǎn lành yểu-mỏng, ngày thì bụi « trán » rỗi rit, lười « nghiệp » dǎng eo, đêm thì mèn « ngủ » chùm-che, nút « lười » thắt buộc, ngày đêm vin-vin, hết thảy là những trò gây vạ chiêu tai Trâm đã đem những việc đó ghi vào trong lòng, những là thương-cảm bồi-hồi, quên ăn quên ngủ. Nhán khi chính-sự được rảnh, xem khắp kinh luân và các nghi-văn, bèn họp những phép lợi minh lợi người để bảo cho đời.

Trâm nghĩ bao nhiêu tội-nghiệp tích lại, đều do sáu cǎn gây ra, nên đức Thích-ca khi chưa thành Phật, trước hết phải vào núi Tuyết nǎm mũi khồ-bạnh sáu năm, đó cũng là vì sáu cǎn. Trâm nay phỏng theo ý đó, chia sáu cǎn làm sáu giờ, mỗi giờ lẽ sám một cǎn. Trâm lại tự chẽ ra các ugebì văn, gọi là « Lục-thì lẽ Phật sám-hối khoa nghi ». Sợ văn rườm-rà thì việc sám-hối chẽ biếng mà nói xa xôi thi sự ugebì ngồi theo đó nẩy ra, cho nên ở đây không dùng những lời phù-boa, chỉ cần làm cho đầy quyến, khiến kẻ tung-đọc đều vui và người nghe thấy dễ hiểu, ngõ bău họ có lòng tin, có

thì ngày đêm phát lòng chi-lanh, dùng khoa
nghỉ này mà sám-hối với dũng minh lê, ấy là
không phụ cái điều lợi mình lợi người là trâm
mong mỏi. Những ai sáng mắt sau này, chờ
vì nghỉ-văn mà cười.

II.— THÁNH-TÔN

(1240-1290)

Ngài tên Hoảng, con thứ Thái-tôn, sinh năm thứ
chín hiệu Thiên-ứng chính-bình, mất năm thứ sáu
hiệu Trùng-bưng.

Tinh ngài nhân-tử khoan-thứ, yêu kẽ sĩ và trọng
đạo Nho, đối với anh em rất là hoà-mục.

Trong lúc trị vì, hàng ngày ngài cho vương báu
trong họ vào ngự-diệu hay vào Lan-dinh cùng ngài
ăn uống. Nếu trời tối quá không thể ra được, thì
ngài bắt đem gối dài, chăn rộn, để mình cùng ngủ
với họ.

Có lần ngài bảo với bọn tôn-thất như sau :
« Nước là nước của tồ-tông, nhậu lấy nước của tồ-
tông, phải cùng anh em tôn-thất cùng hưởng giàu
sang. Bề ngoài tuy là đem cả nước để cung-phụng
một người, nhưng bề trong thì ta với các người đều

là ruột thịt, vui thì cùng vui, lo thì cùng lo. Các người nên đem lời ấy truyền lại con cháu, khiến đừng ai quên, đó là phúc muôn năm của tông-xã ».

Lại có lần ngài và người anh ruột là Trần Quốc-Khang cùng chơi-dùa trước mặt Thượng-hoàng Thái-tôn, Quốc-Khang múa kiều người Hồ, Thái-tôn thích ý, liền cởi tấm áo bông trắng dương mặc ban cho. Thấy vậy ngài cũng múa kiều người Hồ đê xin. Quốc-Khang không bằng lòng và nói: « Quý nhất là ngôi hoàng đế, tôi không tranh với chàng hai. Nay, đãng chí-tôn cho tôi một vật rất nhỏ, chàng hai lại muốn cướp à ? » Thái-tôn liền cười mà rằng: « Tốt ra may coi ngôi vua với cái áo bông không hơn không kém ».

Rồi Thái-tôn cứ ban áo đó cho Quốc-Khang. Ấy trong nhà ngài hòa vui như vậy.

Ngài cũng thích về Phật-học, thường hay nghiên-cứu kinh Phật. Trong đời ngài, văn-học có vẻ phát-đạt hơn trước.

Ngài làm vua 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi.

Tác-phẩm của ngài có một thi-lập, một cuốn *Cơ-cửu-lục*, hai cuốn *Di-hận-lập*. *Cơ-cửu-lục* và *Di-hận-lập* đã mất, thi-lập nay còn mấy bài.

題 玄 天 洞
 Đề Huyền-thiên động.

雲 掩 玄 天 洞,
 Vân yêm Huyền - thiên động,
 烟 開 白 帝 家.
 Yên khai Bạch đế gia.
 步 虛 聲 寂 寞,
 Bước hư tánh tĩnh mịch,
 馬 首 落 山 花.
 Mã thủ lạc sơn hoa.

Dẫn chú

Bạch đế Vua trăng. Theo Lê-ký-sở, phương tây gọi là vua trăng.

Giải nghĩa

Bài này chỉ cốt tả cảnh cao-thâm u-tịch của động Huyền - thiền, ý nói : Những lúc mây che động ấy, đứng xa trông lại, tưởng như khói bốc ở nhà vua trăng phương tây. Khi đã lầm bước trong bầu hư - không mà lên đến nơi, mới biết phong-cảnh cực kỳ tịch-mịch, chỉ có cảnh hoa trên núi lác-dáu rơi xuống đầu ngựa, tuyệt-nhiên không có một tiếng động nào.

Phiên dịch

Đề động Huyền-thiên

Động biếc ngàn mây phủ.
 Nhà trời bóng khói tuôn.
 Đầu không tiếng im lặng.
 Đầu ngựa rung hoa non.

宮 園 春 日 懷 舊
Cung vién xuân nhật hoài cựu

門 空 塵 掩，徑 生 苔，
 Môn không trần yêm, kinh sinh dai,
 白 裳 沉 沉 少 往 來。
 Bạch chúa chàm chàm thiều vãng lai.
 萬 紫 千 紅 空 煙 煙，
 Vạn tử thiên bèng không lạn man,
 春 花 如 許 爲 誰 開？
 Xuân hoa ubur hử, vị thùy khai ?

Giải nghĩa

Bài này mượn cảnh biu-quạnh của khu vườn trong cung, để nêu cái ý mong nhớ một người nào đó, ý nói: Vườn đó, ngoài công bụi phủ, đường đi mọc rêu, giữa lúc ban ngày ban mặt, mà quang cảnh buồn bã ít khi có người đi lại.

Thể nhưng trong vườn, ngòi bồng muôn tia vẫn
phép-phái đua tươi, không biết những hoa xuân
đó nó còn vì ai mà nở mãi thế ?

Phiên dịch

Vườn cung ngày xuân nhớ người cũ.

Cửa ngõ lờ-mờ dấu bụi rêu,
Chim chìm ngày bạc vẻ điu-hiu.
Đầy vườn rực-rỡ bồng chen tia,
Hoa khéo vì ai vẫn nở nhiều.

幸 安 邦 府

Hạnh An-bang phủ

朝 遊 浮 雲 嶠,
Chiêu du phù vân kiệu.
暮 宿 明 月 瀚.
Mù túc minh nguyệt loan.
忽 然 得 佳 趣.
Hốt nhiên dắc giao thú,
萬 象 生 筆 端.
Vạn tượng sinh bút doan.

Dâa chú

An-bang-phủ : Tức tinh Quảng-yên bảy giờ.

Giải nghĩa

Bài này tả những bừng-thú khi chơi An-bang.
 Hôm ấy, buổi sáng lên ngọn núi cao, máy bay vờ-vờ,
 buổi tối ngủ ở bến bờ, trăng sáng vắng-vặc.
 Ngắm lại những phong-cảnh đó, thình-lình thấy
 sự thú bừng, tưởng như muôn tượng trong vũ-trụ,
 đều có thể dùng ngòi bút mà vẽ ra được.

Phiên dịch

Chơi phủ An-bang.

Sớm chơi núi mây nồi,
 Tối ngủ bến trăng thanh.
 Thình-lình thấy cảnh thú,
 Ngòi bút hiện muôn hình.

夏 景
Hè cảnh

窈 窓 華 堂 盡 景 長.
 Yêu - diện huê đường chū ảnh trường.
 荷 花 吹 起 北 澄 凉.
 Hè hoa soy khôi bắc song lương.
 圑 林 雨 過 綠 成 幕.
 Viên lâm vũ quá lục thành ác,
 三 五 蟬 聲 鬧 夕 陽.
 Tam ngũ thiền thaob nào tịch dương.

Giải nghĩa

Bài này tả cảnh u-nhàn của mùa hè, ý nói: Trong chốn thềm hoa thầm-thầm, bóng nắng chỉ di từ từ, mùi sen thoảng vào cửa sổ phía bắc, làm cho trong nhà mát dịu; ngoài vườn, trời mưa vừa tạnh, trên vườn như phủ một bức màn xanh, năm ba con ve réo-rất kêu dưới bóng trời chiều, thật là những cảnh nên thơ.

Phiên dịch

Cảnh mùa hè

Ngày dài thầm-thầm bóng thềm hoa,
Mát dịu mùi sen thoảng trước nhà.
Mưa tạnh, trên vườn漫biết phủ,
Tiếng ve réo-rất dưới trời tà.

挽少師陳仲微

Vân Thiểu sư Trần Trọng-Trung

痛哭江南老鉅卿,
Thống khóc Giang-nam lão cự khanh,
東風搵淚爲傷情。
Đông phong uấn lệ vì thương tình.
無端天上編年月,
Vô doan thiên thượng biên niên nguyệt,
不管人間有死生。
Bất quản nhân-gian hữu tử sinh.

萬 壘 白 雲 遮 故 宅,
Vạn diệp bạch - vân già cõi trạch,
一 堆 黃 土 覆 香 名。
Nhất đọi hoàng - thồ phủ hương danh.
回 天 力 量 隨 流 水。
Hồi thiên lực lượng tùy lưu thủy,
流 水 瀕 頭 共 不 平。
Lưu thủythan đầu cộng bất bình.

Giải nghĩa

Bài này tỏ ý thương-liếc vị lão-thần một cách thiết-tha, đại-dè nói rằng: Cái người tuđi tác, danh-vọng ở vùng Giang-nam mất đi, khiến mình thương xót vô-cùng, mỗi khi đứng trước gió Đông, nước mắt lại thường chảy ra. Chỉ trách trên trời và - cõi biển ghi năm tháng, chẳng quản đến sự sống thács của tôi người. Nay người lão-thành danh-vọng mất rồi, nhà cũ đã bị muôn tàng mây che, tiếng thơm đã chôn xuống một nấm đất, cho đến cái sức xoay lại trời đất cũng bị phô cho giòng nước trời. Chắc là giòng nước cũng bất - bình về sự đó, nên nó vừa chảy vừa réo àm-àm.

Phiên dịch

Khúc Thiếu-sư Trần Trọng-Trường

Đau xót Giang-nam mất một người,
 Gió đông tung lệ, dạ bùi-ngùi.
 Tháng năm ghi nhảm vì con lão,
 Sóng thác bay dǎo chuyện cõi đời.
 Mây bạc muôn tầng, nhà cũ lắp,
 Đất vàng một nǎm, tiếng thơm vùi.
 Xoay trời súc ấy theo giòng nước,
 Nước cũng căm hờn hiểng chảy xuôi.

幸 天 長 行 宮

Hạnh Thiêng-trường hành cung

景 清 幽 亦 物 清 幽.
 Cảnh thanh - u diệc vật thanh - u,
 十 二 仙 洲 此 一 洲.
 Thập nhị tiên chau thủ nhất chau.
 百 部 笙 歌 食 百 舌.
 Bách bộ sinh ca cầm bách thiệt.
 千 行 奴 僕 梧 千 頭.
 Thiên hàng nô bộc quát thiên đầu.
 月 無 事 照 人 無 事.
 Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
 水 有 秋 涵 天 有 秋.
 Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.

四 海 已 清 墾 已 淨,
Tứ hải dĩ thanh trấn dĩ tịnh,
今 年 遊 勝 背 年 遊.
Kim niên du thắng tích niên du.

Bí khảo

Bài này ở cuốn *Hoàng-Việt thi tuyển* đề làm thơ của Nhân-tôn, nhưng ở nhiều sử đều nói là của Thánh-tôn. Vậy nay cứ theo các sử.

Phụ lục

Ông Ngô Thi-Sỹ, một sử-gia đời cuối Lê, khi chép thơ này có bình-phản rằng :

« Nhà Trần từ đời Thái-tôn đến đời Nhân-tôn, quân Nguyên sang lần ba lần. Minh đương sau hồi suy yếu, phải đánh lại toàn giặc quật cường, thế mà cha con Thánh-tôn Nhân-tôn khéo đường lo-toan, anh em Hưng - đạo Chiêu vắn ra sức chống kẻ nhàn-rè, rút cục, chém chết Toa - Đô, bắt sống Ô - mã - phi, đuổi bắt Thoát-Hoan, khiến cho xã-tắc lại yêu, giang-sơn như cũ, sự đó tuy bởi phúc-lợ chưa hết, lòng trời còn thương, nhưng kể về đường nhân-sự cũng khó nhọc lắm.

Nào hợp vương-hầu ở bến Bình-than, nào thết bô-lão ở điện Diên-hồng, đó là không người nào mà vua không hỏi. Nào vượt Đại-bàng vào

Thanh huê, náo ra Hải-dông về Thiên-trường, đó là không xú náo mà vua không đi. Ngựa đá rầy bùo, cảnh son-lăng đáng xót; Thiên-an bốc lửa, đổi cung - khuyết đáng buồn, rồi Thương-hiển bầu hàng trước, Văn-chiêu quắc hàng sau, tình họ hàng cũng đáng ngãi nữa. Một sớm, bụi Hồ quét sạch, « bình vàng » lại yên, về làng quê, ngâm nỗi cũ, bắt giác buột ra câu ngâm ngồi thở-than, sự cảm-khai đó thật có giống khi-tượng vua Cao-nhà Hán khi hát bài Đại-phong, mà xét yề lời-ý, thì thơ của Thành-tôn có vẻ sái-lạc hơn nhiều. Đồi trước bóng cây lơ-lor, những tiếng chim riu-rít, rót chén rượu dưới bóng nguyệt, vỗ cây đàn trên giồng sông, nghĩ lại những cơn mịt-mù trong vùng Vạn-kiếp Chi-linh, những trận sóng gió trên khu Đại-than Bạch-dâng, cái ngày thuyền con tràn nước, cái bùa cơm hầm lót lòng, vua tôi hợp sức, cha con một lòng, mới qua được trận gian-nan ấy. Bây giờ giặc-giã đã yên, cùng nhau hưởng sự sung sướng, cuộc chơi năm nay, so với cuộc chơi năm trước, khác nhau biết chừng nào. Ấy vì thế mà Thượng-hoàng (tức Thánh-lôn) cảm tạ trong lòng, hiện ra lời nói, cái tâm-lý ấy không phải là sự mà người gõ đàn trúc, nhớ kè mãnh-sĩ kia, (chỉ về Hán Cao-tô) có thể sánh kịp. Vậy

thì bài này dẫu muốn bảo là lời chính - đáng của tinh-tinh (như các chính-phong trong kinh Thi) cũng được ».

Thật là lời kêu như chuông, tuy có dài giòng vẫn-tự, nhưng cũng tả được tâm-lý tác-giả trong khi nghĩ mấy câu đó.

Giải nghĩa

Theo sử, tác-giả cảm về hai phen chinh-chien mà làm bài này. Đại-ý nói phủ Thiên-trường lúc ấy cảnh-vật đều thấy có vẻ thanh-u, trong mười hai xứ gọi là Tiên-châu, chỗ này tức là một xứ. Nào là chim hót nhiều giọng, tưởng như trăm đội sáo đàn; nào là quí chín tùng bàng, tưởng như một lũ tôi-tớ (1); rồi thì mặt trăng và sự chiếu xuồng những người vô-sự; rồi thi lòn nước cuối thu in rõ chiều trời cuối .. đều là những cảnh nên thơ. Hỗng-chi bây giờ bốn bề đã yên, gió bụi đã tanh, cuộc chơi nǎm nay, thật thú hơn cuộc chơi nǎm xưa.

1. Vì ngày xưa hay gọi tháng nhô là tháng quí, cho nên tác-giả mới ví cây quí như lũ tôi-tớ,

Phiên dịch

Ra chơi hành-cung Thiên-trường

Cánh thành, vật lạ khéo phô-bầy,
Hơn chục cồn tiên, một ở đây.
Trăm đội sáo dàn, chim trọi giọng,
Nghìn hàng tòi tời, quit chen cây.
Soi người việc rảnh, trăng lồng bóng,
Ngâm vẻ thu già, nước lợn mây.
Bốn bề yên rồi, đơ-bụi tanh,
Cuộc chơi năm trước kém năm nay.

III.— Trần Quang-Khai (1248 — 1294)

Ông là con thứ ba Thái-tôn, em cùng mẹ
Thánh-tôn, sinh năm Thiên-ứng chính-bính (1) thứ
mười, mất năm Hợi-long (2) thứ hai.

Đầu hiệu Thiệu-long (3), ông được phong
tước Chiêu-minh đại-vương; qua năm thứ tư,
được làm Thái-úy. Vì có học-thức và lại biết nhiều
thứ tiếng, cho nên mỗi khi có sứ Tàu sang, ông
đều bị cử ra khoản tiếp. Đến năm thứ bảy, ông được
nhắc làm Tướng-quốc, coi tất cả việc trong nước.

Sang đời Thiệu-bảo (4), năm thứ tư, ông được
thăng chức Thái-sư. Tới năm thứ bảy, khi giặc
Nguyên phạm vào Gia-lâm, thành Thăng-long
thất-tổ, Thánh-tôn phải chạy ra phủ Thiên-rường.

1— Niên-hiệu của Thái-tôn. 2— Niên-hiệu của Anh-tôn. 3— Niên-hiệu của Thánh-tôn. 4— Niên - hiệu của Nhân-tôn.

Ông Trần Quốc-Tuấn nghe tin toàn quân Nguyên khác của Toa-Đô dương ở vùng trong đánh ra, liền xin nhà vua bắt ông vào đóng ở đất Nghê-an. Ông bèn chia quân chặn giữ các nơi hiểm - yếu, Toa-Đô đánh mãi không được. Vì lương-thảo đã gần cạn hết, hổn bèn dẫn quân xuống thuyền vượt bắc ra Bắc để hợp với quân của Thoát-Hoan. Lúc ấy, hai vua nhà Trần đã phải chạy vào Thanh-huê, ông liền cho người ra đó phi-báo với vua Nhân-tôn, rồi cùng các ông Trần Quốc - Toản, Phạm Ngũ Lão đi thuyền vòng đường bắc ra đánh Thoát - Hoan.

Bấy giờ đại - quân của Thoát - Hoan đóng ở Thăng-long, còn chiến-thuyền thì đóng ở bến Chương-dương. Tháng năm năm ấy, ông cùng các ông Trần Quốc - Tuấn, Trần Thông, Nguyễn Khả-Tặng.., đốc suất dàn quân các lộ đánh thẳng vào bến Chương-dương. Vì bị quân ta đánh dữ, quân Nguyên phải bỏ chiến-thuyền mà chạy. Ông bèn đem quân lên bộ đuổi đến chân thành Thăng-long. Quân Nguyên trong thành kéo ra chống lại, liền bị phục-binh của ông đánh tan, Thoát-Hoan phải vượt sông Cái chạy lên mạn Bắc.

Sau khi giáp yên giặc Nguyên, triều-đinh xét đến công-trạng từng người, ông được đứng vào bậc nhất.

Sử chép, lúc trước ông và ông Trần Quốc-Tuấn vẫn không hòa nhau, nhưng ông Quốc-Tuấn vẫn nhịn. Có hôm, ông này ở Vạn-kiếp về kinh, liền xuống thuyền ông đánh cờ đánh bài, chơi vui suốt ngày. Tính ông rất sợ dội nước vào mình, trai lại Quốc-Tuấn thì lại rất ưa tắm gội. Một hôm, ông đến chơi nhà Quốc-Tuấn, Quốc-Tuấn muốn tò mò thám, bèn nói dừa rằng :

— Minh mày bần lầm, xia cho tắm đi.

Thế rồi Quốc-Tuấn liền cởi áo ông và lấy nước hoa nấu sẵn dội vào lưng ông và nói :

— Hôm nay được tắm cho quan Thượng-tướng.

Ông cũng vui cười mà rằng :

— Hôm nay được ngài Quốc-công tắm hầu.

Từ đó hai người thân nhau, tình-hiếu càng ngày càng nồng-nàn.

Lúc ấy, kẻ làm tướng vô, người làm tướng vẫn, trong việc giúp đỡ nhà vua, hai ông ở vào hàng đầu.

Ông tuy làm chức Tề-tướng, lại có nhiều lúc phải di cầm quán đánh giặc, nhưng rất hiếu học, có tài làm văn, tình-tinh thanh-nhã như người ân-dật. Chỗ ở của ông, đặt tên là Phúc-hưng viên. Những khi nhận rỗi, ông thường cùng các khách-khứa ngâm vịnh làm vui. Tác-phẩm của ông có tập Lạc-dạo, hiện nay đã bị thất-lạc.

從 駕 還 京

Tòng giá hoàn kinh

奪 肖 章 陽 渡,

Đoạt sao Chương - dương độ,

擒 胡 賊 子 關.

Cầm Hồ Hám - tử quan.

太 平 須 致 力,

Thái - bình tu tri lực,

萬 古 此 江 山.

Vạn cổ thuỷ giang - sơn.

Dân chú

Đoạt sao: Cướp giáo. Đường-sứ Uất-trì Kinh-Dức cùng Lý Nguyên-Cát đấu-võ, chỉ trong giây lát, Kinh-Dức ba lần cướp được ngọn giáo của Nguyên-Cát. Đây dùng chữ đó để chỉ về việc đánh giặc.

Kiêm Đông.

Hám-tử-quan: Ai Hám tử (thuộc huyện Đông-quan). Trần Nhật-Duật phá quân Toa-Đô ở đó.

Chương-dương-dộ: Bến đò Chương - dương (thuộc huyện Thượng-phúc), Trần Quang - Khải đánh được Thoát-Hoan ở đó. *Quán Mè*. (Phi/không)

Giải nghĩa

Bài này tác-giả làm ra sau khi đuổi được quân Nguyên và trước hai vua nhà Trần về kinh.

ý nói: Những trận cướp giáp của giặc ở bến Chương-dương, bắt sống quân Hồ ở ái Hảm-tử, quân sĩ tỏ ra hùng-dũng vô-cùng. Vậy biết trong lúc thái-binh, kẻ dưới người trên đều chịu hết sức, thì đến muôn năm, giang-sơn này vẫn là của mình.

Phiên dịch
Phò giá về kinh

Bến Chương cướp giáp giặc,
Ái Hảm bắt quân Hồ.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước vẫn muôn thu.

福興園
Phúe-hung vien

福興一曲，水回環。
Phúe-hung nhát khúc, thủy hồi hoán.
中 有 平 園 數 瘋 寬。
Trung hữu bình viên số mâu khoan.
梅 塢 雪 消，珠 蕃 蕾。
Mai ô tuyết tiêu, châu bội lôi,
竹 亭 雲 捲 碧 琅 环。
Trúc đình vân quyên, bích lang can.
暑 來 邀 客 澆 茶 碗。
Thứ lai yêu khách thieu trà uyễn,

雨 過 呼 童 理 藥 欄.
 Vũ quá hô đồng lý dược lan.
 南 望 狼 煙 無 復 起,
 Nam vọng lang yến vô phục khởi,
 頹 然 一 榻 夢 偏 安.
 Đội nhiên nhất tháp mộng thiền an.

Dẫn chú

Lang-can : Một thứ ngọc-thạch màu xanh.

Lang-yên : Khói của lửa pháo chó sói. Đời xưa, ở các biên-thủy, người ta thường dựng những chòi chứa cỏ, khi nào giặc đến thì đốt. Nói khác trong thấy ngọn khói, biết là có giặc. Theo sách Dân-dương tạp-trở, những chòi cỏ ấy phải có chặn phân chó sói thì khói sẽ cứ bốc thẳng, gió thổi không bay. Đây dùng chữ đó để chỉ về nàn giặc-giã.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tự là những cảnh vui-nhản của vườn Phúc-hưng, ý nói : Ở vùng Phúc-hưng, ngoài có giòng nước chảy quanh, trong có khu vườn rộng chừng vài mẫu. Những khi tan tuyết, ở trong bờ mai nụ kết trắng xóa, như chuỗi hạt chầu ; những lúc mây quang, ở bênh đình trúc, bóng tre xanh biếc như dây ngọc-thạch. Mình ở vườn đó,

chẳng còn việc gì bận-biên, chẳng qua lúc mồi nắng
mồi mồi khách thường vài chén trà, khi mưa tạnh
gọi bạn hèle-dồng dọn lại tủ thuốc, có thể thôi. Vả
chẳng, giặc-giã đã yên, trông về biển-thủy phía
Nam, ngọn khói báo giặc đã không bốc nữa, mình
sẽ cứ việc nằm khẽnh trên giường mà ngủ, không
lo ngại gì.

Phiên dịch

Vườn Phúc-hưng

Lượn quanh hòn Phúc, nước theo vời,
Mấy mảnh vườn quê khá thảnh-thơi.
Tan tuyết, bờ mai chau kết nụ,
Quang mây, đình trúc ngọc đâm trời.
Nắng lên, mồi khách pha trà thường,
Mưa tạnh, sai hè giờ thuốc coi.
Xa ngóng ải Nam, im khói lửa,
Trên giường nghiêng-angled nhẹ hồn mai.

劉家渡

Luu gia do

劉家渡口樹參天。
Luu gia do khau thu tham thiien,
扈從東行昔泊船。
Huu tung dong hanh tich bac thuyen.
舊塔江亭秋水上,
Cuu thap giang dinh thu thuy thuong,

荒 祠 古 塚 石 鳞 前。
Hoang từ cõi chung thach lan tien.
太 平 圖 誌 幾 千 里,
Thái bình đồ chí co thiền lỵ,
阮 代 山 河 一 百 年.
Nguyễn đại sơn-hà nhì bách niên.
詩 客 重 賽 頭 髮 白,
Thi khách trùng lai đầu phát bạch.
梅 花 如 雪 照 晴 川.
Mai hoa như tuyết chiếu tinh xuyên.

Dẫn chú

Lưu-gia đợt : Bến đò Lưu-gia (nay là làng Lưu-xá, thuộc tỉnh Hưng-yên). Đời Lý, khi Quách Bốc làm loạn, Huệ-tôn phải chạy về đó.

Thái-bình : Tứ phủ Thái-bình (nay là tỉnh Thái-bình). Đời Trần, bến đò Lưu-gia thuộc về phủ ấy.

Nguyễn-dại : Đời Nguyễn, tức là đời Lý. Nhà Trần kiêng tên ông tổ là Trần Lý, nên đổi chữ Lý ra chữ Nguyễn.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tự tả những mối cảm-khái của mình trong khi qua bến Lưu-gia, ý nói : Trên bến Lưu-gia, cây cối đều cao ngất trời. Khi xưa phò giã sang đông, mình đã ghé thuyền vào đó.

P่าย giờ, cây tháp cũ, nếp đình xưa vẫn ~~ngất~~ ^{không} ngưởng trên làn nước ; toà đền hoang, ngôi mộ cõ vẫn (thờ) trước con sấu-dà, phong-cảnh không khác ngày xưa. Đứng trước cảnh-tượng ấy, tác-giả sực nhớ bờ-cõi của phủ Thái-binh có gần nghìn dặm, thật là một nơi phi-nhiều. Thúa trước, vua Lý Huệ-tôn đã chạy về đây, cũng nhờ cái giang-son này mà cơ-nghiệp nhà Lý mới được đến hai trăm năm. Thế rồi tác-giả nghĩ lại lần trước qua đây, mình còn dương độ trai-trẻ, bây giờ tới thăm lần nữa, đầu tóc đã bạc phơ rồi. Vậy mà ở trên bờ sông,hoa mai vẫn cứ nở trắng như tuyết, chiếu xuống lòng sông giữa khì bóng nắng mới le, như muốn nhắc cho người ta biết mình đã già, đáng cảm biêt chừng nào !

*Phiên dịch
Bến đò Lưu-gia*

Dò Lưu cây cối ~~ngắt~~ lung trời,
Thúa nụ xuôi Đông đã ghé chơi.
Tháp cũ đình sông làn nước chảy,
Đền hoang mộ cõ sấu xanh ngồi.
Dư-dò phủ ấy bao nghìn dặm ?
Non nước triền xưa trải mấy đời ?
Qua viếng, làng thờ đầu đã bạc,
Hoa mai như tuyết chiếu lòng vời.

野 墅
Dã thụ

野 墟 初 開 景 相 新,
Dã thụ sơ khai cảnh tượng tân,
芳 菲 桃 李 四 姵 春·
Phân phi đào lý tú thời xuân.
一 香 牛 笛 青 樓 月,
Nhất thanh ngưu đinh thanh lâu nguyệt,
幾 片 農 簍 碧 隘 雲·
Ký phiếu nông thoa bích lüag vân.
路 挽 羊 腸 通 紫 隅,
Lộ vẫn dương trường thông tử mạch,
溪 分 燕 尾 斷 紅 墓·
Khê phân yến vĩ đoạn hồng mạc,
鬼 神 暗 地 偷 相 語,
Quỷ thần ám địa thâu tương ngữ,
一 段 風 光 可 隱 若·
Nhất đoạn phong quang kha àn quan.

Giải nghĩa

Bài này chủ ý tán - dương cảnh-tượng của ngôi biệt-thự mới mở ở nơi thôn quê. Đại-dễ nói rằng: Cái trại vừa mở ra đó, cảnh-tượng thật là mới-mẻ. Trong trại, đào mận tươi-tốt, suốt bốn

mùa đều như ngày xuân. Ngoài trại có khi ánh trăng theo bối kèn dừa của lũ muc - đồng lấp-lánh chiếu vào chòi canh ; có khi bóng mây theo bóng áotoi của bọn nông-dân phủ xanh đồng lúa ; rồi thì đường đi khuất-khúc như đoạn lòng dê, có thè thông với các ngả ; rồi thì con ngõi tách ra như mâu đuôi én, đường muôn ngăn đám bụi bồng xa xa. Đường thủy, đường bộ cũng đều tiện cả. Quý thần thấy vậy, chắc phải nói ngầm với nhau : « Cái chỗ phong-quang như vậy, đáng khiển cho người ăn - đặt tới đó mà lánh cuộc đời ! ».

Phiên dịch

Trại mới vừa xây, cảnh đáng vui,
Rười-rà đào mận bão mùa tươi.
Trăng loe nóc điểm, hồi kèn dừa,
Mây phủ đồng chiêm bóng áotoi.
Quanh khúc ruột dê, đường lầm ngả,
Cuối khe đuôi én, bụi ngăn vời.
Quỷ thần trong tối đương bàn vùng :
Một giải phong-quang khéo đợi ai.

春 日 有 感
Xuân nhật hữu cảm

I

雨白肥梅細若絲。
Vũ bạch phì mai tẽ nhược ty.
閉門兀兀坐書癡。
Bế mòn ngọt ngọt tọa thư si,
二分春色閒蹉過。
Nhị phần xuân sắc nhàn sai quá,
五十衰翁已自知。
Ngũ thập suy ông dī tự tri,
故國心還飛鳥倦。
Cố quốc tâm hoán phi diều quyến,
恩波海濶縱鱗遲。
Ân ba hải khoát, tung lân trì
生平膽氣輪囷在。
Sinh bình dám khí luân hòn tại,
解倒東風賦一詩。
Giải đảo đông phong phú nhất thi.

II

月色微微夜向闌。
Nguyệt sắc vi vi da hướng lan,
東風特地起春寒。
Đông phong đặc địa khởi xuân han,
翻空柳絮粘高閣。
Phiên không liêu nhứ niém cao các,

攬 夢 湘 篝 撲 塵 檻.
 Giác mộng tương quan bồc bợz lan.
 被 物 潤 從 天 外 雨,
 Bí vật nhuận tòng thiên ngoại vũ,
 驚 心 紅 憾 昔 時 顏.
 Kinh tâm hồng hoai tịch tài nhansen.
 祛 愁 賴 有 三 杯 酒,
 Khử sầu lai hieu tam bôi túu,
 撫 劍 悠 悠 憶 故 山.
 Phù kiếm du du úc cõ sơn.

Dân chú

Thư si : Người nghiệp sách, người ngày về sách.
Cựu-Đường-thư : Đậu-Uy vốn là nhà giòng
 huân-qui, anh em đều chuộng võ-nghệ, riêng Uy
 chỉ thích văn-chương sách-võ, và cứ khăng-khăng
 lự giữ chí mình. Anh em bèn gọi là thư-si. Hai
 chữ thư-si gốc-gác ở đó.

Luân-huân : Gỗ-gỗ khắp-khèn, chỉ về những
 chỗ mấu mắt của các cây gỗ.

Tương-quán : Cây tre.

Giải nghĩa

Hai bài đều do tác-giả nhân gắp ngày xuân
 cảm về cảnh già mà làm ra. Bài trên đại-dề nói
 rằng : Trong khi mưa xuân nhỏ như sợi tơ, rủa
 cho những bông hoa trắng sóa, minh vẫn khép

cửa im-im, và vỗ ngồi với cuốn sách, giống như
một kê nghiệm sách. Tỉnh ra ba phần ngày xuân
vịnh đã bỏ uồng bài phẫn. Bây giờ đã năm
mươi tuổi, tự biết là suy-yếu rồi. Cũng bởi suy-
yếu, cho nên lòng mình chỉ mơ-màng về chốn
quê-hương, cũng như con chim bay mãi mỏi
cánh, chỉ muốn về tổ. Và lại thêm rằng: ân-trach
nhà vua đối với mình thật là rộng-rãi, khiếu
cho mình khó tìm đường báo đáp (?) cũng như
bè rộng, cá khó vây-vùng. Vả chăng, lâu nay mọi
sự đều thấy suy-kém, riêng cái đóm-khi ngang-
tàng thủa trẻ, vẫn cứ tro-tro còn đó, nhưng mà
dùng gì đến nữa! Thì hãy đè ngược ngọn gió
đông mà ngâm một câu thơ. Bài dưới ý nói: Trong
lúc bóng trăng tờ-mờ, đêm đã hồn tàn, tĩnh-linh
có trận gió đông quạt cho hơi lạnh của mùa
xuân nồi lên. Sáng ra, mây chùm bông liễn sau
cơn mưa tít trên không liền bám vào tầng gác cao;
mấy cây tre lướt gật-gù dập vào bức lan-ca,
như muốn quấy rối giấc ngủ của mình. Bây giờ
ở nơi xa xa bình như đương mưa, hơi mát đưa
lại, làm cho cảnh vật tươi-tinh. Ngày xuân như
vậy, thật là đáng vui. Chỉ tiếc mình đã tuổi
già, ngebī đến về hồng-hào của nét mặt hồi trẻ,
ngày nay đã bị phai-nhat, tự-nhiên mình
phải giặt mình kinh-sợ, và sinh ra mối buồn rầu.

Muốn trú mối buồn ấy, chỉ nhờ có mấy chén rượu. Nhưng khi rượu say, cầm đến thanh kiếm mà gõ, mình lại mang-mảng nhớ những trái núi cũ, nơi mà thủa trẻ mình vẫn tung-hoành,

Phiên dịch

Ngày xuân có cảm

I

Làm dám mỉa bụi gột hoa mai,
Khép chặt phòng thơ ngắt-ngưởng ngồi.
Già nứa phẵn xuân cam bỗn vồng,
Tôi năm chục tuổi biết suy rồi.
Mơ-màng nước cũ, chim bay mỏi,
Khoi thẳm nguồn ơn, cá khó bơi.
Đêm-kì ngày nào, rầy vẫn đó,
Bè nghiêng ngọn gió đọc thơ chơi.

II

Đêm xuân hầu hết, bóng trăng mờ,
Lạnh-lạnh bơi xuân mượn gió đưa.
Đinh gác, chùm bóng tan tràn múa,
Đập biển, cành trúc quẩy hồn mơ.
Hơi mưa ga gửi ơn đầm-thẳm,
Vẽ mặt buồn phai nét trẻ-tao.
Tiêu-khiền may nhớ ba chén rượu,
Võ thanh gươm cũ nhớ non xưa.

IV.—TRẦN QUỐC-TUẤN

(12 (?) — 1300)

Ông là con An-sinh-vương Liễu, sinh đời Thái-tôn, chưa rõ năm nào, mất năm thứ tam hiệu Hưng-long đời Anh-tôn.

Tử thủa nhỏ ông đã nhiều về khát thường : tường-mạo khôi ngô, tư bẩm rất sáng suốt. Bởi An-sinh vương có hiềm riêng với Thái-tôn, nên mới cố tìm các tay tài-nghệ đòn về dạy ông, để hòng nhờ ông rửa bờn cho mình, nhờ vậy ông càng học rộng biết nhiều, đủ cả tài-lực văn-võ. Vì là người trong tôn-thất nhà Trần, nên lúc it tuổi, ông đã được phong làm Hưng-dạo - vương.

Năm thứ năm hiệu Thiệu-bảo, Nhân-tôn được tin vua Nguyên sắp sai Thoát Hoan, Toa-Đô và Ô-mã-ni giả tiếng mượn đường nước ta vào đánh Chiêm-thành, liền ra Bình-than họp các vương-

hầu bàn cách đánh-giữ. Bấy giờ các quan người thi bàn nên cho họ đi qua, người thi bàn nên đem đồ cống họ để xin hoán binh, riêng ông và ông Trần Khánh-Dư quyết xin đem quân đóng-giữ các nơi biền-yếu, không cho quân Nguyên vào đất nước mình. Nhân-tôn cho thế là phải, liền phong ông làm trước Quốc-công, giữ quyền tiết-chế, thống-lĩnh bết các đạo quân, lựa chọn các viên tướng-hiệu, luyện-tập các đội binh-linh.

Năm sau, sau một cuộc duyệt-binh rất lớn ở Đông-bờ-dầu, ông bèn chia quân của vương-hầu di chẹn các đường ách-yếu. Cuối năm ấy, quân Nguyên vượt qua cửa ải, ông đem quân chia đạo chống-cự. Sau nhiều trận kịch-chiến, bên giặc chiếm mất nhiều đồn và kéo xuống đánh thành Thăng-long, Nhân-tôn phải chạy ra vùng Hải-dong, ông liền họp các đạo dân-quân ở Vạn-kiếp, kén lấy hàng có dũng-cảm xung làm đội quân tuyển-phong.

Bấy giờ quân Nguyên, một đạo đã chiếm được thành Thăng-long, chiến-thuyềa đóng sao lùi sông Đại-hoàng trở lên, hai bờ chật ních, đạo khác thi dương đánh ở Thiên trường, thanh thế rất mạnh. Sau khi đã đưa Nhân-tôn chạy về Thanh-hóa, ông liền dùng mèo đánh úp, các mặt đồng-thời giáp công, phá tan nhiều toan quân giặc, chém được Tua-Đô ở Tây-kết, đuổi được Thoát Hoan ở Vạn-

kiếp, năm mươi vạn quân Nguyên đều bị tan-tành, Thoát-Hoan và Ô-mã-nhi trốn được về Tàu.

Năm thứ hai, hiệu Trùng-hưng, khi có tin nói vua Nguyên sắp-sứa cho quân sang đánh báo thù, Nhân-tôn hỏi ông : « Thế giặc năm nay, chắc là lớn hơn năm trước, ta dùng kẽ gì mà chống lại được ? ». Ông thưa : Nước ta xưa kia vẫn được thái-binhh, dàn-gian không biết việc binh là gì, cho nên lần trước quân Nguyên sang cướp, mới có những kẻ hàng giặc, tránh giặc. Nhưng nhờ oai-linh của tôi-tông, cho nên cũng quét được sạch bụi Hồ. Lần này nếu họ lại đến, thì quân ta đã quen chiến-chiến, quân họ khó về di xa, và lại, thấy sự thua-chết của Lý Hăng Lý-Quán ngày xưa, chắc họ cũng sợ mà không ham đánh. Cứ tôi xem ra, quyết là thế nào mình cũng phá tan được họ ».

Nhân-tôn nghe nói, liền sai ông đốc-suất các vị vương-hầu tòn-thắt, điều khiển binh-sĩ, sắm khí-giới, đóng thuyền bè, đề phòng bị trước.

Qua năm thứ ba, Thoát-Hoan và Ô-mã-nhi lại đem bầy vạn quân kéo sang xâm lấn. Khi được tin báo của tướng coi biên-thùy, Nhân-tôn lại hỏi ông : « Giặc đến thì làm thế nào ? ». Ông trả : « Giặc năm nay nhàn ».

Rồi ông cắt-cử cầm-quân đóng giữ các ải; chờ khi giặc đến thì cùng ra đánh.

Sau khi vào lợt nước ta, quân Nguyên bị quân ta đón đường phả kết các thuyền chở lương. Ông đoán quân giặc hết lương, tất phải do đường An-bang tháo lui, bèn sai đóng cọc khắp cả lòng sông Bạch-dâng, phủ một lớp cỏ lèo trên đê dù họ vào bầy. Quả-nhiên hôm sau có tin báo Ô-mã-nhi kéo quân gần đến Bạch-dâng, ông bèn đốc quân thẳng tới mặt đó, lúc qua Hóa-giang ông hô quân lính trôi xuồng giồng sông thề rằng: « Trận này nếu không phá xong giặc Nguyên thì không về đến sông này nữa ».

Đến Bạch-dâng, quân Ô-mã-nhi vừa tới, nhân khi nước triều dâng lên, ông bèn sai quân chèo thuyền khiêu-chiến và đều giả-cách thua chạy. Ô-mã-nhi đốc hết binh-thuyền đuổi theo, nước triều vừa rút, lòng sông trút xuồng, binh-thuyền của giặc mắc phải cọc, không đi được nữa. Bấy giờ ông mới phái quân đánh dồn, bắt sống được Ô-mã-nhi, chém được rất nhiều quân giặc, máu chảy đỏ cả khúc sông. Thoát-Hoan nghe Ô-mã-nhi bị bại, liều chết đánh mẩy đòn ải, rồi theo đường bộ trôi khỏi biên-giới.

Bởi hai trận đại-thắng đó, người Tàu nghe đến tiếng ông là sợ, họ chỉ gọi là Hưng-dạo-vương, chứ không gọi tên.

Vì có những công-nghiệp ấy, các vua nhà Trần trọng ông rất mực. Thánh-tôn tự soạn văn bia ở trong sinh-tử của ông và ví ông như bậc Thượng-phủ. Nhân-tôn thăng ông lên tước Thượng-quốc-công, cho ông được quyền phong tước, cử từ tước hầu trở xuống, ông muốn phong ai cũng được. Vậy mà chính ông chưa từng phong một người nào. Bởi vậy ai cũng khen ông là người cần-thận.

Sử chép khi An-sinh-vương sắp mất, có cầm tay ông và dặn : « Nếu con không vì ta mà lấy thiên-bà, thì ta chết không nhắm mắt ». Ông tuy vâng lời, nhưng trong bụng không cho là phải. Trong năm Thiệu-bảo thứ sáu, khi quân Nguyên đánh đến Thăng-long, hai vua nhà Trần phải chạy ra vùng Tam-tri, ông cũng có đi bộ-giá. Bởi ông vẫn thường tự-phụ tài-khí của mình, lại thêm có việc hiềm-khích của An-sinh-vương, cho nên lúc ấy nhiều người có lòng nghi ngờ, ai cũng lầm-lết nhìn ông. Bấy giờ ông cầm chiếc gậy có cầm mũi sắt, thấy bị lầm người chú ý, ông bèn tháo cái mũi sắt vứt đi; chỉ cầm gậy không. Nhờ vậy mọi người mới khỏi ngờ-vực.

Về già, ông thường ở luôn Vạn-kiếp, thỉnh-thoảng mới tới Thăng-long. Lúc ông sắp mất, Nhân-tôn thân đến nhà thăm và hỏi « Sau

này nếu như giặc Bắc lai sang lấn cướp thì dùng cách gì chống họ? » Ông bèn đem những thời thế và các phương - pháp chống với giặc Tàu từ đời Triệu Vũ-dế đến đời Lý Thường-Kiệt và hai trại đánh Nguyên năm xưa kể cho vua nghe, rồi nói thêm rằng: « Đại khái quân Tàu giỏi về đồ trường, quân ta giỏi về đồ đoàn. Dùng đồ đoàn mà đánh đồ trường, cũng là sự thường trong binh pháp. Khi nào thấy họ kéo đến dùng dùng như lửa như gió, thì rất dễ đánh. Nếu họ dùng cách chiếm lấn dần dần như tằm ăn dâu, không cầu chóng được, thì mình phải ném lửa dùng tướng giỏi, liệu cơ chế biến, giống như cuộc đánh cờ vậy. Sao cho quân với tướng cùng chung một bụng như cha với con, thì mới dùng được. Vả lại, ngoài việc dụng binh, cũng phải dè-dặt sức-lực của dân, đừng có dùng quá, để làm cái kẽ sâu rẽ bền gốc. Ấy là thượng-sách của việc giữ nước vậy ».

Sau khi ông mất, nhà vua truy tặng lên chức Thái-sư Thượng - phu, Thượng-quốc-công Hưng - đạo đại-vương.

Binh-sinh ông rất yêu người hiền, trọng kẻ sĩ. Những bậc anh-tài có tiếng hồi đó, như Phạm Ngũ-Lão, Trần Thị Hiệu, Trương Hán-Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ... đều có ở qua nhà ông.

Tác-phẩm của ông có cuốn *Binh-thư giao lược* và bài bích đưa cho tướng-sĩ. Cuốn *Binh-thư giao lược* do ông thâm suyem các diều cốt-yếu của nhà binh mà soạn ra để dạy các tướng, nay đã mai-một. Còn bài bích tướng-sĩ thì là lời ông khuyên dụ bộ-bạ sau cuộc họp quân ở Van-kiếp trong năm Thiệu-bảo thứ sáu. Đọc bài bích ấy, có thể thấy ông tuy là một viên võ-tướng, nhưng đã coi rất nhiều sách và biết nhiều việc cõ-kim.

諭 諸 神 將 檄 文
Dụ chư tỳ - tướng hịch văn

余嘗聞之：紀信以身代死而脫高帝；由於以
dai tử nhi thoát Cao-dế; Do-Vu dĩ
背受戈而蔽昭王；豫讓
bối thụ qua nhi tể Chiêu-vương; Dụ-Nhượng
吞炭而復主難；申刪斷
thôn thán nbi phục chủ-thù; Thân-Khoái đoạn
臂而赴國難；敬德一小
tý nbi phò quốc-nan; Kinh-Đức nhát tiều
生也，身翼太宗而得免
sinh dã, thân dực Thái-Tông nbi đặc miễn

世充之圍；杲卿一遠臣
Thế-Xung chi vi; Cao-Khanh nhát viễn thần
也，口罵祿山而不從逆
dã, khâu mạt Lộc Sơn nặc bất tòng nghịch
賊之計；自古忠臣義士，
tặc chi kế; tự cõe trung - thàn nghĩa-sĩ,
以身徇國，何代無之？設
dĩ thàn tuân quốc, hæ dài vó chí? Thiết
使數子區區爲兒女子子
sù sò tử khu khu vi nhi nữ tú, 名
之態，徒死牖下，烏能名
chi thái, dò tử dù hæ, ô nǎng danh
垂竹帛，與天地相爲不
thùy trúc bạch, dù thiêng địa tương vi bất
朽哉？汝等世爲將種，不
hù tai? Nhữ đẳng thế vi tướng chủng, bất
曉文義，既聞其說，疑信
hiểu văn nghĩa, ký văn kỳ thuyết, nghi tin
相半。古先之事，姑且勿
tương bán. Cõ tiên chi sự, cõ thả vật
論。今余以宋韃之事言
luận. Kim dù dĩ Tống Thát chi sự ngón
之：王公堅何人也？其裨
chi: Vương Công-Kiên hà nhau dã? Kỳ tợ-

將 阮 文 立 又 何 人 也？以
tướng Nguyễn Văn Lập hựu bà nhán dã? Dī
釣 魚 鎖 鎮 斗 大 之 城，當
Diển - ngư tòa tòa dàu dài chí thành, đương
蒙 蒼 哥 堂 堂 百 萬 之 鋒，使
Mông-Kha đương đương bách vạn chí phong, sủ
宋 之 生 靈 至 今 受 賜！骨
Tống chí sinh linh chí kim thụ từ l Cốt
解 兀 郎 何 人 也？其 辨 將
ngai Ngột - iang hả nhán dã? Kỳ tý tướng
斥 修 思 又 何 人 也？冒 痞
Xich - tu - tu hựu bà nhán dã? Mạo trướng
癟 於 萬 里 之 途，蹶 南 詔
lệ ư vạn lý chí đồ, quỵ Nam - chiếu
於 數 旬 之 頃，使 韻 之 君
ư sô tuần chí khoanh, sủ Thát chí quán
長 至 今 留 名！况 余 與 汝
trưởng chí kim lưu danh! Huống dù dù nhữ
等，生 於 握 摶 之 秋，長 於
dàng, sinh ư nhiều - nhương chí thu, trưởng ư
艱 難 之 際，竊 見 偽 使 往
gian - nan chí tể, thiết kiến nguy sứ vāng
來，道 途 旁 午，掉 虬 烏 之
lai, đạo dù bàng ngọ, trao biều ô chí

寸 舌 而 陵 辱 朝 廷；委 犬
thốn thiệt, nbi lăng nhục triều-dinh; uỷ khuyễn
羊 之 尺 軀 而 倨 傲 宰 輔；
dương chi xích khu, nhì cù ngao tè-phụ;
托 蒙 古 主 之 命 而 策 玉
thác Mông - eò chû chí mệnh nbi sách ngọc
帛，以 事 無 已 之 謀 求； 假
bach, dī sú vô dī chí chu cầu; giả
雲 南 王 之 號 而 露 金 銀，
Vân-nam vương chí hiệu nbi nhu kim ngan,
以 竭 有 限 之 璧 庫； 璧 猶
dī kiệt hưu hạn chí nô khố; xi do
以 肉 投 飪 虎，寧 能 免 遺
dī nhục đầu nỗi - bồ, ninh năng miễn di
患 也 哉？
hoạn dã tai?

余 臨 餐 忘 食，終 夜 摊
Dur lam san vong thực, chung da pbù
枕，涕 泗 交 願，心 腹 如 揪，
châm, thé tú giao di, tâm phúc như dáo,
常 以 未 能 食 肉 寢 皮，茹
thường dī vi nǎng thực nhục làm bì, nhự
肝 飲 血 為 恨 也。雖 余 之
can àm huyết vi hận dã. Tuy dù chi

百 身，膏 於 草 野，余 之 千
bách thân, cao ư thǎo dã, dư chi thiên
屍，裹 於 馬 革，亦 願 爲 之。
thi, khòa ư mǎ cách, diệc nguyện vi chi.

汝 等 久 居 門 下，掌 擦
Nhữ dâng cùu cư mòn - ha, chưởng ác
兵 權，無 衣 者 則 衣 之 以 食
binh quyền, vò y già tắc ý ebi dī
衣，無 食 者 則 食 之 以 食，
y, vò thực già tắc tự chi dī thực,
官 界 則 遷 其 職，祿 薄 則 行
quan lỵ tắc thiên kỳ chúc, lộc bắc tắc
給 其 傱，水 行 累 舟，陸 行
cấp kỳ bồng, thủy hành cấp chau, lục hành
給 馬，委 之 以 兵，則 生 死 則
cấp mă, uỷ chi dī binh, tắc sinh tử tắc
同 其 所 爲；進 之 在 睦，視 公
đồng kỳ sở vi; tiễn chi tai tần, thị Công
笑 語 同 其 所 爲；樂 禮，其 爲
tiễn ngữ đồng kỳ sở lạc. Kỳ thi vi
堅 之 爲 偏 神，兀 郎 之 爲
Kiên chi vi thiên - lỵ, Ngột - lang chi vi
副 貳 亦 未 下 爾。汝 等 坐
phò - nhị, diệc vi ba nhĩ. Nhữ dâng tọa

觀主辱，曾不爲憂；身當
thị chư nhục, tàng băt vi ưu; tản đương
國耻，曾不爲愧；爲邦國
quốc sỉ, tàng băt vi qui; vi bang quốc
之將，侍立夷內，而無忿
chi tướng, thị lập di tú, nhì vò phẫn
心；聽太常之樂，宴饗僞
tâm; thính Toái-thường chi nhạc, yến hưởng nguy
使，而無怒色；或鬪鷄以
sú, nhì vò nô sắc; hoặc đấu kê dĩ
爲樂；或賭博以爲娛；或
vi lạc; hoặc đồ bạc dĩ vi ngụ; hoặc
事田園以養其家；或戀
sự điền vien dĩ duong kỳ gia; hoặc luyễn
妻子以私於己；修生產
thê tử dĩ tư u kỷ; tu sinh sản
之業而忘軍國之務；恣
chi nghiệp nbi vong quan quốc chi vu; tú
田獵之遊而怠攻守之
diền liệp chi du nhì dài cõng thủ chi
習；或甘美酒，或嗜淫聲。
tập; hoặc cam mỹ túu, hoặc thị dâm thanh.
脫有蒙鞬之寇來，雄鷄
Thoát hưu Mông Tbát chi khău lai, bùng kê

之距，不足以穿虜甲，博
賭之術，不足以施軍謀；
田園之富，不足以贖干
金之軀，妻孥之累，不足以
以充軍國之用；生產之
多，不足以購虜頭；獵犬
之力，不足以驅虜衆；美
酒不足以酖虜軍，淫聲
不足以聲虜耳。當此之
時，我家臣主就縛，甚可
痛哉！不惟余之采邑被
削，而汝等之俸祿亦爲

人之所有；不惟余之妻
他家小被驅，而汝等之妻
孥亦爲他人之所廣；不
惟余之祖宗社稷，爲他
人之所踐侵，而汝等之妻
父母墳墓亦爲他人之所
所發掘；不惟余之今生
受辱，雖百世之下，臭名
難洗，惡謚長存，而汝等
之家聲，亦不免爲敗將
矣。當此之時，汝等雖欲
肆其娛樂得乎？今余明
tù kỵ ngụ lạc dắc hò? Kim dư minh

告汝等：當以曆火積薪爲危；當以懲羹吹鼈爲戒。訓練士卒，習爾弓矢。使人逢蒙家家后羿。須必烈之頭於闕下，腐雲南之肉於藁街；不惟余之采邑永爲青橐，而爾等之俸祿亦終身之受賜；不惟余之安床蓐，而爾等之亦百年之偕老；不惟之宗廟萬世享祀，而

cáo nhữ dâng: đương dĩ thố hỏa tích tân
vi nguy: đương dĩ chửng canh xuy trai vi
giết. Huấn luyện tốt, tập nhì cung thi.
Sú nhân nhán Bàng Mông, gia già Hậu Nghè,
Cưu Tất - Tiết chí đầu ur kbu yết bà, bù
Vân Nam chí nhục ur cáo nhai; băt duy
đư chí thái ấp vĩnh vi thanh chiên, nhì
nhĩ dâng chí bông lộc diệc chung thàn chí
thu tú: băt duy đư chí gia tiều dăc
an sàng nâu, nhì nhĩ dâug chí thê noa
diệc bách niên chí giải lão: băt duy đư
chí tông mjiểu wan lbé hưởng lự, nhì nhĩ

等之祖父小春秋之血
dǎng chi tò phu diệc xuân thu chi huyết
食；不惟余之今生得志。
thực; hất duy dư chi kim sinh dắc chí,
而汝等百世之下，芳名永
nbi nhữ dảng bách thế chí hạ, phuong danh
不朽；不惟余之美謚永
bất hù; bất duy dư chí my thuy vĩnh.
垂，而汝等之姓名亦留
thuy, nbi nhữ dảng chí tinh danh diệc lưu
芳於青史矣。當此之時，
phuong ư thanh sử hÿ. Dương thứ chí thi.
汝等欲不爲娛樂得乎？
nhữ dảng due bắt vi ngu lạc dắc hò?

今余歷選諸家兵法
Kim dur lich tuyển chur gia binh - pháp
爲一書，名曰兵書要畧，
vi nhất thư, danh viết Bình - thư - yếu - lược.
汝等或能專習是書，受
Nhữ dảng hoặc năng chuyên tập thi thư, thụ
余教誨，是夙世之臣主
du giáo hối, thi túc thế chí thắn chủ
也；或暴棄是書，違余教
dâ; hoặc bạo khi thi thư, vi du giáo

誨，是夙世之仇讐也。何
hùi, .thì túc thê chí cùu thù dâ. Hé
則？乃不共載天之讐讐，汝
tắc ? Nǎi bát còng dài thiên chí thù, nhữ
等既恬然不以雪耻爲
dâng ký dièm nhiên bát dī tuyết sì vi
念，不以除凶爲心，而又
niệm, bát dī trú hung vi tâm, nhì hựu
•不教士卒，是倒戈迎降。
bát giáo sĩ tót, thì đảo qua nghênh hàng,
空拳受敵，使平虜之後。
không quyền thu địch, sử bình lô chi hậu,
萬世遺羞，尙何面目立
van thê di tu, thương bà diện mục lập
於天地覆載之間耶？故
trong thêng dia phù tái chi gian gia? Cố
欲汝等明知余心，因筆
duc nhữ dâng minh tri dư lâm, nhán büt
以檄云。
dī hịch vân.

Dẫn chú

Kỳ-Tin: Một tướng của Cao-tô nhà Hán. Khi Cao-tô bị vây ở thành Huỳnh-dương, Kỳ-Tin giả làm Cao-tô ra hàng quân Sở, để cho Cao-tô trốn thoát.

Do-Vu : Người đời Xuân-thu, bầy tôi của Chiêu-vương nước Sở. Có đêm Chiêu-vương lánh ở nhà trọ, bị bọn kè cướp đứng ngoài dùng giáo đâm vào, Do-Vu cùa lung đớ lấy ngọn giáo đè che cho Chiêu-vương.

Dự-Nhượng : Người đời Chiến-quốc, bầy tôi của Tri-Bá. Sau khi Tri Ba bị Triệu Tương-tử giết chết, Dự Nhượng nuốt than giả làm người nòng, trả hinh làm kè ăn mày để lừa dịp mà giết Tương-tử, báo thù cho Tri-Bá.

Kinh-Đức : Tức Uất-trì Cung, một trưởng của Thái-tôn nhà Đường. Khi Thái-tôn bị Vương Thế-Sung bắt vây, Kinh-Đức vừa lẩy mình che Thái-tôn, vừa đánh liều mạng đè phà vòng vây mà ra.

Cao-Khanh : Tức Nhan Cảo-Khanh người đời Đường, làm chức Tuái-lưu ở quận Thường-châu. Khi Au-Lộc-Sơn nổi loạn, Cảo-Khanh khỏi binh đến đánh, thua trận bị bắt. Lộc-Sơn khuyên Cảo-Khanh hàng, Cảo-Khanh mắng-nhiếc thậm tệ, rồi bị Lộc-Sơn đem chém.

Trúc-bạch : Thủ tre và lúa trắng. Đời xưa chưa có giấy phải viết bằng tre và lúa. Vì vậy, người ta hay dùng hai chữ *trúc-bạch* thay cho những chữ sú-sách.

Tống-Thát : Nước Tống và nước Thát-dát (tức nước Mông-cổ).

Vương Công-Kiên Người nước Tống.

Nguyễn-văn Lập : Người nước Tống.

Điều-ngư : Trái núi rất hiểm ở tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu. Đời Tống, Dư-Giới có dắp vòng thành ở đó. Khi Vương-Công-Kiên và Nguyễn-văn Lập đóng giữ thành ấy, Mông-Kha-hàn nước Mông-cổ kéo quân đến đánh mấy tháng không bạ được. Kết-cục, Mông-Kha-hàn chết ở trong quân.

Cốt-ngại ngọt-lang : Có sách chép là Đường-Ngột-ngại, có sách chép là Cốt-ngại ngọt-lúc. Tướng của Mông-cổ, đã từng đem quân đánh nước Nam-chiếu. (Lý Ngạn)

Nam-chiếu : Một nước nhỏ ở phía Tây-nam nước Tàu, nay là phủ Đại-ly trong tỉnh Vân-nam.

Hốt-Tất-Liệt Tên vua Thố-tồ nhà Nguyễn.

Vân-nam-vương : Túc Thoát-Hoan, con thứ chín Hốt-Tất-Liệt.

Mã cách Da ngựa, *Hậu-Hán-thư* : Mã - Viện thường nói : « Tài giỏi phải nên chết ở chiến-trường, dùng da ngựa bọc thây đưa về. Câu này nói theo điều đó. »

Thái thường Tên một thủ nnạc, đời Trần vẫn dùng khi tế tòn-miếu nhà vua.

Thái-apse : Làng ăn lộc, tức là chỗ đất nhà vua phong cho vương hầu, để những người ấy lấy thuế của dân mà dùng.

Thổi hỏa litchi tân : Đặt lửa đống củi. *Hàn-thư* có câu : « Ông lửa mà đặt ở dưới đống củi, rồi ném lên trên, lửa chưa kịp cháy, vẫn gọi là yên ». Câu này dùng theo diều ấy.

Chứng canh xay trai : Sợ canh thời rau, *Đường-thư* có câu : « Kẻ sợ canh nóng thường hay thời cà rau ngoài ». Mấy chữ này gốc-gác ở đây.

Bàng-Mông, Hậu-Nghệ : Hai người giỏi nghề bắn cung của đời thương-cô nước Tàu.

Cảo-nhai : Đường phủ cô. Nhà trạm ở các xứ mịt trong đời nhà Tống.

Thanh chiên : Nệm xanh, nệm băng lồng. Sách *Thể-huynh* nói : Vương Hiển-Chi đêm nằm ở buồng học, có trộm vào nhà. Hiển-Chi nói « Cái nệm xanh là đồ cũ của nhà ta, để lại đừng lấy ». Câu này muốn chữ đó để nói bóng về của già-truyền.

Phiên dịch

Bài hịch dụ các tỳ-tướng

Ta thường nghe : Kỳ Tin lấy thân chết thay, cứu thoát được vua Cao-đế ; Do-Vu chia lưng chịu giảo, che-chở được vua Chiêu-vương, Dự-Nhượng nuốt than để trả thù cho thầy, Thành-Khoái chặt tay để gánh nạn cho nước ; Uất-trì Cung một viên tướng nhỏ, còn biết che đỡ Đường-chủ,

ra khỏi vòng vây của Thổ-Sung; Nhau Cảo Khanh là bầy lôi xa, còn biết mang-chứi Lộc-Sơn, không nghe lời dụ của nghịch-lặc. Từ xưa, những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, lấy thân theo nước, đời nào là không có dâu? Nếu mấy người kia, chăm chăm học thói dùt-dát của con gái trẻ con, chẳng qua cũng đến chết dũ ở dưới cửa sổ, dâu được ghi tên vào trong thẻ tre lụa trääng, danh tiếng cùng trời đất cùng lâu bẽ!?

Các người đời đời là con nhà võ, không biết chữ nghĩa, nghe những chuyện ấy, thay đều nứa tin nứa ngờ. Thôi thì những việc cổ xưa, hấy đẽ đó, không nói nứa. Nay ta hãy đem chuyện của nước Tống, giống Tuất (là chuyện gần đây) kể cho các người cùng nghe:

Vương Công-Kiên là người gì? Nguyễn-văn Lập, tỳ-tướng của y lại là người gì? chỉ có vòng thành Điếu-nger lớn,bầu cài đầu, hai người ấy chống nổi toàn quân-trăm vạn của Mông-Kha. Khiến cho dân con nước Tống ngày nay hãy còn nhớ ơn! Cốt-ngại ugét-lang là người gì? Xích-tu-tư tỳ tướng của y, lại là người gì? Xông-phá lâm-trường trên đường muôn dặm, hai người ấy đánh quẹt được nước Nam-chiểu trong khoảng vài tuần, khiến cho vua chúa giỗng Thát, nay dè tiếng! Huống-chì ta với các

người, sinh ra giữa bụi rối-ren, lớn lên nhảm
khi khóc-nhọc, chính mắt ngó thấy sứ nguy di lại,
đường xá nghèo-nhang, chúng múa cài lưỡi
cù quạ, làm nhục chốn triều-dinh; chúng giờ cài
thân chó dê, kiêu-ngạo với quan tè-phụ; chúng
nhờ mệnh-lệnh của chúa Mông-tổ, mà đòi náo
ngọc náo lụa, sự vội-vĩnh thật vô-cùng; chúng
muốn đánh-liệu của vua Văn-nam mà hạch
nào bắc nào vàng, của kho-dụng đã bồ hết.
Cung-dốn cho chúng, giỗng như đem thịt henger
cho cọp đòi, sao khỏi dè lo về sau?

Ta thường rời bữa quên ăn, giữa đêm vỗ gối,
mắt trán xuồng dày mép, tẩm lòng đau
như bị đâm, vẫn lấy cái sự chưa thè ăn thịt
nấm da, nuốt gan uống máu của chưởng làm tức.
Đầu cho một trăm cái thân của ta phải đem
đổi ở đồng cỏ, một nghìn cái thây của ta, phải
đem học vào da ngựa, ta cũng vui lòng.

Các người lâu nay ở dưới cửa ta, cầm giữ
binh quyền, thiếu áo thì mặc áo cho, thiếu ăn
thì sẻ cơm dỡ, quan nhò cho lên chức, hông
ít cho thêm lương, đi thủy cấp thuyền, đi bộ
cấp ngựa; những khi trộm mạc, sự sống thác
thầy chung với trò; những lúc mường khao,
tiếng vui cười ai cũng như nấy. So với Công-
Kiên làm chức thiền-tỷ, Ngột-lang ở ngôi phô-

nbi, có khác gì đâu. Thì mà các người ngó chủ
bị nhục, chẳng lấy làm lo, gặp nước bị đờ, chẳng
lấy làm thiện; làm tướng nhà nước, đứng bầu
máy đưa chùm mường, mà không có lòng
cầm-hàn; thấy khúc nhạc thò, đem thết một
tên sứ nguy, mà không có vẻ tức giận; kẻ
thì trói gà cho thích, kẻ thì đánh bạc mua
vui; có người chỉ chăm vườn ruộng, cốt nuôi
được nhà; có người chỉ mến vợ con, lấy mình làm
trọng; cũng có kẻ chỉ thích làm giàu làm có,
việc quân-quốc chẳng thèm doái-hoài; cũng có
người chỉ ham đi bán đi săn, cách công-thủ
không bẽ rèn-lập; hoặc là dám mùi rượu
ngọt, hoặc là mê tiếng hát hay... Một khi có
giặc Mông-Thát đến nơi, thì cưa con gà nòi không
thè dám thủng áo giáp của giặc; lùu-lụt ở bờ bắc
không thè dem làm mưu-mẹo trong quân;
vườn ruộng tuy giàu, tấm thân nghìn vàng khôn
chuộc; vợ con tuy săn, trong đám ba quân khở
dùng; của cải tuy nhiều, không thè mua được dầu
giặc; chó săn tuy khỏe, không thè đuổi được kẻ
thù; rượu ngọt không đủ khiến quân giặc phải mê,
hát hay không đủ làm tai giặc phải điếc. Lúc đó
thầy tro nhà ta sẽ cùng bị trói, đáng đau đớn
biết chừng nào! Nếu thế, chẳng những thái-ấp
của ta không còn, mà bồng-lộc của các người
cũng bị kẻ khác chiếm mất; chẳng những gia-

quyền của ta phải duỗi, mà vợ con của các người cũng bị kẻ khác bắt đi ; chẳng những xã-tắc của tò-tông ta sẽ bị người khác dày séo, mà đến mồ-mả của cha mẹ các người, cũng bị kẻ khác đào lên ; chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, và trăm kiếp khác, tiếng nhơ khoda rùa, tên xấu vẫn còn, mà đến gia-thanh của các người cũng không khỏi mang tiếng là nhà bại-tướng. Đã đến khi đó, các người muốn chơi bời cho thỏa, được chẳng ?

Nay ta bảo rõ các người : Cái chuyện « dấm lúa, dỗng cùi » phải lò, mà câu « sọ canh thối rau » nên nhớ. Các người hãy nêu huấn-luyện quân lính, rèn tập cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng-Mông, nhà nhà đều là Hậu-Nghệ, bêu đầu Pất-Liệt dưới cửa khuyết, trớp thịt Thoát-Hoan trong trại rom. Như thế, chẳng những thái-ấp của ta mãi mãi là của gia-truyền, mà bồng-lộc của các người cũng được suốt đời hưởng-thu ; chẳng những gia-quyền của ta luôn luôn được yêu giùm o Nem, mà vợ con của các người cũng được xum họp đến già ; chẳng những tòn-miều của ta sẽ được muôn đời tề-lễ, mà tò-tông các người cũng được thờ cúng quanh năm ; chẳng những thân ta kiếp này đặc chi, mà đến các người, dưới trăm đời nữa, tiếng thơm vẫn

lưu-truyền ; chẳng những tên tuổi ta không bị mai-một, mà đến tên họ các người cũng để tiếng thơm trong sù xanh. Khi ấy, các người muôn không vui-chơi, được chẳng ?

Nay ta lựa chọn bình-pháp các nhà, làm một cuốn sách, đặt tên là sách *Bút thư yếu-lực*. Các người nếu biết chuyên tập sách ấy, nghe lời dạy bảo của ta, ấy là duyên thầy trò kiếp xưa ; nếu mà bỏ bê sách ấy, trái lời dạy bảo của ta, ấy là mối cừu-thù kiếp xưa. Sao vậy ? Bởi vì, như vậy, lúc là cái thù không đội chung trời, các người không hề nghĩ tới, điểm-nhiều không lo đến sự rửa thuê, không tính đến việc trú-hung, không nhớ đến chuyện dạy-lập quân-sĩ. Thế là giờ giáo hàng giặc, nắm tay chống giặc. Rồi đây, sau kia giặc yên quân giặc, các người sẽ phải đền thuê muôn đời, còn mặt mũi nào mà đứng giữa khoảng trời, đất che-chở ?

Ta muốn các người biết rõ bụng ta, nhân viết mấy lời dò làm hịch.

V.— TRẦN ÝCH - TÁC

(125 (?) — 133 (?)

Ông là con thứ năm Thái-tôn, chưa rõ sinh vào năm nào. Chỉ biết ông và ông Trần Nhật-Duật cùng được phong vương trong năm Thiệu-phong thứ mười (1268) (1). Ông Nhật-Duật sinh năm Nguyên-phong thứ năm (1255), lúc được phong vương đã 13 tuổi. Ông còn là anh Nhật-Duật, chắc cũng trạc tuổi ông ấy, hoặc là hơn một vài tuổi chỉ đó.

Sử chép ông rất thông-minh, ham học, mười lăm tuổi đã thông kinh sử, giỏi văn-chương, cho đến các thứ nghề-lбуật lặt-vặt, nghề gì ông cũng tinh-thạo. Chỗ ở của ông, về phía hữu, có dắp một tòa nhà học, họp các văn sĩ ở đó học tập. Cơm ăn

1. — Tháng năm ông Ich Tác được phong làm Chiêu-quốc vương; tháng tám ông Nhật-Duật được phong làm Chiêu-văn vương.

áo mặc của những người ấy, do ông cung cấp cho cả. Bọn văn sĩ ấy độ hai chục người, những người nổi tiếng với đời như Mạc-Đinh-Chi ở Bàng-hà, Bùi Phóng ở Hồng-châu, đều là gia-khách của ông.

Theo sử, lúc trẻ tuổi, ông vẫn tự-phu về tinh thông-minh của mình, và muốn cướp quyền con cá, bởi vậy, có lần ông đã viết thư sai người đem xuống Vạn-dòn gửi các khách buôn đưa về Tàu, xin vua nhà Nguyên đem quân sang Nam. Đến năm Thiệu-bảo thứ bảy (1286), quân Nguyên sang lấn nước ta và chiếm được thành Thăng-long, thì ông cùng bọn Phạm-Cự-Địa, Lê-Diễn, Trịnh-Long đều đem gia-quyến theo hàng. Sau khi quân Nguyên bị ta đánh thua, phải chạy về Tàu, ông cũng theo sang.

Năm thứ hai, hiệu Trùng-hưng, vua Nguyên định thải việc đánh Nhật-bản để số quân ấy đem sang đánh ta, đưa ông về nước, vì quân-thần có nhiều người can vơi thải, và mới cho ông ra ở Ngạc-châu, phong làm tước vương, cấp cho văm trăm mẫu ruộng ở vùng Hán-dương để ông lấy cái chi dụng.

Đến năm sau, quân Nguyên lại sang lấn ta và lại bị bại lần nữa. Lần này không biết ông có cùng đi với họ hay không.

Qua năm Trùng-hưng thứ tam (1293), bên ta và bên Nguyên đã thật hòa nhau. Nhân-tôn sai

Nguyên Đại-Phật sang sứ để tỏ tình-hiếu. Lúc qua Ngạc-châu, Đại-Phật có vào ra mắt các viên Bình-chương. Khi ấy, ông đương lịnh chúc Bình-chương của tỉnh Hồ-quảng và có cùng mặt trong đám, Đại Phật thấy ông, tỏ vẻ không chịu kính-trọng. Ông hơi có vẻ tức giận và hỏi Đại-Phật :

« Người có phải là thằng thư-dòng của Chiêu-dao-vương hay không ? »

Đại-Phật đáp

« Việc dời thay đổi, Đại-Phật vốn là đứa thư-dòng của Chiêu-dao-vương, nhưng nay thì là sứ-giả, cũng như quan Bình-chương xưa là con vua mà nay là người hàng giặc vậy. »

Ông có ý hẹn, từ đó những khi sứ-giả nước ta đi qua Ngạc-châu, ông đều không ra săn-bదường.

Tới năm Trùng - hưng thứ chín, người Nguyên lại định đánh ta, họ đã sắp-sửa thuyền bè lương-thực rất nhiều, sai Lưu-Quốc Kiệt và Diệc-lý-cát ngai đốc các đạo quân thủy bộ và bắt ông theo xuống Trường-sa để cùng đi. Vì vua Nguyên chết, việc đó lại thôi, rồi ông lại về Ngạc-châu.

Sau kbi Thất-tò nhà Nguyên quá đời, số ruộng Hán-dường của ông liền bị Thành-tôn nhà Nguyên lấy lại. Đến khi Vũ - tông nhà Nguyên lên ngôi, thương tình ông già, mới lại cấp ruộng như cũ.

Trong từ « chẽ » của Vũ-lôn có mấy câu rằng:
« Vót kè dăm, cứu người thiêu, theo quân vua
từng một hai bận ; ban lương ăn, tối nhà trọ, ở
trên bờ gần ba chục năm. Toàn đã trải thờ bốn
triều, chí vẫn không sai tiết cũ... ».

Sau ông mất ở Ngạc-châu, thọ 76 tuổi, vua
Nguyễn có ban năm chúc quan tiền làm ma và
cho « thụy » là Trung-mân.

Theo Đài-Việt-đả-ký bốn-ký thì Trần Hữu-Lượng,
người đã chiếm gần hết một giải Trường giang, tự
lâm hoang - để trong hồi cuối Nguyễn, tức là con
ông, nhưng không có gì làm bằng, nên ở Khâm-
định Việt sử đã bác chuyện đó.

Tác-phẩm của ông có tập Cửng-cực ngâm-biện
nay còn ít bài chép ở Toàn-Việt-thi-lục, và Việt-đam
thi tập đều là những thơ do ông làm ra trong
khi ở Tàu.

出 國 Xuất quốc

當 年 仗 義 出 南 邦,
Đương niên trượng nghĩa xuất nam bang.

耿 耿 丹 裹 對 彼 蒼.
Cẩn cẩnдан trung đối bỉ sương.

不 是 文 公 逃 晉 難,
Fất thị Văn công đào Tân nạn,

庶幾微子繼殷亡
Thúy cơ Vy-tử kế Án vương.
箕裘未泯先人志
Cơ cùu, vị dǎo tiên nhán chí,
簡冊思留後世芳
Giản sách lư lưu hậu thế phượng.
寰宇車書會同日
Hoàn vũ xa thư hội đồng nhât,
故家宗嗣越山長
Cố gia tông tự Việt sơn trường.

Dẫn chú

Văn công: Tức Tân Văn-công, tên là Trùng-Nhĩ, con thứ của Tân Hiển-công. Khi Hiển-công vì yêu vương Ly-cơ mà giết thái-tử Thân-sinh, Trùng-Nhĩ chạy sang nước Địch, ở ngoài đến 19 năm, sau nhờ binh-lực của Tân Mục-công, lại được về nước làm vua, dựng nên nghiệp trong đời Xuân-thu.

Vy-tử: Tức Vy-tử Khải, anh ruột vua Tru. Thấy vua Tru làm nhiều điều dâm-loạn, biết là nhà Thương sắp mất, Vy-tử bèn mang đồ thờ về với nhà Chu, để giữ hương lửa cho tổ-tiên.

Cơ cùu: Cái thúng và áo cùu. Kinh Lễ nói: « Con người thợ cung giỏi ăn học làm thúng, con

người thợ hàn giỏi, ăn học làm áo cùn ». Về sau người ta hay dùng chữ đó để nói bóng về những người con nối được nghề nghiệp của cha.

Xa thư : Xe và sách. Sách Trang-dung có câu : « Nay ở gầm trời, xe chung đường, sách chung chữ ». Ý nói thiêng-hạ thông-dòng. Câu này lấy ở đó.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả lật tả bụng mình khi hàng quân Nguyên. Ý nói : Lúc mình vì nghĩa mà phải ra khỏi nước Nam, một tấm lòng son có thè đổi với trời xanh không舶. Không phải mình như ông Văn-công nước Tấn, đi trốn nãu dè cầu làm vua, chỉ mong như ông Vy-tử nhà Thương, cõt theo nước khác dè giữ giàng-dõi. Như con thợ cuồng, thấy cha uốn cung, học uốn cắp thúng, như con thợ hàn, thấy cha và đồ đồng sắt, thì học chắp mảnh da cáo dè làm áo cùn, mình vẫn chưa quên chí của tiền-nhân, cố nối nghiệp nhà dè lưu tiếng thơm trong sử sách đời sau. Khi mà nhà Nguyên giẹp yên các nước, thiêng-hạ thông-dòng, xe đi chung đường, sách chép chung chữ, giòng-dõi của nhà mình vẫn còn lâu-bền phu núi-non nước Nam-Việt vậy.

Phiên dịch

Ra nước

Năm xưa vì nghĩa bỏ Nam - bang,
Phai với trời xanh tẩm dạ vàng.
Nào phải vua Văn lo nạn Tấn?
Những mong ông Khải nối giòng Thương.
Cơ cùu hai chữ lòng tiên - tö,
Sử sách muôn đời tiếng vè - vang.
Bốn bề thông - đồng khi gặp hội,
Nước còn đồi núi, lửa còn hương.

**回國
Hồi quốc**

幾 年 出 國 杏 雲 沙,
Ký niên xuất quốc diều vân xa,
身 寄 戎 鞍 暫 到 家.
Thân kỵ nhung yên tạm dào gia.
簇 簇 樓 臺 空 日 影.
Thốc thốc lâu đài không nhát ảnh,
盈 盈 珠 翠 各 天 涯.
Doanh doanh châu thủy các thiền nha.
真 成 東 海 歸 遂 鶴,
Chân thành Đông - hải qui Liêu hạc,
敢 望 南 門 入 鄭 蛇?
Cảm vọng Nam-môn nhập Trịnh sa?

人 物 凄 凉 無 處 問,
 Nhân vật thê lương vò xu ván,
 江 風 吹 老 荡 枝 花.
 Giang phong xuy lão lè chí họa.

Dẫn chú

Vân xa : Mây và cát, cũng như chữ « vân-né »
 (mây và bùn), chỉ vì sự xa cách.

Châu thủy Ngọc trai, lông chim chả, tức là
 đồ trang-sức của dàn hè. *Thơ Vương Xương-*
Linh có câu : « 水 殿 風 來 珠 翠 香 Thủy
 điện phong lai châu thủy hương : Gió đưa tὸa
 đèn trên mặt nước, ngọc trai lông chả đều có
 mùi thơm ». Câu này dùng theo điện ấy.

Qui Liêu hạc : Con hạc về xứ Liêu. Sách *Sửu-*
thần kỵ chép rằng : « Trên cây đồng-trụ cửa thành
 Liêu-đông, chợt có con hạc về đậu và hát rằng :
 有 鳥 有 鳥 丁 令 威, 去 家 千 歲 今 來
 彌, 城 郭 如 故 人 民 非 : Hữu diều hữu
 diều Đinh-linh-Uy, khứ gia thiên tuế kim lai
 qui, thành quách như cố nhân dân pbi : Có con
 chim tên là Đinh-linh-Uy, bỏ nhà ngàn năm
 nay mới về, thành-quách như cũ, nhân-dân đã
 khác ngày trước... ». Câu này dùng theo điện ấy.

. *Nhập Trịnh sà* : Con rắn vào nước Trịnh. *Tả*
truyện chép rằng : Trước khi Lê-công nước

Trịnh di trốn, ở kinh-dô Trịnh có con rắn trong thành và con rắn ngoài thành đánh nhau ở cửa Nam. Con rắn trong thành chết. Cách sáu năm sau, Lê-công lại vào nước Trịnh làm vua. Câu này dùng theo diễn ấy.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả làm ra khi theo quân Nguyên về nước. Ý nói: Mấy năm ra khỏi cõi nước, mình với đất nước cách nhau như mây trên trời và cát dưới đất. Bây giờ gửi thân trên chiếc yên ngựa của đám quân lính tạm được đến nhà. Nhìn đến chỗ ở của mình ngày xưa, chỉ thấy những đám lầu dài xóm-xít thò-ơ dưới bóng mặt trời; bồi đến à-đèo con hắt, những người ngày trước vẫn dùng hạt chàm lồng chả làm đồ trang sức để mua vui cho mình, thì họ cũng đều mỗi người ở một phương trời, chẳng biết bình dâng đầu cá. Cảm - tưởng của mình lúc ấy thật giống như Đinh - linh - Uy hóa làm con bạc về xứ Liêu-dông, thành quách như cũ, nhân-dân đã thay đổi hết. Song mình về nước bây giờ không phải để tranh ngôi vua nước Nam như vua Lê-công cố tranh ngôi vua nước Trịnh, lòng mình không mong có điểm rắn-ngoài đánh nhau với rắn-trong như việc của sách Tà-truyện đã chép. Vậy mà nhân-vật quạnh-niу

chẳng biết chỗ nào mà hỏi, Giữa lúc mình
đương rầu - rỉ thì những ngọn gió rá - lạnh trên
sóng đưa lại, thời cho già - ưa những chùm
hoa vải, là vật riêng có ở nước Nam, càng làm
cho mình buồn thêm.

Phiên dịch

Về nước

Quê hương cách trở mấy năm qua,
Yên ngựa nương thân tạm tới nhà.
Cửa gác mái lầu lòn nắng quái,
Hạt trai, cánh chả bóng trời xa.
Đã nên xú cũ hồn Liêu-hạc,
Dám nghĩ thành nam chuyện Trịnh sa ?
Biết bối nơi nao người vắng cảnh?
Gió đưa cành vải rặc màu hoa.

挽河南王
Vân Hà-nam vương.

哲人萎矣，柱梁傾！
Triết nhân luy hỷ, trụ lương khuynh!
回首西風涕淚零。
Hồi tấu tây phong thẽ lệ linh.
三世功名今古史，
Tam thế công danh kim cõ sù,

百 年 過 客 短 長 亭.

Bách niêu quá khách đoán trường đình.

手 扶 紅 日 名 猶 在,

Thủ phù hồng nhật danh do tại,

身 就 黃 梁 夢 不 醒.

Thân tựu hoang luong mong bat tinh.

記 取 汾 陽 勳 業 舊,

Ký thu Phan - dương huân nghiệp curu,

紫 微 留 樹 繙 芳 馨

Tử vi lưu thụ kế phuong hinh.

Dẫn chú

Triết nhân luy: Bậc hiền-triết uá-héo. Kinh Lê: Không từ dậy sớm kéo gậy ra cửa hát rắng: « Núi Thái sẽ đồ chǎng ? Cây giường sẽ mục chǎng ? bậc triết-nhân sẽ uá-héo chǎng ? » Cách mấy ngày sau thì Không-tứ bị bệnh rồi mất.

Đoản trường-dinh: Đình ngắn, đình dài. Tức là những quán bên đường để cho hành-khách trú chân. Theo phép đời Hán, năm dặm có cái quán nhỏ gọi là đoán-dinh, mười dặm có cái quán lớn gọi là trường-dinh.

Phù hồng nhật: Ôm mặt trời, tức là giúp vua.

Hoàng lương mộng: Giấc mơ kê-vàng. Tập Lã Thuần-Dương chép rằng: Lã Đóng-Tàn theo Văn-

phòng cung nghỉ trong một nhà hàng. Văn-phòng tự ra thồi nấu, Đặng-Tân chợp ngủ, chợt mơ thấy mình dương là học trò vào kinh thi đỗ trạng-nguyễn, trai làm các chức thanh-nhã trọng-yếu. Hai lần lấy vợ, đều là con nhà quyền-quí. Rồi thi con trai dựng vợ, con gái gả chồng, các con cũng đều làm quan, trâm hốt đầy nhà. Hơn bốn chục năm như thế. Cuối cùng, mình lại một mình giữ ngôi tè-tướng mười năm, quyền-thể lừng-lẫy. Chợt bị tội nặng, gia-tài phải tịch-biến, vợ con phải dồn ra xứ Lĩnh-biển. Giữa đường gặp gió và tuyết, người ngựa đều mệt, một tháo tro-vơ, không biết nương tựa vào đâu. Đường lúc thở than, giặc mơ sực tỉnh. Văn-phòng ở cạnh vừa cười vừa nói : « Nỗi kẽm chua chin, giấc mơ đã tới nước Hoa-lư » Đặng-Tân giật mình và hỏi : « Ông biết giấc mơ của tôi a ? ». Văn-phòng đáp : « Giấc mơ của ông vừa rồi, bỗng chìm dù cách, sướng khổ nhiều đường, năm chục năm chỉ trong một lát. Được không đáng mừng, mất không đáng lo. Vả lại bao giờ thuật tinh mới biết cõi đời chỉ như giấc mộng ». Đặng-Tân cảm-ngộ, bèn lạy Văn-phòng, xin dạy mình về thuật độ-thể (1). Hai chữ « hoàng-lương » gốc-gác ở đó.

1.) Sách *Châm tạn-ky* cũng có một chuyện giống chuyện này, nhưng người nằm mơ là Lữ-sinh, mà người nấu kẽm thi là Lã-ông

Phần-dương : Quách Tử-Nghi nhà Đường vì có công giáp loạn An Lộc-Sơn, được phong làm Phần-dương-vương.

Tử vi : Tức cây tử - vi. *Đường-thư* chép rằng : Đầu đời Khai-nguyên, đời tòa Trung-thư làm tòa Tử-vi. Bạch Cư-Dị khi làm quan ở tòa ấy, có trồng hai cây tử - vi, mãi đến đời Tống hãy còn. Bởi vậy, người ta hay mượn hoa tử-vi để nói bóng về những người làm quan Thượng - thư.

Giải nghĩa

Bài này đại-dè tỏ vẻ thương-tiếc vị Hà-nam vương nào đó. Ý nói : Vì ấy là bậc yểu-nhân của nước Nguyên, ngày nay mất đi, nước Nguyên giống như cái nhà bị gãy giường cột. Đứng trước gió tây, nhớ đến chuyện đó, mình vẫn nước mắt chưa chan. Đành rằng công-danh của trước vương ấy đã trải ba đời, rồi đây sẽ có sử sách cõi kim ghi chép, song ngài 'cuộc đời giống như một quãng đường dài, người đời chỉ như hành-khách đi qua các lờp doản-dịnh, trường-dịnh, cái công phò vua của trước vương ấy vẫn còn dề tiếng hùng-lẫy, mà chính thân ông ta đã tới giấc mộng hoàng - lương, không thể tỉnh lại, thì ai không buồn ? Tuy vậy, cũng nên nhớ rằng : Trước vương ấy đã có sự - nghiệp lớn - lao chẳng kém gì Quách Phần-dương nhà Đường, con cháu tất-nhiều

phát-đạt, hiện nay con cái ông ta, có người đương làm quan ở tòa Trung-thư, ấy là ông ấy đã có đê lại cho tòa Trung-thư một trời tử-vi, đê nổi tiếng thơm của ông ta. Thì thi ông ấy dù mất cũng như còn vậy.

Phiên dịch

Viếng Hà-nam vương

Cột siêu, giường đồ, triết - nhân già !
Trước gió quay đầu, giọt lệ sa !
Mấy lớp công - danh, trang sử chép,
Trăm năm thân - thể, quãng đường qua.
Tiếng nàng vàng ác còn ghi dó,
Giác mộng nỗi kẽ sực tinh ra.
Nhớ chuyện Phản-dương huân-nghiệp lớn,
Trời Vĩ cõn gốc vẫn cõn hoa.

駕 瞰 柳 林 隨 侍

Giá diễn Liễu-lâm tùy thị

仙 仗 平 明 擁 翠 華,
Tiên trượng bình minh ủng thủy hoa,
景 陽 鐘 發 海 東 霞.
Cảnh-dương chung phát hải đông hào.
千 官 捧 日 臨 春 殿.
Thiên quan phùng nhât lâm xuân điện,

萬 騎 屯 雲 動 曉 沙.
Vạn ky đồn vân động hiều sa.
白 鶴 翩 翩 山 霧 薄,
Bạch diêu cách phiêu sơn vụ bạc,
黃 龍 旗 拂 柳 風 斜.
Hoàng long kỳ phất liễu phong tà.
太 平 氣 象 同 民 樂.
Thái bình khí tượng đồng dân lạc,
南 北 梯 航 共 一 家.
Nam Bắc thê hàng cộng nhất gia.

Dẫn chú

Tiên-trương: Bộ quan thị-vệ của các vua. Thơ của Sầm-Tham có câu: « 玉 隕 仙 仗 擁 千 官 Ngoc giai tiên truong ứng thiên quan : Bộ thi-vệ ở thềm ngọc xám xít chung quanh các quan ». Hai chữ « tiên truong » gốc-gác ở đó.

Thúy hoa: Cờ có thêu lông chim chà, tức là cờ riêng của vua.

Cánh-dương chung: Tiếng chuông của cung Cảnh-dương. Sách *Tề-thư* chép: Vũ-dế nước Tề đặt một quả chuông ở cung Cảnh-dương, dặn các cung-nhân khi nào nghe thấy tiếng chuông đánh ở cung ấy thì đều trở dậy trang-dièm.

Bạch diều: Con cát trắng. Thủa xưa người Tàu hay nuôi chim cát để săn các thứ chim khác, cho nên bài này mới dùng chữ đó.

Hoàng-long kỳ: Cờ thêu rồng vàng, cũng là cờ riêng của vua.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tả những cảnh-tượng đã thấy khi theo vua Nguyễn đi săn. Ý nói: Từ lúc trời mới sáng rõ, đội quân thị-vệ đã xúm quanh lá cờ thủy-hoa. Tiếp đến tiếng chuông diêm hời ở cung Cảnh-dương, như dục đám mây màu hồng hiện ra trên phia bắc đông, ấy là hiệu báo thiên-tử đã dậy. Bấy giờ các quan xúm lại, cùng rước ông ấy ngự ra Xuân-diện, rồi lên đường. Trong khi đi đường, hàng vạn con ngựa đua chạy, xa trông giỗng như những đám mây dùn, khiến cho bãi cát buổi sáng bốc lên mù-mịt, dù thấy quanh-dung hùng-tráng là chừng nào. Tới lúc săn, sức con cát trắng rất khỏe, khi nó trổ cánh có thể quạt mỏng hơi mù trêu núi; lá cờ rồng vàng rất lớn, khi nó bay - vẫy, có thể làm lướt ngọn liêu trong rừng. Tóm lại bao nhiêu cảnh-tượng đều là vẻ riêng của dời thái-binh, và lại, hiệu nay Nam Bắc thông-dồng, những nước xa lạ cũng đều vượt biên trèo non dến cổng, đó là

bốn bề cùng chung một nhà, thịnh-vượng đến
vây là cùng. Vậy thì cuộc săn bắn này, cũng
là một việc cùng dân cùng vui như lời Mạnh-
tử đã nói, không phải cuộc chơi riêng của nhà
vua.

Phiên dịch

Theo vua Nguyễn săn ở rừng Liễu

Hoa thủy tung-bừng buổi rạng đông.
Tiếng chuông cung Cảnh dục vàng hồng.
Nghìn quan vảy rước, đèn Xuân chật,
Muôn ngựa đua quần, bóng cát tung.
Hơi núi giật theo luồng cảnh cắt,
Cảnh dương lướt trước gió cờ rồng.
Cảnh vui, đời thịnh, dân nô-nức,
Biển Bắc, rừng Nam, một cửa chung.

送元復初

Tống Nguyễn Phục-Sơ

江流脉脉草離離，
Giang lưu mạch mạch, thảo ly ly.
黃鶴磯頭酒一卮。
Hoàng hạc cơ đầu túu nhất chi.
報國寸心憐我老。
Báo quốc thốn tâm,怜 ngã lão.
論文半面識君遲。
Luân văn bán diện, thức quan trì.

正 當 重 鼎 調 梅 日。
Chính đương trùng đình điều mai nhật,
又 是 長 亭 折 柳 時。
Haii tbi trường đình triết liêu thi.
滿 載 詩 書 歸 路 遠。
Mǎn tái thi thư qui lộ viễn,
鳳 城 依 約 更 相 期。
Phượng thành y uốc cảnh tương kỳ.

Dẫn chú

Hoàng-hạc *to*: Thác Hoàng-hạc. Cái thác ở thượng-lưu sông Dương-tử, gần lầu Hoàng-hạc, (nay thuộc về huyện Vũ-xương, tỉnh Hồ-bắc).

Luân văn: Bàn văn. Gốc gác ở câu « 共與細論文 » cộng dû tể luân văn: cùng nhau lý-mý bàn về văn-chương » (thơ của Đỗ-Phủ tả sự mong nhớ Lý-Bach).

Điều mai: Pha mơ vào canh. Cao-tôn nhà Thương, khi sai Phó-Duyệt làm tề-tướng có nói: « Vì như pha canh, người là muối và mơ ». Bởi thế, người ta hay dùng điều đó để nói bóng về chức tề-tướng.

Triết liễu: Bé cảnh liễu. Theo sách *Tam phu hoàng đế*, phía đông thành Trường-an có dịp Bát-kieu trồng rất nhiều liễu, đời Hán, những

người Trường-an tiễn kè đi xa, khi tới cầu đó, thường hay bẻ một cành liễu dưa tặng. Bởi vậy, người ta hay dùng chữ đó để nói những cuộc dưa tiễn, ly-biệt.

Giải nghĩa

Bài này chỉ cốt tả sự hám-mộ và tình lru-luyến người bạn sắp phải chia tay. Ý nói : Lúc ấy nước sông đương chảy lờ-đờ, bờ sông cỏ xanh ngùn - ngút, minh và Phục-Sơ cùng ngồi trên thác Hoàng - bạc chuỗc rượu cho nhau, tự-nhiên mình thấy cảm-tưởng bồi-bồi phần thi họen rằng mình chịu ơn của nhà nước, tắc lòng vẫn muốn báo đền, nhưng mà tuổi đã già rồi, không thể sao được ; phần thi tiếc rằng : mình với Phục-Sơ là chỗ thanh khí với nhau, thế mà bây giờ mới được cùng nhau bàn chuyện văn chương chọc lát, cái duyên gấp gõ thật là chàm quá. Vả chăng, Phục-Sơ hiện dương ở chức tể-tướng, quyền - vọng rất long - trọng, vậy mà lại phải cùng mình từ-biệt để di phương xa, thì càng là sự đáng khiến mình buồn. Thời thi ly - biệt cũng là sự thường, nếu như nhân duyên chưa hết, khi nào chờ đầy sách - vở mà về, sẽ lại có ngày xum họp. Vậy nay xin hẹn trước rằng : chúng ta sẽ lại gặp nhau ở thành Phượng này.

Phiên dịch

Tiễn Nguyên Phue-Sơ.

Cỏ xanh ngàn ngút, nước sông đầy,
Chén rượu đầu gheo dở tình say.
Ôn nước ghi lòng, e tuổi lão.
Bạn vẫn gặp mặt, tiếc duyên chầy.
Pha mờ vạc cả, mùng dương đỡ,
Bé liêu đình cao, chơi tối ngày...!
Sứ - sách đầy xe khi trở lại,
Phượng-thành xin hẹn cuộc xum-vầy,

秋 晓 睡 起
Thu hiều thuy khời

海 水 盈 盈 漏 轉 鐘,
Hải thủy doanh doanh lỉu chuyền tròn.
霜 風 吹 角 出 櫓 樓.
Sương phong xuy giốc xuất tiểu lâu.
夢 回 淡 月 五 更 曉,
Mộng hồi đạm nguyệt ngũ canh hiều,
心 逐 孤 雲 萬 里 秋.
Tâm trục cô vân vạn lý thu.
玉 帛 幾 年 賓 上 國,
Ngọc bách kỷ niên tân thương quốc,
詩 書 半 世 老 中 洲.
Thi thư bán thế lão trung châu;

平 生 事 業 渾 如 昨,
Binh sinh sự nghiệp hồn như tạc,
無 奈 青 燈 點 白 頭.
Vô nại thanh đăng điểm bạch đầu.

Dân chủ

Hải thủy: Nước bể, chỉ về thứ nước dưới chậu đồng của đồng hồ. Đời xưa dùng lọ dài lỗ chứa nước để đo thời giờ, gốm lọ có hưng cát chậu, gọi là漏海 (lậu-hải), hải-thủy tức là nước trong chậu ấy.

Lâu thuyền trú: Đồng hồ chuyên thả, cũng như nói đêm đã tàn canh.

Ngọc bạch: Ngọc và lúa. Ngày xưa những người đến dự các cuộc hội, minh, triều, sinh, đều cầm ngọc lúa để làm đồ lễ. Câu này ý nói mình đã làm khách của nước Nguyên nhiều năm.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả cảm vì luôi già đất khách mà làm ra, ý nói: Lúc ấy cái chậu hưng dưới đồng-hồ, nước dâ xuồng đã đầy ấm-ắp, ấy là đêm đã tàn canh. Gió lạnh, sương heo vừa đưa tiếng còi của các diêm canh đến chỗ mình ở. Bấy giờ mình mới thức giấc, mặt trăng nhạt-nhỏ của mùa thu đã lặn, thì ra đêm đã sáng rồi. Lòng mình khi ấy vẫn bâng-khuâng nhớ cảnh quê hương, theo với đám mây

tro-chọi lơ-lửng ở ngoài muôn dặm. Tỉnh ra, mình làm khách của nước Nguyên cũng đã lâu năm, và đã có dự nhiều lần triều bội, và lại, già nua đời người ở đất trung-châu, mình vẫn theo đuổi về nghiệp thi-thư. Thế mà sự-nghiệp của mình ngày nay cũng vẫn chỉ như ngày xưa. Trước ngọn đèn xanh, mái đầu đã phơ bạc rồi, biết làm thế nào !

Phiên dịch

Sáng sớm mùa thu ngũ dậy

Bè đồng đầy nước, giọt rồng voi,
Điểm cỏ sương sa, gióduc cỏi.
Giấc mộng cảnh tàn vàng nguyệt nhạt,
Tắc lòng đậm thằng đám mây cỏi.
Senh sang ngọc lụa đà bao độ ?
Mèj - miệt vẫn thơ quá nứa đời.
Sự - nghiệp xưa sao, rầy vẫn thế,
Phơ - phơ đầu bạc, ánh đèn soi.

朝 回，出 都 城 道 中

Triều hồi, xuất đô thành đạo trung.

西 風 馬 向 武 昌 時,
Tây phong mã hướng Vũ xuong thi,
遇 念 梅 黃 蟹 正 肥.
Hà niệm mai hoàng, giải chính phi.

金 殷 重 眇 恩 雨 露
 Kim diện trùng mâu ân vũ lộ,
 玉 堂 諸 老 句 珠 瓣.
 Ngọc đường chư lão cù châu kỵ.
 蕭 蕭 短 簪 吹 殘 雪,
 Tiêu tiêu đoàn mǎn suy tàn tuyết,
 拂 拂 歸 鞠 夕 曄.
 Phật phật qui tiễn niều tịch huy.
 碧 落 無 雲 宜 倦 鶴,
 Bích lạc vò vân nghỉ quyến hạc,
 且 隨 秋 雁 共 南 飛.
 Thà tùy thu nhạn cộng nam phi.

Dân chú

Vũ xuơng Một huyện trong tỉnh Hồ-quảng, (nay là tỉnh Hồ-bắc), chỗ ở của tác-giả khi ấy.

Mai hoàng giải phi : Mơ chin, cua béo, phong vị riêng của vùng Giang-nam. Cò từ có câu 七月梅黃蟹正肥 Thất nguyệt mai hoàng giải chính phi : (tháng bảy mơ chin, cua đực béo). Câu này lấy diền ở đó.

Trùng mâu : Hai con người. Sứ-ký : Mắt vua Thuấn mỗi bên có hai con người. Dày dứng diền ấy dê chỉ vua Nguyễn.

Ngọc đường: Thềm ngọc, chỉ toà Hán-lâm. Trong đời Thuần hoá, vua Tống có ban cho toà Hán-lâm bốn chữ « 玉堂之署 » *Ngọc đường* chỉ thư, vì vậy đời sau mới gọi toà Hán-lâm là *Ngọc đường*.

Châu kỵ: Đều là tên của ngọc chai, thứ tròn gọi là châu, thứ không tròn gọi là kỵ. Thơ của Đỗ Phủ có câu « 詩成珠玉在揮毫 » *Tài thành châu ngọc tai huy hào*. *Thơ làm xong, châu ngọc ở ngoài bút này ra*. Người ta dùng chữ « châu ngọc », hay « châu kỵ » để chỉ thơ hay là gốc ở đó.

Bích lục Trời xanh.

Giải nghĩa

Bài này tác giả chuyên tả tình hưng của mình trong khi đi ở Yên kinh về Vũ-xương. Ý nói: Giữa lúc gió lèo mát nỗi, mình ở Yên-kinh đóng ngựa trong về Vũ-xương, trong bụng phảng-phất nghĩ lời nhung vị mơ chin, cua béo là thú riêng của vùng Giang-nam, nơi mình vẫn ở Nhờ lại khi ở trong triều, nào là ơn của vua. Nguyên ban cho, dõi-dào như trâu mua mòc tẩm-dội; nào là thơ của các viên Hán-lâm đưa tiễn, bóng bầy như về châu-ngọc, đều là sự rất đáng ghi-nhớ. Nay ở giữa đường, mái đầu xờ-xạc như màu tuyêt trắng, roi ngựa vu-vây dưới bóng trời chiều,

kè ra thì cũng là cảnh đáng buồn. Nhưng mình
bấy giờ, lậu-dận với cuộc đời đã nhiều, cũng
như con hạc bay đã mỏi-cánh, may được lúc
chiều trời quang-dâng, dưới bầu xanh biếc không
có một đám mây nào, rất tiện cho con hạc ấy
vây-vùng. Vậy bấy theo với đàn sếu mùa thu
cùng bay về Nam.

Phiên dịch

Vào chầu về, ra cửa kè-chợ,
khi ở dọc đường.

Đầu ngựa nhảm theo ngà Vũ-xương.
Cua non, mai chín những mơ-mang.
Đền vàng ơn dội, mưa dội trào,
Vết hàn Thềm ngọc thô trao, gấm mây hàng. *nước*
Xờ-xạc mai dầu hoa tuyết bạc,
Phất-phơ rơi ngựa bóng dâu vàng.
Chiều con hạc mỏi, trời quang thảm,
Theo nhạn về Nam chính tiện đường.

憶出國時謾題
Úc xuât quoc thi man de

桂 花 香 外 遠 龍 編.
Quế hoa hương ngoại viễn Long - biên,

疊 疊 關 山 鎮 瘴 煙.
Biệp diệp quan sơn tǎa trướng yên.
方 寸 常 懷 辰 北 上,
Phương thốn thường hoài Thần-bắc thượng,
塵 埃 不 見 日 南 邊.
Trần ai bất kiến Nhật-nam biên.
暮 年 已 樂 幽 風 土,
Mộ niên dĩ lạc Mân phong thô,
疇 昔 曾 憂 杷 國 天.
Trù tích tâng ưu Ký quốc thiên.
客 路 迢 遙 秋 髮 改,
Khách lộ thiều dao thu mǎn cài,
幾 回 聞 雁 洞 庭 船.
Ký hồi văn nhạn Động-dinh thuyền.

Dân chú

Quế hoa hương ngoại: Ngoài chỗ có hương hoa quế. Đây chỉ về quận Quế-lâm, vì tác giả lúc ấy ở hạt Hồ-quảng, cách quận Quế-lâm (nay thuộc về tỉnh Quảng-tây) mới đến nước Nam, cho nên mới dùng chữ đó.

Long-biên: Phù-ly của Sí-Nhiếp, nay thuộc về phủ Thủ-đô-thành tỉnh Bắc-ninh, thửa xra vẫn nói là thành Thăng-long. Đây cũng dùng để chỉ về thành Thăng-long.

Thần bắc: Tứ sao Bắc thần. Sách *Luân-ngữ* nói: «Những người làm việc chính-trị bằng sự nhẫn - đức cũng ví như sao Bắc - thần, thường thường ở yên nơi-chỗ của mình, mà các sao khác đều chầu vào. Bởi vậy, người ta dùng chữ Bắc-thần để nói về vua. Đây chỉ về vua nước Nguyên.

Nhật-nam: Một quận của nhà Hán đặt ở nước ta, nay là các tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên... Đây dùng để chỉ nước ta.

Mân-phong: Thời của nước Mân. Mân là nước cũ của triều-đồ nhà Chu, phong-tục rất tốt. Trong kinh *Thi* có thơ Mân-phong nói về nước ấy. Đây mượn để chỉ nước Nguyên.

Ký quốc thiền: Trời nước Ký. Sách *Lịch-trib* nói: Nước Ký có người lo trời đồ thì không có chỗ dương-tựa. Về sau người ta hay dùng điều đó để nói những việc lo-nghĩ hoang-dường. Ở đây tác-giả có ý chỉ về việc thưa trước mình lo nhà Trần mất nước.

Đồng định: Tên cát hò lớn ở tỉnh Hồ-nam, gần với chỗ ở của tác-giả.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả vì nhớ quê-hương mà làm ra, ý nói: Minh ở phía trên Quế-lâm, rất xa Long-biên. Từ Long-biên đến chỗ ở của mình, còn

cách bao lớp núi non trùng-diệp, mây khói mịt-mùi. Bụng mình tuy thường nhớ vua Nguyễn, nhưng vẫn không quên nước nhà. Tiếc rằng nước nhà ở nోo khơi-thảm, thường bị cát-bụi che-khuất, không thể trông thấy. Trong lúc tuổi già, cõ-nhiên mình đã vui với phong-thò nước Nguyễn. Nghĩ đến việc năm xưa mình lo nhà Trần mất nước, thì thật là sự hoang-dường. chẳng khác gì người nước Kỳ lo trời đồ. Bây giờ dắt khách xa xôi, mái đầu thay đổi, nhớ lại những lần bơi thuyền qua hồ Động-dinh, nghe tiếng nhạn kêu, khiến mình buồn rầu vô-hạn, vì giống hồng nhạn có thể bay sang nước Nam mà mình không sao về được, ấy là mình không bằng nó.

Phiên dịch

Nhớ khi ra nước dẽ chơi

Hoa quế xa ngăn đất Lạc-Hồng,
Non mây, ài khói, ngắt bao trùng !
Nhớ tòa sao Bắc tim gan rộn,
Trong bóng trời Nam cát-bụi tung.
Tốt dắt, tuổi già dành mến cảnh,
Đồ trời, thủa trước uồng ghê lóng.
Xa-xăm dắt khách, đầu thay tóc,
Hồ Động bao phen lắng tiếng hồng ?

巴陵雨中
Ba-lăng vū trung

紅拂平林，雁陣空。

Hồng phật bình lâm, nhạn trạn khōng.

黃花行李老秋風。

Hoàng hoa hành lý lão thu phong.

如何一夜江南夢。

Như hả nhất dạ Giang-nam mộng.

盡在巴陵細雨中？

Tan tại Ba-lăng tẽ vū trung ?

Dẫn chú

Giang-nam Nhữnց xú ỏ về phia nam sông Dương-tử.

Ba-lăng : Phủ-ly của phủ Nhạc-châu, (nay thuộc tỉnh Hồ-nam).

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tả nhữnց cảm-hứng khi đến Ba-lăng. Ý nói : Mình ở dọc đường giữa lúc rừng cây diêm nhữnց lá đỏ, trên trời bóng nhạn đã vắng, cái gói hành-lý có đèo hoa cúc luôn luôn bị gió thu thổi vào. Khi tới Ba-lăng thì thấy phong-cảnh rất đẹp, bình như tất cả cảnh tượng của vùng Giang-nam mà lúc ban đêm mình đã mơ thấy, bây giờ

đều hiện trong trận mưa phùn của xứ này, thật là một cảnh nên thơ.

Phiên dịch

Trong trận mưa bụi ở Ba-lăng

Thắm nhuộm rừng cây, bóng nhạn thưa,
Hoa vàng một gói, gió thu đưa,
Giấc mơ Giang-tả bao phong-cảnh ?
Bỗng ở cồn Ba, dưới hạt mưa,

VI. — LÊ-TRÁC

(Khoảng cuối thế-kỷ 12 và đầu thế-kỷ 13)

Ông tên tự là Cảnh-cao, quê ở huyện Đông-sơn
châu Ái (nay là tỉnh Thanh-hóa), nguyên là giòng
dõi Nguyễn-Phu, một viên thứ-sử Giao-châu đời
Tấn, vì thưa nhỏ ông làm con nuôi ông cậu
tên là Lê-Bồng, nên mới đổi theo họ Lê.

Năm lên chín tuổi, ông đã thi khoa đỗng-tử. Đời Trần Thái-tôn, ông được ở bên cạnh
vua để đọc thơ hầu. Lúc lớn, ông lấy con gái
Trương-Sáu và được làm chức Thị-lang, sau đổi
sang làm mạc-tân của viên Tỉnh-uý tiết-sứ là
Chương-hiển hầu Trần-Kiện (1).

Năm Thiệu-bảo thứ sáu (1285), giặc Nguyên
sang lấn nước ta, quân ta bị thua nhiều trận,
tháng giêng năm sau, Nhâm-tân nhà Trần sai
Chương-hiển-hầu đem ông và mấy vạn quân

1. Con Trần Quốc-Khang anh con nhà bác Nhâm-tôn.

vào đóng ở vùng Thanh-hóa để chống với đạo quân Nguyên ở mặt Chiêm-thành đánh ra. Trong lúc giao chiến, quân ta lại thua. Trần-Kiện liệu sức không thể địch nổi quân giặc, bèn cung ông và các thủ-hạ cùng ra hàng giặc. Thoát-Hoan thấy vậy mừng lắm, tháng tư năm ấy hắn sai Minh-Lý-Tích-Ban đem quân đưa ông và Kiệu về Tàu. Khi lên đến trại Cai-lăng, phục binh của ta đón đường đánh riết, đương đêm quân Nguyên phải liều mạng đánh phà vòng vây xông ra. Minh Lý Tích-Ban và Kiệu đều bị chết trận. Ông vội cướp được thây Kiệu ôm lên mình ngựa, chạy luôn một mạch chừng vài chục dặm, đem sang chôn ở Kháu-ôn. Còn các thủ-hạ của Kiệu thì bị giết chết già nua.

Sau khi lên đến Yên-kinh, ông và những người hàng Nguyên vào chầu vua Nguyên ở điện Đại-minh. Vua Nguyên thường chung mọi người năm nghìn quan tiền và cho riêng ông được năm trăm quan.

Đến năm Bình-Tuất (1287), Thế-tồ nhà Nguyên thương tình bọn ông là người trung thành với nước Nguyên, bèn phong cho Trần Ych-Tắc làm An-Nam quốc-vương, các người cùng bọn đều được lần lượt ban chức, ông thi làm Tòng-sỹ lang, dao-lĩnh (1) chức lệnh-doãn của huyện Cbi.

(1) Nhận chức nhưng không ở hạt, gọi là dao-lĩnh.

Qua năm Bình-hợi, (1288) khi vua Nguyên Lai sai Thoát-Hoan đem quân đánh ta, Ych-Tắc được ban cấp cung tên, yên ngựa để đi với các tướng Nguyên về nước. Bấy giờ ông ở Tư-minh nên phải theo toán hâu quân của Hội-tinh-dô (?) đi sau bọn kia ít lâu. Khoảng cuối tháng chạp năm ấy, cánh quân của Hội-tinh-dô đã phá được ải Nội-nha (?) tiến xuống bờ trại trên sông Bình-giang. Đến ấy quân ta thỉnh-linh áp đến, đốt hết nhà cửa dinh trại và dùng tên độc bắn sang như mưa. Vào khoảng canh năm, toán quân của Hội-tinh-dô tan vỡ, hơn ba nghìn người vì lạc đường đều bị giết chết. Khi ấy, ông dẫn Đạt-vạn-hộ, Tiêu-thiên-hộ và viên Thiêm-sự Lê-Án cùng ngồi trên ngựa chống đỡ cho người con trai chia tuồi của Trần Ych-Tắc là Đại-thúc-hầu. Cả bọn có chừng sáu chục lính kỵ xông vào giết được toán quân canh ải vượt sang phia bắc. Vì có quân ta đuổi đánh rất gấp, Lê-Án phải đi sau cùng chống cự. Thấy ngựa của Án mòn quá, không chạy được nữa, Án đã sắp bị quân ta đuổi kịp, ông bèn dời ngựa cho Án, rồi tự mình đi ở phia sau dùng roi quất cho ngựa Án lồng lên phia trước. Chạy được một quãng lại bị quân ta chặn đường giáp công. Cả bọn đều phải liều chết vừa đánh vừa chạy. Một ngày phải chạy đến mấy trăm dặm, và chạy từ khi

mờ sáng cho tới nữa đêm mới đến được ái Châu
chiểu (?).

Sau khi thoát nạn, Đại-vạn-hộ và Tiêu-thiên-
hộ bảo nhau bầy tiệc thết ông. Cả hai đều đem
gấm lụa biếu ông và nói: « Vì ông chủ-trương
việc chạy ra cửa ái, chúng tôi mới còn đến nay,
ấy là ông đã làm cho chúng tôi sống lại ».
Lúc ấy, Lê-Án cũng đem Đại-thúc-bầu và chiếc
nón mây rất ngọc đến lạ ơn ông mà rằng:
« Chúng tôi đều đã hăm vào chỗ chết, thế mà
lại sống sót, đều là ơn ông ».

Ông đều từ chối.

Bấy giờ Áu nhiều hơn ông bảy tuổi, vì cảm
ơn ấy xin nhận ông làm nghĩa-phu và đưa tặng
ông một viên ngọc hoàng-nê và hai lầm vải cao-
ly. Song ông cũng đều khước đi. Rồi đó cả bọn
cùng đi lên phủ Tứ-minh để chờ mệnh-lệnh vua
Nguyên.

Một viên tuyên-uy ở đó tên là Triệu-Tuyên
thấy ông là bậc hào-hiép can-dám, có làm thơ
khen. Mỗi khi lính quân đi tuần biên-thùy, Tuyên
lại rủ ông cùng đi.

Tháng 4 năm Mậu-tý (1289), Thoát-Hoan đại-bại
về nước, ông bèn rời nhà lên vùng Hán-dương.

Hồi trước có người danh sĩ tỉnh Mân tên là
Chu-Khai, trong khi nước Tống bị diệt, đã cùng

một người bầy tôi nhà Tống chạy sang bên ta ở với Trần-Kiến, và sau lại theo Trần-Kiến hàng Nguyên, có được vua Nguyên phong cho làm quan. Năm Đinh-hợi, Khải cũng phải theo quân Nguyên sang ta, lúc về, lại đến Hán-dương cùng ở với ông. Cách vài năm sau, Khải chết, ông rất thương xót, có mua miếng đất ở núi Phượng thê an-táng cho Khải.

Được ít năm nữa, Ych-Tắc lấy cớ ông đã tòng quân có nhiều công-lao, tâu với vua Nguyên. Qua năm Nhâm-thìn, (1293), ông được phong làm phung-sự-lang, dao-thu (1) chúc đồng-tri ở châu An-tiêm.

Lúc ông đi theo quân Nguyên, cha mẹ vợ con đều phải ly tán. Ở Tàu vừa đúng mươi năm, gặp người con gái họ vua nhà Lý đi theo cha ruột là Trần tuyên-uy sang đó, ông bèn hỏi nàng làm vợ. Hồi ấy lương ăn áo mặc của ông đều do quan-lại nhà Nguyên trích tiền công-khổ chi-cấp. Về sau họ định việc ấy, và ban cho ông hai mảnh ruộng ở Hán-dương để thay vào các khoản kia.

Đến năm Quý-ly (1294), vua Nguyên lại muốn đánh ta, đã lập «An-Nam hành-linh» ở Hồ-quảng, sai ông cùng viên sảnh-lang Hồ Tồ-Quảng và viên vạn-hộ Hồ Kế-Ân đi trạm khắp vùng Giang Triết

1. Ban chúc mà không bát đến ly-sở, gọi là dao-thu.

tinh toán việc quân. Sau vì Thế-tô nhà Nguyên qua đời, việc đó mới thôi và ông lại về Hán-dương.

Chỗ ở của ông gần miếu Khổng - tử, và liền với đền thờ Lý Bạch. Tinh ông thích sơn-thủy, và giao-du và ham đọc sách, trồng cây, không thiết gì đến danh-lợi.

Bởi ông là bậc có tài học, có can-dám, lại có tinh-tinh cao thượng, cho nên rất được sĩ-phu nước Nguyên kính-trọng.

Binh chương Hồ-quảng là Trịnh Cự-phu đã phải khen rằng: « Cử tài Lê-quân nếu được cất lên mà dùng, chưa chắc ở sau người khác. Vậy mà ông lại chuyên lấy búi mực mua vui cho mình trong cảnh sơn-hồ ! Cái đó há phải là chức của ông ? »

Hàn-lâm tu-soạn là Lưu Tất-Đại cũng nói: « Ông chỉ thích ngâm trăng cợt gió, tiêu-khiên mồi lợ trong đời ở ngoài nước-non, không có một chút buồn-rầu về cảnh kỵ-lũ. Đó là chí ông to-lớn, không khác ý-nghĩ của Mã Phục-hà và Đào Nguyên Lượng ».

Ở mục « sơn-thủy » trong sách *Thuyết-phu* của Đào Tôn-Nghi nhà Minh cũng tả cái vẻ thanh-cao của ông như vậy: « Trắc ở phía trên quan-hồ trong huyện İlân-dương, làm sạch, trồng cây, cửa

nhà xơ xác, chỉ thích sơ-thủy, còn các sự khác
không hề hơn lòng ».

Từ xưa đến nay, ít người ngoại-quốc đến ở đất
Tàu lại được người Tàu tôn phục như vậy.

Tác phẩm của ông hiện còn một bộ *An-Nam*
chi-lục, tất cả hai chục cuộn, nhưng nay thiếu
mất cuộn cuối. Trong sách nói sơ về những lịch-
sử, địa-dư, nhân-vật, văn-chương nước nhà, đầu
sách có mươi bài tựa của các sĩ-phu nước Nguyên
khen ngợi.

Sách ấy柄柄 như đời Nguyên chỉ có bản sao.
Đến đời Thanh, nồng nhà bác-học như Tiền
Đại-Hán, Phục-đông đều có so-xét, sửa-chữa những
chỗ lầm sót. Sau đó mới có bản in. Tới hồi gần
đây, nhằm năm 27 hiệu Minh-trị nước Nhật
(1894), một nhà học-giả Đông-kinh là Ngạn-ngâm-
Hương có đem in lại và dẽ bài tựa ở trên. Trong
bài tựa đó cũng khen sách ấy « kê-cứu rành mạch,
xác-thực, có thể gọi là tin-sử... chắc là những
người có chí về việc kinh-hàng tể-thế, sẽ lấy sự
được trông thấy trước làm sướng ».

Hiện nay ở trường Bác-cô Hanoi, còn có một
cuộn do Ngạn-ngâm Hương dẽ tựa và Lạc-thiện-
dưỡng ấn-hanh.

Bối với những người ngoại-quốc không đọc
sách vở nước ta, sách đó có nhiên cũng có giá-

tri. Nhưng mà đối với chúng ta, nó chỉ là pho chuyên-chi giản lược. Và lại, trong sách có nhiều chỗ nhất là bài « Bản-quốc chí-lược ca » — cục-lực xin-mị người Tàu, khinh miệt người Nam : những người nước ta chống lại nước Tàu như Trung-vương, Triệu-Âu, Lý-Bon v. v. đều bị liệt vào hạng phản-nghịch. Đó là những điều đê-bèn của kẻ học-thức.. Đại Việt sử-ký cho là « quân-tử rất khinh ». Điều rằng hoàn-cảnh của ông lúc ấy có lẽ phải thế, nhưng, cuốn sách như vậy mà được lưu-hành ở nước ngoài, thật không tốt đẹp gì cho dân-tộc Việt-Nam.

內 附
Nội - phụ

十丈樓船下越瀧。
Thập trượng lâu thuyền hạ Việt loang,
將軍繫組出城降。
Tướng - quân kế iồ xuất thành hàng.
中朝一統有今日。
Trung triều nhất thống hữu kim nbat,
南國小臣如此江！
Nam quốc tiều thần như tǔ giang !
自八羽毛州獻賦。
Tự nhập vũ mao châu hiến phù,

須思鱗介土飛光。
 Tu tư lân giới thò phi quang.
 當年百歲秦佗老。
 Dương niên báu lụé Tân - Đa lão,
 何事詩書潛一邦?
 Hà sự Thi Thư trệ nhất bang?

Phụ lục.

Ở dưới dấu đề, tác giả có chua thêm rằng:
 « Hiệu Chi-nghuyên (1) năm Giáp-thân, quan quân
 (2) vào cõi, thế-tử (3) sai con nhà anh là Chương-
 biến-bầu cùng bọn Tiết đem quân chống cự, sức
 yếu bèn hàng ». Thế-tử chính là Nhân-Tôn và tác
 giả Không-lâm đều "con nhà Anh" cũng thuộc "con nhà bà"
 Dẫn chú Võng.

Lầu thuyền : Thuyền lâu. Tức là những chiếc
 thuyền lớn trên có từng lầu, ngày xưa thường
 dùng để chờ quân lính.

1— Niên-hiệu của Thế-tử nhà Nguyễn.

2— Chỉ về quân Nguyễn.

3— Chỉ về Nhân-tôn nhà Trần thì phải. Nhưng theo
 trong sử thi /Chương biến bầu với Nhân-tôn là con nhà
 bác không phải là con nhà anh. Nếu chỉ vào Trần Thành-
 tôn thì càng không đúng, vì Thành-tôn lúc ấy đã làm
 Thái-thượng-hoàng, sao lại gọi là thế-tử ? Cà iết tác-gi
 làm chẳng.

Kết *Buộc thao.* *Hí-sử* : Quân chúa Bát - công đến đất Bi-thượng, vua Tân là Tử-Anh dùng thao buộc cõi ra hàng ở cạnh Chỉ-đạo. Đây dùng chữ đó để nói về việc xuống đầu.

Trang triều : Triều-dinh của nước Trung-hoa.
Như thủ giang Nhờ con sông này. *Tấn-thư* : Tò Bitch qua Trường-giang lên phía bắc, khi ra giữa giòng, thè rẳng : « Nếu không quét sạch Trung nguyên mà lại sang đây, thì sẽ như con sông này ». Câu này dùng theo diền đó.

Chỗ hiến phá : Chỗ dâng đồ cống. Theo thiên Vũ-cõi kinh Thư, vua Vũ sau khi trừ nạn nước lũ, bèn chia đất nước ra làm chín châu, và định ra lệ cống phú của mỗi châu đó, hoặc cống tơ sợi, hoặc cống tre gõ, hoặc cống lồng chim lồng thú v. v. Câu này dùng diền ấy để nói các nước qui-phục nước Nguyên.

Lân giới : Vây và mai.

Thò phi quang : Đất bay ánh sáng. Có lẽ muốn chỉ về sự vê-vang của các địa-phương, nhưng mà chưa rõ diền-lịch ở đâu.

Tà i-Đà : Tức là Triệu-Đà.

Giải nghĩa

Bùi này tác-giả muốn tỏ cái cờ tại sao mà mình phải hàng quân Nguyên. Ý nói Trong khai thuyền

lầu mười trượng của người Nguyên xuông cõi
Nam-Việt, chủ-tướng của mình là Chuong-hiển-hầu
dùng thao huộc ô kéo ra ngoài thành xuông
đầu. Cái cuộc thống-nhất của Trung triều bắt
đầu hiện từ ngày nay, mình là bồ tôi nhỏ mọn ở
nước Nam cũng xin bắt chước Tô-Địch cõi xuông
giống sông mà thế. Từ nay sản-vật phương Nam
sẽ đem vào cống nước Nguyên, và ai có chút tài-
răng nhỏ nhặt cũng đều có dịp phô-bầy để làm cho
về-vang xứ-xở (?) Vả chăng, cái người rạch dôi
phương Nam với phương Bắc là Triệu Úy-Đà nay
đã trăm tuổi chép rõ, thế thì việc gì còn dè
cái ơn Thi Thư, là nền văn hóa của các thành-
biên, lại có một xứ ngừng đọng không tôi ?

Phiên dịch

Phụ vào nước Tàu

Mười trượng-thuyền lầu đóng mặt khơi,
Buộc thao, quan tướng xuông đầu rồi !
Gầm trời nay có ngày thu gọn,
Phận nợn thè cùng nước chảy xuôi.
Lòng thú đuối chim đồ tiễn-cống,
Mai cua vây cá hối phô tài (?) !
Triệu - Đà trăm tuổi từ bao tà ?
Văn-biển sao còn đọng một nơi ?

都 城
Đô thành

天 象 分 明 散 曉 霞.
Thiên tượng phân minh tán hiếu hả,
故 令 騎 馬 入 京 華.
Cố linh ky mã nhập Kinh hoa,
雲 開 潛 閣 三 千 丈.
Vân khai sương hạp tam thiên trung,
霧 暗 樓 臺 百 萬 家.
Vụ ám lầu đài bách vạn gia.
寒 盡 宮 花 初 著 蓋.
Hàn tàn cung hoa sơ trước cái,
春 深 官 柳 已 藏 鴉.
Xuân thăm quan liễu dĩ tang nha.
太 平 氣 象 今 如 此.
Thái bình khí tượng kim nhu thử,
始 信 皇 圖 福 未 涯.
Thùy tin hoàng - đồ phúc vi nhã.

Dẫn chú

Sương hạp: Cửa trời, gốc ở Sở-tú. Đây
mượn để nói về cửa nhà vua.

Giải nghĩa

Bài này chuyên tả cảnh-tượng một nơi độ-hội trong buổi sớm mai. Ý nói: Hôm ấy, chiều trời sáng - sủa, bầu trời man-máu điểm những đám mây hồng - thắm của trời mai, như muốn dè cho người ta ung dung cuối ngựa di vào Kinh-hoa. Trong Kinh, nào những nếp cửa cao mẩy nghìn trượng, các cánh vẽ mây đều ngồi bên-thang; vào những lâu-dài hàng trăm vạn nóc, trập-trùng dưới bóng sương mù; hơi lạnh đã hắt, hoa ở cung vua nở nhiều, cánh hoa chạm cả dù-lọng của người đi đường; chiều xuân ưng ương, trên các cánh liêu ở đường quan đã khay bong qua nắp-nâu. Thấy những cảnh thái-bình như thế, mới biết cơ-nghiệp nhà vua thật còn lâu-dài vô cùng.

Phiên dịch

Kinh đồ

Rực-rỡ trời mai vẻ thắm pha,
Chiều ái giọng ngựa tới Kinh-hoa.
Cửa trời mây ngồi ba nghìn trượng,
Mái gác mù che mây vạn tòa.
Hoa chạm cánh dù, hơi lạnh hắt,
Liêu buông bóng ác, tiết xuân già.
Thái-bình cảnh-tượng rày như thế,
Bờ bến chưa ngắn phúc nước nhà.

重 九 懷 章 憲 侯
Trùng cửu hoài Chương-hiến hau

久 矣 登 臨 不 賦 詩,
Cứu kỳ dǎng lâm bǎt phú thi,
却 來 重 菊 看 花 枝.
Kuôc lai trùng cúc khán hoa chi.
猶 思 馬 上 西 門 哭,
Đo tư mã thuong tây môn khóc,
不 記 鮚 邊 左 手 持.
Bất ký ngao biên tả thủ trì.
雙 鬢 竝 堪 頻 換 日?
Song mǎn khéi kham tàn hoán nhật?
一 檳 當 及 未 衰 時.
Nhất toun dương cùp vĩ suy thi,
紛 紛 蜂 蝶 知 春 事,
Phân phân phong diệp tri xuân sự,
明 月 清 風 付 與 誰?
Minh nguyệt thanh phong phó dùi thù?

Dân chú

Trùng cửu : Mồng chín tháng chín. Thủa xưa
các văn-sĩ Tàu có lệ mồng chín tháng chín họp
bạn lên núi uống rượu ngâm thơ, hoặc là đi xem
hoa cúc. Ngày ấy cũng gọi là tiết đăng cao, hay
tiết trùng dương.

Ngoài biến tả thủ tri: Lườn cua tay trái cầm
Sách *Tết-thay* # chép: Tất-Trác thường nói: Nếu
được chiếc thuyền chở vài trăm hộc rượu, của
ngon bốn mùa để hai đầu, tay trái cầm cua cày,
tay phải cầm chén rượu, cheo qua mặt áo uống
rượu, thế là đủ rồi. Câu này dùng theo diền ấy.

Giải nghĩa

Bài này tác giả cốt tả cảm - tưởng của mình
trong khi chơi tiết trung-cửu thấy vắng Trần-Kiện;
Ý nói: Lâu nay, trong các cuộc chơi sơn-thủy,
minh chẳng làm bài thơ nào. Bây giờ tình-cờ gặp
tiết trung-dương, mới đến đây xem hoa cúc. Trước
mặt bè bạn, thấy thiêu Trần-Kiện, tự-nhiên nhớ
dến khi Kiện i chết trận, mình ngồi trên ngựa vừa
khóc vừa chạy ở cửa thành ra và quên cả cái thú
« tay trái cầm cua, tay phải cầm chén » như lời
Tất-Trác đã nói. Trong tiết trung-cửu, người ta
thường hay ngắt hoa cúc cài lên mái đầu, nhân tró
choi đó, nghĩ đến tuổi mình đã cao, hai mái tóc
luôn luôn thay đổi, mình càng bối-hồi khó chịu.
Cũng muốn mượn rượu cho khuây nỗi buồn,
nhưng cái hứng ấy chỉ dễ mua vui trong lúc
chưa già, bây giờ mình đã già rồi, dù có uống
rượu, cũng không giải được cơn buồn. Vả chăng,
người dời hương thích những cảnh phồn - hoa

não-nbiệt, như ong bướm lắp-nắp trong những
ngày xuân, cái thú gió mát trăng trong, không
ai thiết đến, khiến mình không biết cùng ai vui-
thường về hanh-cao của mùa thu, vì thế mình
càng nhớ Kiện.

Phiên dịch

Lâu nay lên núi biếng thơ,
Hội cúc xem hoa bỗng có giờ.
Còn nhớ cửa tây ôa tiếng khóc,
Đường quen tay trái đỡ lườn cua.
Mái đầu luống ngại nhiều tai dỗi,
Chén rượu vui gì lúc yêu - thua?
Nó-nức ngày xuân ong bướm rộn,
Giăng trong gió mát dễ ai mua?

贈 尚 書 撒 里 瓦 使

Tặng Thượng-thư Tản-lý-ngaā sứ

安 南 還

An-Nam hoàn

安 穩 梅 花 道,

An òn mai hoa dạo,

尚 書 尚(?)北 還.

Thượng-thư thượng bắc hoan.

人 烟 兩 邊 樹,

Nhân yên luồng biên thụ,

客 恩 萬 重 山.
Khách tú vạn trùng sơn.
陸 買 道 南 越.
Lục Giả đạo Nam - Việt,
張 燮 度 玉 關.
Trương Khiêm độ Ngọc - quan.
皇 華 君 善 事,
Hoàng - hoa quân thiện sự,
歡 喜 溢 天 顏.
Hoan hỷ đặt thiên nhan.

Bị khảo

Chữ 尚 (thượng) thứ hai trong câu thứ hai có
về số 1g-sượng, hoặc giả do chữ gì khác làm ra.

Dân chú

Tản-lý-ngoā : Tên một người Nguyễn, Đại-Việt
sử-ký và Hoàng-Việt thi tuyển đều chép là Tản
chỉ ngoā.

Mùi hoa đào: Đường hoa mai. Sách Kinh-châa
ký chép rằng Lục Khải khi ở Giang-nam, có
gửi cho Phạm Hoa ở Trường-an một cành hoa mai
và một bài thơ như vậy « 折梅逢驛使,
寄與隴頭人, 江南無可借, 聊贈一枝春. Triết mai phùng dịch sứ, ký dù lũng

dầu nhán. Giang-nam vô khà té, liêu lặng nhắt
chí xuân : Bè mai gấp sứ trạm, gửi cho người
dầu đường. Xứ Giang-nam không có vật gì đáng
mượn, xin lặng một cảnh xuân ». Câu này muốn
dùng diễn ấy để chỉ về đường đi sứ ở phương
Nam.

Lục Giả : Người Hán, trong đời Văn-đế, đã có
di sứ sang ta.

Trương Khiên : Người Hán, trong đời Vũ-đế, đã
có di sứ nhiều nước ở Tây-vực.

Ngọc-quan : Tức Ngọc-môn-quan, một cửa ải
ở tỉnh Cam-lúc nước Tàu.

Hoàng hoa : Tên một thơ trong kinh Thi nói
về công-việc của người di sứ.

Giải nghĩa

Bài này chỉ là khen ngợi công việc di sứ của
Tần-ly-ngõa. Ý nói : Lý ngõa di sứ sang Nam nay
đã yên ổn trên đường hoa mai của phương Nam
mà trở về Bắc, thật là đáng mừng. Nhớ lại cảnh
ở dọc đường : nào là những nơi dân cư lấp-sụp
trong rừng cây, nào là những dám dồi núi trập
trồng kẽ hàng vạn ngọn, khiến người di qua
trong mấy mà sinh cảm-tưởng hằng khuất, thì
biết Lý-ngõa đã phải khó nhọc nhiều lắm, không
kém gì khi Lục Giả lênh đường xuống Nam - Việt

dè du Triệu - Đà và khi Trương-Khiêm qua ài
Ngọc-môn dè sang Tây-vực. Nay việ: sứ đã xong.
Ấy là Lý ngõa rất giỏi về nghề đi sứ, chả: là vua
Nguyên sẽ lấy làm mừng.

Phiên dịch

**Tặng quan Thượng-thư Tân-lý-ngõa
đi sứ An-Nam đã về**

Dâm mai êm gót dạo,
Quan Thượng lời quê-hương.
Khói ngất, cây bên lối,
Non cao, từ dọc đường.
Cõi Nam chân họ Lục,
Ài Ngọc bước chàng Trương.
Việc sứ dành quen thạo,
Chiều vui nử: bệ vàng.

送文史傅與礪使安南
Tặng Văn sứ Phó Dữ-Lệ sứ An-Nam

尙書文史濟時才
Thượng-thư Văn-sứ tể thi tài,
匹馬仍隨使客來
Xát mā nhung tùy sứ khách lai.
滄海龍飛天子詔
Sương bài long phi thiên-tử chiếu,

青冥鶴下趙王臺。
 Thành minh hạc hạ Triệu vương đài.
 諸溪篁竹參差動，
 Các khê hoàng trúc sầm sì động.
 五嶺梅花准擬開。
 Ngũ岭 mai hoa chuẩn nghĩ khai.
 正使風煙殊百粵，
 Chính sứ phong yên thù Bách Việt,
 未應佳句不能裁。
 Vì ưng giải cù bất nǎng tài.

Dẫn chú

Triệu vương đài: Đền của Triệu Đà.

Núi 五行: Năm dãy núi lớn ở về phía Nam sông Dương-tử.

Bách Việt: Trăm giống Việt, tức là vùng Quảng đông Quảng-tây bây giờ.

Giải nghĩa

Bài này chủ ý tán dương cuộc di sứ của Phó Dữ-Lệ, đại-dé nói rằng: Dữ-Lệ là bậc có tài giúp đời, nay hãy cưỡi ngựa theo bọn sứ-giả di sang phương Nam. Là chiếu của thiên-tử giao cho Dữ-Lệ mang theo lên đường có vẻ tôn quý, giống như con rồng bay trên mặt bể; Dữ-Lệ tới Nam, qua đền Triệu - Đà cũng là một việc long-trọng, giống

nhus con hạc từ trên bầu trời mờ-xanh bay xuống dưới đất. Như vậy, chắc khi Dữ-Lệ đi đến miền Nam, tre nứa các khe mường-mọi sẽ cùng mừng rõ rung-dộng và những bông mai trên năm dãy núi lớn của cõi Nam sẽ cùng dự-bị cuộc đón chào. Rồi đây qua xứ Bách-Việt, phong-cảnh tuy có khác bẵn trung-châu, nhưng mà một người có tài như Dữ-Lệ, lẽ nào lại không sưu-got được nhiều câu thơ hay !

Phiên dịch

**Tiếp Văn-sử Phó Dữ-Lệ
di sứ An-Nam**

Quan Thượng nhà ta bậc đại-tài,
Vó câu theo bạn thủ đường dài.
Chiểu trời vắng đệ, rồng sang biển,
Đèn Triệu qua thăm, hạc xuống khơi.
Rạng trúc các khe chùng lướt bóng,
Hoa mai năm núi đợi thi cười.
Gió mây Bách-Việt tuy còn lạ,
Không lẽ câu bay biếng dưa-mài.

壽安南國王
Thọ An-Nam quốc-vương
明河秋露照華參。
Minh hà bu lột chiếu Hoa-Sam,

天 降 仙 花 優 鉢 墓。
Thiên giáng tiên hoa ưu bát đàm.
恩 重, 鯤 鵬 轉 漢 北。
Ân trọng, côn bắng chayen minh bac,
丹 成, 鷄 犬 在 安 南。
Đan thành, kê khuyễn tại An-Nam.
長 生 籍 內 千 秋 八。
Trường sinh tịch nội thiên thu bát,
樂 善 堂 中 七 月 三。
Lạc thiện đường trung thăi nguyệt tam.
白 髮 門 徒 珍 重 意,
Bạch phát môn đồ trân trọng ý,
流 霞 拍 手 借 春 酣。
Lưu hà phách thủ ta xuân ham.

Dẫn chú

An Nam quốc vương: Túc Trần Ych-Tắc.

Minh hà: Túc sông Ngân hà.

Hoa Sam: Túc là sao Sâm, một ngôi sao ứng với diềm thợ.

Uu-bát-dám: Hoa sung, sách Phật gọi hoa Uu-dàm-bát. Kinh *Pháp-hoa* chép: Phật bảo Sá-ly-Phật « Phép màu như thể, giống như hoa Uu-dàm-bát, lâu lắm mới hiện một lần ». *Nam-sú* nói rằng: « Hoa Uu-dàm là diềm sinh Phật, ba

ngàn năm mới một lần nở ». Đây dùng để nói cành tho.

Cô-tắc : Cá con, chim bắng : Sách *Trang-tử* nói Bè Bè ở con cá tên gọi là con. Sóc lớn của cá con không biết là mấy nghìn dặm. Hòa ra con chim, tên gọi là bắng. Cánh con chim, bắc g, giống như đám mây đủ ở dưới trời. Về sau người ta hay dùng bài chử « con bắng » để chỉ những người có chí bay-nhảy.

Kê-khayè : Gà chó. Sách *Luận-hành* nói: Hoài-nam-lử luyện thuốc tu tiên, đến khi đắc đạo, súc-sản trong nhà cũng đều thành tiên, chó sửa trên trời, gà gáy trong mây. Hai chữ « kê khuyễn » ở đây dùng theo diền ấy.

Thiên-thu-bát : Tám lần nghìn năm. Sách *Trang-tử* nói: Đời thương-cô có cây xuân lớn, lấy tám nghìn năm làm mùa xuân, tám nghìn năm làm mùa thu. Về sau người ta hay mượn diền ấy để nói cành tho.

Lạc-thiện-duường : Nhà vui điều thiện. Chưa rõ diền-tịch ở đâu. Có lẽ là tên cái nhà của Trần-Ych-Tắc lúc ấy.

Thất-nghệt-tam : Mồng ba tháng bảy. Chưa rõ diền-tịch ở đâu. Có người ngờ là ngày Ych-Tắc đặt tiệc mừng tho. Nay xét trong bài « Sinh

nhật lự thu » của Ych-Tắc có câu « 白 薦 江
上 又 秋 風 (Bạch tần giang thương hựu thu
phong : Trên sông ngõ trăng lại đến mùa gió
thu », thi chắc cái ngày mùng thu của Ych-Tắc
là về mùa thu. Nhưng cũng chưa biết có phải
đúng ngày mồng ba tháng bảy hay không.

Lưu-hà : Tên một thứ rượu của tiên. Sách
Bảo-phác-tư Hạng-mạn Đô vào núi học tiên, có
nói lại rằng : Người tiên đón mình lên tiên, cho
uống một chén *Lưu-hà*, tự-nhiên không thấy đói-
khát gì nữa.

Giải nghĩa

Bài này bắt đầu tả cảnh mùa thu. Ý nói : Lúc
đêm trời thu sáng sủa, vẻ mờ của sông Ngàn-hà
lóng-lánh chiếu ngôi Hoa Sâm, ấy là cái diềm
bão rắng : ở dưới trào-gian đã có một vị cao-
thọ. Vậy thì tuổi thọ của An-Nam quốc-vương
là tuổi cực-kỳ hiếm có, cũng như hoa Uu-dam-
bát, nghìn năm mới hiện một lần. An-Nam quốc-
vương vốn là giông vua nước Nam, chỉ vì cảm
cái ơn đầy của vua nhà Nguyên, cho nên mới
phai sang ở nước Tàu để hòng gây-dụng công-
nghiệp, cũng như cá con chim bằng trong sách
Trang-tử, dương ở bờ Nam sang bờ Bắc để hòng
vây-vùng. Ngày nay An-Nam quốc-vương lời bắc
thợ-khổ, chắc là nhờ có thuốc tiên đã nấu

xong, tiếc rằng con gà con chó của người đều ở
bên nước An-Nam, không được thành tiên như
hai giông ấy của Hoài-nam-vương mà thôi. Từ nay
trong số trường-sinh của nhà tiên chắc sẽ chưa tên
An-Nam quốc-vương vào hàng sống tám nghìn
tuổi như cây xuân của đời thương-cô, mà ngày
mồng ba tháng bảy sẽ là một ngày đáng ghi trong
Lạc-thiện - đường (?) chúng tôi là hàng mòn - đồ
già-cả, xin trân-trọng dâng chén Lưu-hà và vỗ tay
mừng về nồng-nàn của tiệc vui này.

Phiên dịch

Chúc thọ An-Nam quốc-vương

Sao Sâm lóng-lánh về Ngân-hà,
Trời đê trời Đàm thử nở hoa.
Ơn nặng, còn bằng rời bề thẳm,
Thuốc thành, gà chó cách phương xa.
Tâm lầu nghìn tuổi, tiêu ghi sô,
Ba bùa đầu thu, tiệc nức nhà.
Dưới cửa, trò già lòng trọng - trọng,
Vỗ tay xin chuốc chén Lưu-hà.

挽安南國王

Văn An-Nam quốc-vương

當軸侍坐談玄客。
Đường thi thị tọa đàm huyền khách,

今 日 到 門 燈 照 靈.
Kim nhât đáo môn dăng chiếu linh,
重 對 畵 眉，魂 或 返。
Trung đối bạa my, hồn hoặc phản,
每 看 遣 稿 淚 交 零。
Mỗi khan di cảo lè giao linh.
西 門 舊 路 花 應 白。
Tây môn cũn lộ hoa ứng bạch,
南 國 新 阡 草 易 青。
Nam quoc tân thiền thảo dì thanh.
無 限 越 吟 招 不 得。
Vô hạn Việt ngâm chiếu bắt đắc,
紙 錢 風 急，樹 寂 寂。
Cờ tiền phong cấp, thụ minh minh.

Dẫn chú

Họa my: Vẽ lông mày. Sách *Hán-thư* chép: Trương - Xưởng lúc làm chức Kinh-triệu doãn, thường vẽ lông mày cho vợ. Hai chữ « họa my » gốc gác ở đây. Nhưng xét diễn ấy dùng vào bài này không có nghĩa gì. Có lẽ do chữ « họa đường » làm ra. Vậy bài giải nghĩa và bài dịch vẫn dưới đây hãy tạm theo chữ « họa đường ».

Giải nghĩa

Bài này tả về thương tiếc An-Nam quốc-vương rất thiết tha. Ý nói: Vừa mới hôm nào ngồi hồn quốc-vương, bây giờ cùng nhau bàn bạc về lễ huyền-diệu, bây giờ đến cửa đã thấy đèn nến bắp trên bàn thờ. Linh hồn quốc-vương dù nhớ chốn thềm hoa là nơi vẫn ở mà có vẻ thăm chẳng nữa, nhưng mình coi đến tập thơ của quốc-vương lúc nào, nước mắt vẫn giò ra lúc ấy. Quốc-vương đã mất, lối cũ ở cửa tây, bóng hoa chắc đã trắng bạc, rồi cái mộ mới ở phương Nam kia, chẳng bao lâu mà có mọc xanh rì. Muốn dùng văn thơ tiếng Việt chiêu hồn quốc - vương, nhưng mà không thể chiêu được, quanh mộ quốc-vương, chỉ thấy tiền giấy đốt rồi, gió đưa bóng khói bốc lên ngọn cây mít-mù.

Phiên dịch

Viết An-Nam quốc-vương

Hầu cau huyền - diệu, mới hôm xưa,
Vào cửa ngày nay : bóng nến thờ.
Nhớ tới thềm hoa hồn có lại..(?)
Coi qua cảo cũ lè như mưa.
Lối xưa chừng đã hoa phơ - bạc,
Mộ mới khôn ngăn cỏ phật - phờ.

Bao khúc Việt-ngâm chiêu chǎng được,
Gió tung tiền giấy, bóng cây mờ.

安 南 志 略 序
An-Nam chí lược tự

僕 生 長 南 越, 竊 祿 仕
Boc sinh trưởng Nam Việt, thiết lộc sĩ
途, 十 歲 間 奔 走 半 國 中,
dō, thập tuế gian bôn tâu bán quốc trung,
稍 識 山 川 地 理, 內 附 聖
sao thức son xuyễn địa lý. Nội phu Thánh-
朝, 至 是 五 十 餘 年 矣. 自
triều, chí lìi ogū thập đur niên hū. Tự
愧 樸 愚, 舊 學 燕 落, 垂 老
quí phác ngu, cựu học vu lạc. Thùy lão
嗜 書, 卒 恨 晚, 於 古 今 文
thí thư, tốt hận vân, ur cõ kìn văn
籍, 不 能 雖 覽, 聊 乘 暇 日,
tich, bất năng biển lâm. Liêu thừa hả nhát.
綴 聲 己 聞, 採 摠 歷 代 國
xuyết tập ký văn, thái trich lịch đại quốc.
史, 交 趾 圖 經, 雜 及 方 今
sử, Giao-chi đồ kinh, tạp cập phương kim
混 一 典 故, 作 安 南 志 略
hỗn nhát dien-cố, tác An Nam chí lược

二
十 卷，以 叙 事 附 于 卷
末。庸 表 天 朝 德 化 所 被。
mạt. Dung biều Thiên-triều đức hóa sờ bì.
統 一 無 外，而 南 越 有 懈
thống nhất và ngoại, nhi Nam Việt bao quyền
憊 懈 慕 朝 廷 之 心，亦 可
quyền hưng mộng triều-dinh chí tâm, diệc khă
槩 見 于 此 者。昔 人 有 言：
khái kiến vu thử già. Tich nhán hứa ngón:
« 道 一 而 已 矣，今 則 同 處
« Đạo nhất nhi dĩ hǐ ». kim tắc đồng xứng
覆 載 之 內，君 君 臣 臣，父
phù tái chi nội, quân quân lì ban thân, phu
父 子 子，而 不 均 此 性，豈
phu từ tử, nhi bất quân thử tinh, khôi
具 此 理 哉！况 南 交 唐 虜
cụ thử lý tai ! Huống Nam Giao Đường Ngu
聲 教 所 暨，以 迄 于 今，三
thanh giáo sờ ky, dĩ hất vu kim, tam
千 餘 年，是 宜 聲 名 文 物
thiên dư niên, thị nguyễn thanh-danh văn-vật
所 尚，近 乎 中 國，雖 曰 風
sờ thương, cựu hò Trung quốc, tuy viết phong

土有異而事之可爲紀
 thô hữu dị, nhi sự chi khâ vi kí
 者不可泯也. 然諸家博
 giả băt khâ dău dă. Nhiên chư gia báe
 載, 牤牘爲多. 是書之作,
 tái, dê ngô vi da. Thị thư chí tae,
 雖本之見聞, 微之載籍
 tuy bản chí kiến văn, trưng chí tái tich
 豈無訛焉? 君子見其疎
 khởi và oa yên? Quán - tử kiến kí sô
 署, 尚改而正諸!
 lược, thương cải nhì chính chư!

元統初元乙卯春, 淸
 Nguyên-thống sơ nguyên, Ất-mão xuân, thanh-
 明節, 古愛黎則序.
 minh tiết, Cổ - Ái Lê Trắc lự.

Dẫn chú

Thiết lộc: Ăn trộm lộc. Ý nói tuy ở ngôi quan, nhưng không làm được việc gì, cũng như kẻ ăn trộm bông-lộc của nhà nước. Đó là giọng nói khiêm-tốn.

Nguyên-thống: Niên-hiện của Thuận-dế nhà Nguyễn.

Phiên dịch

Bài tựa sách An-Nam chí-lược

Tôi sinh-trưởng ở nước Nam-Việt, ẩn trộm lợc trong đường quan-lại, hơn mười năm bôn-tàu khắp nứa nước, có biết qua về địa- lý nái sông. Từ ngày phu với Thành-triều, tới nay kè dã hơn năm chục năm. Thẹn mình là kẻ thát-thà ngù-dần, cái học ngày xưa đã bị xao-nhãng rơi-vãi. Về già càng thích sách-vở, tiếc rằng quá muộn, các sách cổ-kim, không thể xem hết. Nhàn lúc rỗi dài, gọi là gop-nhất những điều của mình nghe được và thâu lượm thêm Quốc-sử các đời, Đô-kinh xứ Giao-chi và những điều-cố về cuộc hồn-nhất ngày nay, làm bộ *An-Nam chí-lược* bài chuc quyên, rồi để một thiền-tự-sự ở cuối, cốt để tỏ rằng cái lân-đức-hóa của Thiên-triều lan tràn thật dã thống-nhất, không còn nơi nào ở ngoài, và tấm lòng khắc-khoải của người Nam-Việt trong mến-triều-dinh, cũng có thể thấy được đại-khai ở đó.

Người xưa có nói «Đạo chỉ có một mà thôi», nay thì hết thảy cùng ở trong bầu trời che đất chỗ, vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con, nếu không là chung một tinh-trời, bà lại chung một lẽ phải ấy?

Huống chi xứ Nam-Giao từ đời nhà Đường, nhà Ngu, thanh-giáo đã lan tới, cho đến ngày nay, kè dã hơn ba nghìn năm. Nên rằng thanh-danh văn-vật vẫn chuộng cũng gần giống như Trung-quốc. Tuy rằng phong-thổ có khác Trung-quốc đi nữa, nhưng mà những việc đáng chép, không nên để cho mất đi.

Song các nhà chép sách trước đây, nói về xứ đó, sai nhầm rất nhiều. Bộ này làm ra, dầu vẫn lấy sự mắt thấy tai nghe làm gốc, nhưng đem so với các sách, bá lại không có làm? Các bậc quân-tử, thấy có chỗ nào sơ-lược, xin chữa lại cho.

Đầu hiệu Tbóng-nguyên, năm Ất-mão, mùa xuân, tiết thanh-minh, Cồ - Ái Lê Trắc tựa.

VII — NHÂN-TÔN

(1258 — 1308)

Ngài tên là Sầm, con cả Thành-tôn, sinh năm
Nguyên-phong thứ tam (1258), mất năm Hưng-long
thứ mươi sáu (1308), lên ngôi vua thủa 20 tuổi.

Tính ngài nhân-tử, vui-dễ, khi làm vua, rất
trọng về việc cỗ-kết lòng dân.

Năm Thiệu-bảo thứ tư (1283), vua nước Nguyên
sai Chấn-nam-vương Thoát - Hoan cùng bọn Tả-
thừa Đường ngọt-ngài, Hữu-thừa Toa-Đô già tiếng
mượn đường đi đánh Chiêm-thành, đem 5 vạn
quân sang lấn nước ta, ngài được tin ấy, tức thì tự
mình đốc-suất các vị vương-hầu luyện tập quân
thủy quân bộ để phòng chống nhau với giặc.
Tháng chạp năm sau, lại có tin báo Thoát-Hoan
và bọn A-lý-hải-nha... chia đạo đem quân sang
cướp nước nhà, ngài và Thượng-hoàng (Thánh-
tôn) liền đòi phu-lão dồn-gian vào điện Diên-

hỗng ban thất-cốm rượu, và hỏi về cách đối-phó với giặc. Cả hàng vạn người cùng nói nên đánh. Ngài bèn sai ông Trần Quốc-Tuấn thống-tĩnh chư quân, chia ngà chặng giữ các nơi hiểm-yếu.

Sau khi quân Nguyên phá được các đồn biển-thủy, và tiến xuống mặt Thăng-long, ngài phải di chiếc thuyền nhẹ tạm lánh ra vùng Hải-dong. Lúc ấy ông Trần Quốc-Tuấn đốc hết dân quân các lộ đến đồn Hải-dong, thế quân đã thay hơi mạnh, các đạo nghe tin cũng đều phái quân đến họp. Ngài có ý mừng, bèn dè vào nơi dưới thuyền hai câu như vậy

« 會 稽 舊 事 君 須 記,
« Cối kê cũ sự quân tu ký,

« 驕 愛 猶 存 十 萬 兵.

« Hoan Ái do tồn thập vạn binh (1)

Tháng hai năm sau nữa (1285), Thoát-Hoan chiếm thành Thăng-long, ngài và Thượng-hoàng phải chạy vào miền Thanh-hoa. Tháng tư năm ấy, nhiều đạo thủy-bộ của giặc đều bị quân ta đánh thua, ngài và Thượng-hoàng bèn ra cầm quân đánh giặc. Đại-quân đến phủ Trường-an, giết được quân giặc rất nhiều. Ngài và Thượng-

1— Nghĩa là: « Câu chuyện Cối-kê người hãy nhớ! còn quân Hoan Ái đáng mười mươi ».

hoàng tiễn thẳng lên vùng Đại-mang, chém được Toa Đô ở Tây-kết. Quân ta thua thẳng đánh trận, quân Nguyên thua luôn mấy trận, nhiều viên đại-tướng chết trận, 50 vạn quân tan-nát gần hết, Thoát-Hoan nhờ có thủ-hạ giấu vào một thứ đồ đồng, khiêng được về Tàu.

Trước khi ngài và Thượng-hoàng trở về Kinh-sư, quân sĩ đem đầu Toa-Đô dâng nộp, ngài nháy trong thẩy, có vẻ cảm-dộng, liền nói : « Kẻ làm bày tôi nên như thế này ». Rồi ngài tự cởi áo mình, sai người khâm-liệm đem chôn. Sau nghĩ Toa-Đô khi vào nước ta, thiêu đốt cung-khuỷt, tàn hại trăm họ, ngài bèn ra lệnh tẩm dầu vào đầu đê rắn kẻ khác.

Năm Trùng - hưng thứ ba (1287), vua nước Nguyên tức về trận thua năm trước, lại sai Thoát-Hoan và Áo lô-xích, Ô mā-nhi, Phàn-Tiếp... thống-lĩnh các quân kéo sang bão-thù. Sử nói bên giặc chuyen ấy gồm có quân của ba lĩnh Giang-hoài, Giang-tây, Hồ-quảng, vừa Mông vừa Hán, bầy vạn người và năm trăm thuyền ; của tỉnh Văn-nam sáu nghìn người ; của tỉnh Tứ-xuyên một vạn năm nghìn người ; ngoài ra lại có Vạn-Hộ Trương Văn-Hồ chủ mười bầy vạn hộc lương đi theo. Họ chia ra làm ba đạo đường bộ, một đạo đánh xuống

dồn Vĩnh-bình, một đạo đánh sang ải Nữ-nhi,
một đạo nữa do đường biển đánh lên An-bang.

Khi được tin báo, ngài lại giao cho ông Trần
Quốc-Tuấn thống-đốc các vị vương hầu tông-thất
cầm quân chống giặc.

Tháng chạp năm ấy, quân giặc đánh đến kinh-
thành, ngài phải chạy xuống miền Nam.

Tháng hai năm sau, quân ta đón đường cướp
phá tất cả thuyền lương của giặc, Ô-mã-nhi vì
thiếu lương ăn, phải do đường thủy rút về, khi
ra đến sông Bạch-dăng, thì bị quân ta trèo lên
chặt đánh, bắt sống được Ô-mã-nhi, giết chết
quân Nguyên không biết bao nhiêu mà kể.

Thoát-Hoan nghe Ô-mã-nhi bại-trận, bèn đem
tàn-quân chạy lên Lai-châu và lại trốn về Tu-
minh.

Giẹp yên quân Nguyên, ngài và Thượng-hoàng
về phủ Long-hưng, đem các tướng giặc bắt được
đánh trước Chiêu-lăng làm lễ biễn-tiệp. Khi thấy
chân các ngựa đá trước lồng đều bị dính bùn, ngài
có nghĩ ra mấy câu sau đây

« 社 稷 兩 回 勢 石 馬,
« Xã tắc luồng hồi lao thạch mã,

« 山 河 千 古 真 金 碑.

« Sơn hà thiền cổ điện kim ảo. (1)

Năm Trung hưng thứ chín (1294), ngài truyền ngôi vua cho con, tự mình lui về ở phủ Thiên-trường, Bình-thoảng mới lên kinh-đô.

Năm thứ bảy hiệu Hưng-long (1299), ngài vào tu ở núi Yên-tử, tự lấy hiệu là Trúc-lâm đầu-dà, Điều-nghệ Giác-hoàng. Bao nhiêu cung-tần thê-nữ đều cho tùy ý tự-tiện, người nào không muốn về quê thì ngài ban-cấp nhà ruộng cho ở tại dưới chân núi.

Sau khi xuất-gia, ngài thường dì thoi các lô, phát thuốc cứu bệnh. Vì thích phong-cảnh của núi Yên-tử, ngài bèn cùng bầy, tám người thi-giả, lên đinh Ngọa-vân dựng am Tứ-liêu đê ở. Bình-thoảng ngài lại xuống núi đến chùa Sùng-nghiêm thuyết-pháp.

Năm thứ 16 hiệu Hưng-long, Thiên-thuy công-chúa, chị ngài, bị bệnh nguy-kịch, ngài tự về thăm và dặn « Chị nếu đến giờ, cứ đi ra mắt Minh-vương. Giả như Minh-vương có hỏi việc gì, thi nên đáp rằng: « Hãy đợi lát nữa, em tôi, Trúc-tán đại-sĩ sẽ đến ». Rồi ngài lại về Yên-tử, gọi sư Pháp-loa, dặn dò các việc về sau. Đêm ấy ngài mất.

1— Nghĩa là: « Xã lắc hai lần phiền ngựa dà,
sông nghìn tua vững au vàng »

Bởi ngài là bậc kiến - thức siêu - mại, ý lính
khoảng - đạt, vẫn cho thân minh chỉ là bình của
trời dắt ủy cho, không iêu nến tiếc, cõo nên
trong lúc lâm chung, ngài chỉ dặn qua vài lời,
không cần báo tin cho tự hoàng (Aub-tôn) biết.
Ngài ở ngôi 21 năm, nướng ngôi 6 năm, thọ
45 tuổi. Sau khi ngài mất, Pháp-loa theo lễ nhà
Phật, đưa di-thể lên đền hỏa hóa, và tôn làm
đệ-nhất-lò của phái Trúc lâm.

Tác-phẩm của ngài có mấy cuốn *Thiền-lâm*
thiết-chủng-nữ-lục, *Đại-huơng-hải-ấn thi-tập*,
Tăng-giá toái-sư, *Thach-thất my-ngữ*, đều được
lưu-truyền ở đời.

春 日 謁 昭 陵
Xuân nhât yết Chiêu-lăng

仗 衛 千 門 謹.

Trương vệ thiên môn túc,

衣 冠 七 品 通.

Y quan thất phàm thông.

白 頭 軍 士 在.

Bạch đầu quân sĩ tại,

往 往 說 元 豐.

Vãng vãng thuyết Nguyên-phong.

Dẫn chú

Chiêu-lăng: Lăng Trần Thái-tôn.

Nguyên-phong: Niên-hiệu của Trần Thái-tôn.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tự nói khi mình đi thăm Chiêu-lăng, nghi-vệ rất thịnh, hai bên dọc đường, các nhà đều im phẳng phắc, các quan đi theo rất đông đủ cả áo mũ bầy phầm. Lúc đến Chiêu-lăng, còn thấy một tên lính già ngồi dờ, thỉnh-thoảng lại kè nhũng chuyện về đời Nguyên-phong. Đủ biết đời ấy thật là thái - bình, thịnh-trị, khiến cho người ta nhớ mãi không quên.

Phiên dịch

Ngày xuân thăm Chiêu-lăng

Nghi-vệ nghìn nhà lầu,
Xóm dài bầy phầm thông.
Lính già phor tóc bạc,
Kè chuyện thủa Nguyên-phong.

春曉

Xuân hiều

睡起啟牕扇。
Thuy khôi khai song phi,
不知春已歸。
Bất tri xuân dĩ qui.

— 雙 白 蝴 蝶,
 Nhất song bạch hò diệp,
 拍 拍 赴 花 飛.
 Phách phách xắn hoa phi.

Giải nghĩa

Bài này có thể cho là bức tranh vẽ cảnh buồn sớm mùa xuân bằng vài nét bút lơ tho. Ý nói: Sau khi ngủ dậy, ngó cảnh cửa sổ trông ra mới biết ngày xuân đã tới, các hoa đã nở, một đôi bướm trắng đương xong - xong theo phau bay xắn trên những bông hoa, vẽ xuân tươi đẹp biết chừng nào!

Phiên dịch

Buổi sớm mùa xuân

Ngủ dậy ngó song mây,
 Xuân về vẫn chưa bay.
 Xong xong đôi bướm trắng,
 Pháp phái xắn hoa bay.

月

Nguyệt

半 腦 燈 影 滿 床 書,
 Bán song dăng ành mān sàng thư,
 露 滴 秋 庭 夜 氣 虛.
 Lộ trich thu đình dạ khí hư.

睡 起 砧 聲 無 覓 處,
 Thy khói châm thanh vò mịch xứ.
 木 檉 花 上 月 來 初.
 Mộc tê hoa thương nguyệt lai sơ.

Giải nghĩa

Bài này ý nói: Trong lúc đêm thu lịch mịch, ánh đèn in nửa cửa sổ, sách vở bầy ra đầy giường, ngoài sân sương sa lác đác, hơi đêm đã thấy lạnh lạnh, mình vừa ngủ dậy, nghe ở dãng xa, vẫn vắng như có tiếng chày đậm vài, nhưng không hiểu là ở phương nào, ngó ra ngoài cửa, thấy có ánh trăng vừa soi đến neon cây mộc, có lẽ đêm đã khuya rồi.

Phiên dịch

Trăng.

Bóng đèn nửa cửa, sách đầy giường,
 Lác-dáy sân thu mấy giọt sương.
 Ngủ dậy vẫn nghe chày đậm vài,
 Trên chùm hoa mộc ánh trăng vàng.

天 長 晚 望

Thiên - trường vân vọng.
 村 後 村 前 淡 似 煙,
 Thôn hậu thôn tiền đậm tự yên,

牛 無 半 有 夕 陽 邊.

Bò vắng bán hữu tịch dương biên.

牧童笛裡牛歸盡.

Mục - đồng dịch lý ngưu qui tận,

白鶯雙雙飛下田.

Bạch lợ song song phi hạ điền.

Giải nghĩa

Bài này tả cảnh chung quanh Thiên-trường trong một buổi chiều, ý nói: Lúc ấy đứng ở Thiên-trường trông ra xa, các nơi trước làng sau làng đều lờ-mờ như đám khói nhạt, mặt trời đã xế, nắng chiều dường như có lại dường như không, sau một hồi kèn của mục-dồng, bao nhiêu trâu bò về hết, bấy giờ tung đôi cò trắng rủ nhau bay xuống dưới ruộng, ấy là trời đã chiều lầm.

Phiên dịch

**Phù Thiên-trường, buổi chiều
đứng trông.**

Trước xóm, sau thôn tựa khói lồng,
Bóng chiều man-máu, có đường không,
Theo hồi kèn mục, trâu về hết,
Cò bạch thi nhau liêng xuống đồng.

登 寶 臺 山
Đăng Bảo-dài sơn.

地僻臺逾古,
Địa tịch dài du cỡ,
時來春未深。
Thì lai xuân vịt thâm.
雲山相遠近,
Vân sơn tương viễn cận,
花徑半晴陰。
Hoa kính bán tinh âm.
萬事水流水,
Vạn sự thủy lưu thủy,
百年心語心。
Bách niên tâm ngữ tâm.
倚欄橫玉笛,
Ý lan hoành ngọc địch,
明月滿胸襟。
Minh nguyệt tràn bụng khâm.

Dân chú

Bảo-dài-sơn : Tên một trái núi ở huyện Đông-triều, tỉnh Hải-dương.

Giải nghĩa

Bài này tả về phong-cảnh và cảm-tưởng trong khi tác-giả chơi ở tòa đền trên núi Bảo-dài, ý nói : Ngôi đền trên núi vì ở vào chỗ vắng-lánh, cho nên càng có vẻ cõi, vả lại, lúc ấy ngày xuân chưa muộn, quang-cảnh trước đài càng đẹp. Nào ở chung-quanh các núi đều có mây phủ, ngọn thì gần, rồi ngọn thì xa ; nào ở trong núi, các đường đều có hoa nở, lúc thì bừng, lúc thì đậm. Đứng trên núi, nhìn bầu trời đất mông-mênh, tự-nhiên thấy có vô-hạn cảm-khai. Ngẫm ra ở trong vũ-trụ, việc nọ đến việc kia, muôn việc như nước trôi nước, không ngừng phút nào, và không để lại một dấu-tích gì, rồi dày trăm năm thâm-thè ra sao, chẳng qua mình biết với mình mà thôi. Nghĩ đến chỗ đó, trong lòng càng thêm thắc-mắc, dành lấy ống sáo, tựa bức lan-can trước đền mà thổi, cho khuây cả sự nghĩ-ngợi. Giữa khi ấy mặt trăng vừa mọc, ánh trăng soi đầy ngực-bụng, tác-giả muốn nói như thế, nhưng không nói rõ.

Phiên dịch

Lên núi Bảo-dài

Đất vắng, dài thêm cõi.
Ngày qua xuân chưa nồng,

Gần, xa, mây núi ngắt,
Nắng, rợp, ngũ hoa thông.
Muôn việc nước trời nước,
Trăm năm lòng nhủ lòng.
Tựa lan, nồng ống sáo,
Đầy ngực ánh trăng lồng.

西 征 道 中
Tây chinh đạo trung

錦 舢 輕 趟 浪 花 開.
Cầm phàm khinh xǎn lâng hoa khai,
蓬 底 厥 厥, 首 不 抬.
Bồng dè yém yém, thủ bát dài,
三 峡 暮 雲 無 雁 到.
Tam giáp mò vân vò nhạn đáo,
九 灘 明 月 有 龍 來.
Cửu thanh minh nguyệt hưu long lai.
淒 凉 行 色 添 宮 夢.
Thê lương hành sắc thiêm cung mộng.
撩 亂 開 愁 到 酒 杯.
Liêu loạn nhàn sầu đáo túu bôi.
漢 武 翻 招 蒼 蔭 謗 謗.
Hán Vũ phiêu chiêu cung độc bàng.
男 兒 汲 汲 易 爲 賈!
Nam-nhi cắp cắp hat vi tai!

Dẫn chú

Tây-chinh: Sang đánh miền tây. Sứ chép năm Trùng-hưng thứ sáu, Nhân-tôn tự ra cầm quân đánh nước Ai-lao, bài chữ Tây-chinh chỉ về việc đó.

Tam giáp: Ba dãy núi lớn ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ-xuyên Hồ-bắc của Tàu. Đây mượn đề nói về cảnh đồi núi, trên đường sang Lào.

Cửu than: Chín ngọn thác lớn ở tỉnh Phúc-kien, những thác rất dữ trong nước Tàu. Đây mượn đề nói về cảnh khe suối trên đường sang Lào.

Cung mộng: Giấc mơ cung cấm.

Cùng độc: Do chữ «cùng binh độc vũ» rút lại, chỉ về những người hay gây chiến tranh. Vũ-dế nhà Hán khi mới lên ngôi, luôn luôn sai quân sang đánh Hung-nô và các nước Tây-vực, những người bùn-sù chê là cùng binh độc vũ.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tả cảnh vắt-và trong khi sang đánh nước Lào, ý nói: Từ khi cảnh buồn gãm nhẹ nhàng đẽ các lớp sóng chạy đi, mình chỉ khúm-núm ngồi trong mui thuyền, không thể cất đầu lên được. Ở trên dọc đường, chỗ thì đồi núi cao ngất như dãy Tam-giáp, mây chiều mù-

mịt, con sâu không thể bay đến; chỗ thì suối-thác
gấp-ghènh như ngọn Cửu-thàn, những đêm sáng
trăng thường có loài rồng lặn đến; biết
chừng nào! Vả chăng, cảnh đường rất hồn-quạnh,
những cảnh cung-cẩm lại thường hiện trong giấc
chiêm bao, khiến mình càng thêm buồn-bã. Muốn
mượn chén rượu giải buồn, giọng buồn như đã pha
với giọng rượu, dù đã uống rượu vẫn không khỏi
buồn. Xét ra mình đánh Ai-lao, cũng như Vũ-dã
nhà Hán đánh nước Hung-nô. Nhưng Hán-Vũ đã
mang tiếng là người cùng bình độc vũ, thì tài-trai
lật-dật về việc bình dao để làm gì?

Phiên dịch

Trên đường Tày chinh

Buồm thêu nhẹ cái, sóng tung vòi,
Mè-mèt vùi đầu dưới đáy mui.
Mây phủ định non không nhau tối,
Trăng soi lòng thác có rồng bơi.
Cánh cung vo-vần đường hiu-quạnh,
Chén rượu bàng-khuảng giọng ngầm-ngùi.
Hán Vũ đã mang tiếng « cùng-dộc »,
Làm chi lật-dật kiếp tài trai?

天長府

Thiên-trường phủ.

綠暗紅稀倍寂寥,
Lục ám hồng hy bội tịch liêng.

霧 雲 吞 雨 土 花 消.
Vu vân thôn vũ thô hoa tiêu,
齋 堂 講 後 僧 歸 院.
Trại đường giảng hậu tăng qui vien,
江 館 更 初 月 上 橋.
Giang quán canh sơ nguyệt thượng kiều,
三 十 仙 宮 橫 夜 榻.
Tam thập tiên cung hoành dạ tháp,
八 千 香 刹 動 春 潮.
Bát thiên hương sát động xuân trào.
普 明 風 景 渚 如 昨,
Phò minh phong cảnh bờn như tạc,
彷 彿 美 壁 屢 見 堯.
Phảng phất cảnh tường lũ kiến Nghiêu.

Bí khảo

Câu thứ tam, ba chữ cuối cùng, *Toàn Việt thi lục* chép là 入夢燒 (nhập mộng thiêu), *Hoàng Việt thi tuyển* chép là 入夢饑 (nhập mộng nhiêu). Nhưng « nhập mộng thiêu » hay « nhập mộng nhiêu » cũng đều không có nghĩa gì. Theo lời một vị cố-lão đọc với soạn-giả hồi nhỏ, thì ba chữ đó nguyên văn là 屢見堯 (lũ kiến Nghiêu). Chưa biết « lũ kiến Nghiêu » có đúng hay

không, nhưng nó cũng còn có nghĩa. Vậy hãy tạm theo vị cố-lão ấy và ghi lại đó để đợi tra khảo.

Dẫn chú

phò-minh: Tên một ngôi chùa ở phủ Thiên-trường. Thánh-tôn nhà Trần sau khi nhường ngôi cho Nhân-tôn đã có về ở chùa ấy.

Canh-tường: Bát canh, mặt tường. Sách *Hậu-Hán-thư*, trong truyện Lý Cố nói rằng: Ngày xưa sau khi vua Nghiêu qua đời, vua Thuấn-tường-nhớ luôn trong ba năm, lúc ngồi như thấy vua Nghiêu ở mặt tường, lúc ăn như thấy vua Nghiêu ở bát canh. Đây mượn diễn ấy để tả sự tưởng-nhớ Thánh-tôn.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả trong khi về phủ Thiên-trường, nhân thấy quang-cảnh vắng-vé, nhớ đến Thánh-tôn mà làm ra, đại-ý nói rằng: Phủ Thiên-trường vốn là một nơi hiu-quạnh, gấp lúc cuối xuân sang hè, hoa thắm đã tàn, lá xanh đã tốt, phong-cảnh lại càng tịch-liệu. Bấy giờ cơn mưa vừa tạnh (?), rêu đất đã sạch (?), trong nhà trai, công việc giảng kinh đã xong, các sư đều về phòng riêng; trên nếp quáo ở vệ sòng, đã diêm canh một ánh trăng vừa hé trên cầu. Lúc ấy bao nhiêu

cung-diện trong phủ, giường ghế đã kê ngordon-gang, bao nhiêu lá phướn treo ở ngoài chùa, nhất-tề theo gió múa phất, tiếng kêu ào - ào như tiếng nước triều mặt bờ. Phong-cảnh của chùa Phồ-minh là chỗ vua cha đã ở vẫn y như xưa, nhưng mà ngài đã khuất bóng, khiến mình luôn luôn tưởng nhớ đến ngài, chẳng khác vua Thuấn ngày xưa, khi ăn thì thấy vua Ngbiêu ở bát canh, khi ngồi thì thấy vua Ngbiêu ở mặt tường.

Phiên dịch

Phú Thiênn-trường

Lục râm, hồng thura, cảnh quanh-hiu,
Mây thu, mưa lạnh, đất tan rieu (?).
Phòng trai giảng đoạn nhà sư trỗi,
Cầu bến canh dầu bóng nguyệt treo.
Ba chục cung luôn, giường ngủ rộng,
Tám nghìn phướn động, nước triều reo.
Phong-quang chùa Phồ rày như trước,
Xiết nỗi ăn ngồi nhớ Đế-Nghiêu.

春 景
Xuân cảnh

楊柳花深鳥語遲,
Dương liêu hoa thâm diều ngữ trì,
畫堂簷影暮雲飛。
Họa đường thiềm ảnh mờ vân phi.

客來不問人間事。
Khách lai bất vấn nhân gian sự.
只傍欄干看翠微。
Chỉ bàng lan can khán thúy vy.

Giải nghĩa

Bài này muốn mượn cảnh xuân để tả một cái cảm tưởng cao-thượng. Ý nói: Trong khi bóng liễu nở nắc, tiếng chim thưa chập, trước bóng thềm hoa, mây chiều dương bay vo-vần, vừa có ông khách vào chơi. Nhưng ông khách ấy, không hề hỏi công việc nhàn-gian, chỉ tựa lan-can ngắm mãi bầu trời xanh-biếc, vì những việc cõi đời, không có điều gì đáng hỏi.

Phiên dịch

Cảnh xuân

Chim hót dè-dà, liễu tâ-toi,
Thềm hoa mây phủ, bóng nhà dài.
Khách vào chẳng hỏi chuyện nhàn sự,
Tựa bức lan-can chi ngắm trời.

**題普明寺水榭
Đề Phổ Minh tự thủy榭**

薰盡千頭滿座香。
Huân tận thiêu đầu mǎn tọa hương,

水 波 初 起 不 多 涼.
Thủy ba sơ khởi bắt đa lương.
老 榕 影 裡 僧 開 閉,
Lão dung ảnh lỵ tăng khai bế,
第 一 蟬 聲 秋 思 長.
Đệ nhất thiên thanh thu tư trường.

Giải nghĩa

Bài này tả về những tiêu-sái của chùa Phồ-minh trong tiết đầu thu, ý nói: Sau khi đốt bét một nghìn nén hương, khắp chùa đều thấy mùi thơm bát-ngát. Bấy giờ mặt nước bắt đầu gợn sóng, hơi mát êm-dịu đưa lên. Xa trong dưới gốc cây xyl, tháp-thoáng có bóng nhà sư đi lại. Rồi ở trên cây, thỉnh-linh có tiếng ve kêu, làm cho từ thu càng man-máu nồng.

Phiên dịch

Đè nhà thủy-tạ chùa Phồ-minh

Nghìn hương thắp bết ngát dày nhà,
Mặt nước biu-biu gió lướt qua.
Dưới bóng cây xyl, sư tháp-thoáng,
Tiếng ve mới cất, từ thu xa.

怨 閨
Khuê oán

睡 起 鈎 簾 看 曙 紅,
Thuy khòi câu liém khán truy bòng,
黃 鶲 不 語 怨 東 風.
Hoàng ly bất ngữ oán Đông - phong.
無 端 落 日 西 樓 外,
Vô doan lạc nhật tây lầu ngoại,
花 影 枝 頭 盡 向 東.
Hoa ảnh cành đầu tận hướng đông.

Giải nghĩa

Bài này tả về tâm-lý của người đàn bà xa chồng. Ý nói: Người ấy, sau khi ngủ dậy, buồn quâ, không biết làm gì, tèn cuồn bức màn treo cửa để ngắm những cánh hoa rơi. Bấy giờ con oanh đậu trên cành cây cũng im lặng không buồn bột, như có ý oán-giận gió đông. Thế rồi dần dần mặt trời lặn xuống bên ngoài lầu tây, nhưng các bông hoa và các đàn cành vẫn đều ngẩn về phương Đông, chẳng khác gì cành-ngô của mình, kẻ đi một đường, người mong một nẻo, đáng ngâm ngùi biết chừng nào!

Phiên dịch

Sự oán-hận của người khuê phòng
Ngủ thôi, cuồn cửa ngắm cành hồng,

Biéng hót, con oan cõng nǎo - nùng.
Hờ - hững lầu tây vàng ác lặn,
Bóng hoa vẫn cứ ngành về động.

諒 州 晚 景
Lạng-châu vân cảnh

古 寺 凄 凉 秋 露 外,
Cô tự thê lương thu ái ngoại.
漁 船 翳 瑟 暮 鐘 初
Ngư thuyền tiều sắt mờ chung sơ.
水 明 山 靜 白 鳥 過,
Thủy minh sơn tĩnh bạch diều qua,
風 定 雲 間 紅 樹 疎.
Phong định vân nhàn hồng thụ xơ.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tả mấy cảnh chiều thu của vùng Lạng-sơn, những cảnh ấy là : Ngôi chùa hiu-quạnh trong bóng mịt mù của trời thu ; thuyền ngư lơ-lửng trên sông giữa lúc chuông chiều mới đánh ; trong đám nước quang núi tinh, con cò thấp-thoảng bay qua, và dưới một bầu trời gió lạnh mây im, lo-thor điểm những lá úa. Cả bài không có kết-cấu gì hết. Đó cũng là một lối uyết-túc.

Phiên dịch

Cảnh chiểu châu Lạng

Lanh léo chúa quê bồng mịt-mờ,
 Thuyền ngư léo dẽo, tiếng chuông dưa.
 Nước quang, non tinh, con cò liệng,
 Gió tạnh, mây im, lá đỗ thưa.

春 晚

Xuân văn

年 少 何 曾 了 色 空,
 Niên thiếu bà tắng liễu sắc khong,
 一 春 心 事 百 花 中.
 Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
 如 今 勘 破 東 皇 面,
 Như kim khâm phá Đông hoàng diện,
 禪 板 蒲 围 看 隧 紅.
 Thiền bàn bồ đoàn khán truy hòng,

Giải nghĩa

Bài này tác giả mượn cảnh xuân mà tả tu-tuồng của mình. Ý nói: Khi còn trẻ tuổi chưa hiểu cái lẽ « không tức là sắc, sắc tức là không » của nhà Phật, thành ra, mỗi khi xuân tới, bung - dạ thường để ở các bông hoa. Ngày nay đã rõ nét mặt chùa xuân là thế nào rồi, cho nên mỗi

lần, chỉ ngồi trong mảnh lá cọ trải trên chiếc phản
nhà chùa, ngâm cảnh hoa rụng mà chơi.

Phiên dịch

Chiều xuân

Thùa trẻ chưa懂事 lẽ sắc không,
Ngày xuân hoa nở rộn tơ lòng.
Chúa xuân nay đã thành quen mặt,
Chiến cọ, giường sú ngâm bóng hõng.

武 林 秋 晚

Vũ-lâm thu vân

畫 橋 倒 影 薦 溪 橫,
Họa kiều đảo ảnh chánh khé hoành,
一 抹 斜 陽 水 外 明。
Nhất mạt tà dương thủy ngoại minh.
寂 寂 千 山, 紅 葉 落。
Tịch tịch thiên sơn, hồng diệp lạc.
濕 雲 和 露 送 鐘 聲。
Thấp vân hòa lò tông chung thanh.

Giải nghĩa

Bài này đại ý nói rằng : Ở miền Vũ-lâm khi ấy, mặt trời đã xế, bóng cầu lộn ngược chiều xuống lòng khe, nắng chiều như một nét ngang in ở mặt nước, trong các dồi núi im lặng, những mảnh lá

nhà lác-dá-c rơi-rụng, rồi thì những đám mây âm
hòa với hơi sương đưa những tiếng chuông ở
nèo xa lại, như muốn giúp thêm cho vẻ tiêu-sái
của chiều thu.

Phiên dịch

Làng Vũ-Lâm buổi chiều mùa thu.

Lòng khe lợn ngược bóng cầu treo,
Mặt nước in ngang ngắn nắng chiều.
Lá thắm nhẹ rơi, ngân núi tĩnh,
Trong mây vắng-vắng tiếng chuông kêu.

VIII — VÔ DANH THỊ
(?) — 1300)

北 使 題 桂 林 驛
Bắc sứ đề Quế-lâm dịch

I

夏 日 江 城 氣 蘿 隆,
Hạ nhât giang thành khí uân long.
使 華 期 限 苦 勿 勿.
Sứ Hoa kỳ hạn khổ thông thông.
萬 程 去 路 馬 嘶 外,
Vạn trình khứ lộ mã té ngoại.
一 揪 歸 心 蝶 夢 中.
Nhất cúc qui tâm diệp mộng trung.
在 我 有 懷 深 感 慨,
Tại ngã hữu hoài thâm cảm khái,

彼 天 無 語 問 窮 通.
Bì thiên vô ngữ vấn cùng thông.
平 生 不 作 囊 錐 計,
Bình sinh bất tác nang trùy kế,
慚 懊 尋 常 五 尺 童.
Tâm qui làm thường ngũ xích đồng.

II

楊 柳 長 亭 又 短 亭,
Đường liêu trường đình hựu đoán đình,
秋 風 吹 施 著 江 城.
Thu phong xuy bái trước giang thành.
無 人 相 識, 客 逢 客,
Vô nhân tương thức, khách phùng khách,
有 事 欲 陳, 情 度 情.
Hữu sự dục trào, tình đắc tình.
千 里 鄉 心 蝶 蝶 夢,
Thiên lý hương tâm hòi điệp mộng,
一 般 客 緒 鷗 鷗 聲.
Nhất ban khách tự già cò thanh.
不 知 擁 節 明 朝 去,
Bất tri úng tiết minh chiêu khứ,
又 是 烟 波 幾 日 程?
Hựu tbi yên ba kỳ nhặt trình?

III

逆旅蕭蕭夜續沉
Ngbịch lữ tiều tiều dạ lại chàm,
芭蕉葉上動春心
Ba tiêu diệp thương động xuân tâm.
一鞭馬影隨風急
Nhát tiên mã ảnh tùy phong cấp,
故國梅花入夢深
Cố quốc mai hoa nhập mộng thẳm.
客裡月明偏識面
Khách lý Nguyệt minh thiêng thức diện,
天涯雁斷少知音
Thiên nhai nhạn đoạn, thiểu tri âm.
凌雲未遂平生志
Lăng vân vị toại bình sinh chí,
擊節不勝時朗吟
Kịch tiết bất thắng thi lăng ngâm.

IV

踏盡崔嵬路幾千
Đạp tận thôii ngoài lộ kỷ thiên,
停車旅館自年年
Đinh xe lữ quán tự niên niên.

安 危 非 我 所 能 及,
An nguy pbi ngā sò nang cáp,
語 默 隨 人 深 可 憐.
Ngữ mặc tuy nhán thâm khà lién.
澆 破 鄕 心 桑 落 酒.
Thiêu phá hương tâm Tang lạc túu,
吟 消 客 恨 草 堂 篇.
Ngâm tiêu khách hận Thảo đường thiên.
自 憐 補 國 無 絲 髮,
Tự lién bù quốc vō ty phát,
兩 度 春 風 一 馬 鞭.
Lưỡng độ xuân phong nhất mã tiên.

Bị khảo

Theo lời ông Lê Quý-Bôn đã nói trong sách *Lê-triều thông sử*, thì những bài này có thấy ở sách *Quảng-tây thông-chí* của Tàu và dưới đây đề lại chua hai chữ Lê-Trắc. Nhưng ở sách *An-Nam chí-lục* của Lê-Trắc, cũng có chép cả mấy bài, lại đề vào mục *võ-danh*. Thế thì chắc không phải là của Lê-Trắc. Vì thế mà ở *Việt-đám thi tập* và *Hoàng-Việt thi-tuyển*, khi lục hai bài trong các bài này, cũng cho là thơ *võ danh*.

Vậy những bài này tuy không rõ của ai, nhưng có thể biết là thơ hời Trà-sơ, nghĩa là đồng-thời hoặc trước đời Lê-Trắc.

Dẫn chú

Điệp mộng : Giấc mộng bướm - bướm. Sách *Trang - Xứ* nói : Trang - Chu có lầu mơ, thấy mình hóa con bướm, thì rõ ràng là con bướm - bướm. Người ta bay dùng những chữ « Giấc - điệp », Gối điệp » « Giấc bướm », « hồn bướm », « Giấc hồ » để chỉ cảnh mơ là gốc ở đó.

Üng tiết : Ôm cờ tiết - mao. Chỉ việc di sứ. Ngày xưa, các người di sứ đều có cầm cờ tiết - mao để làm dấu hiệu.

Nang túi : Dùi trong túi ; Sách *Sử-ký* chép kbi Mao Toại xin theo sang Sở, Bình-Nguyên-quân bảo ; « Hiền sĩ ở đời, cũng như cái dùi ở túi, mũi nó phải thò ngay ra ». Ý nói những người có tài tuy chưa đặc-dung, nhưng ai cũng biết. Đây mượn diễn dò để nói ngày thường mình không mài dũa tài-năng của mình.

Kịch tiết : Gõ dịp. Vì như vỗ tay, vỗ dùi, tố sự đặc-ý trong khi nghe hát.

Tang lợc tiêu : Rượu dâu rung. Sách *Phi-tuyết lục* chép rằng : Ở vùng Hà-dông có một cái giếng, đến mùa cây dâu rung lá, người ta lấy nước giếng ấy nấu rượu, rất ngọt, vì vậy mới gọi là « rượu dâu rung ».

Thảo đường thi: Thơ Nhà cổ Chi về thơ của Đỗ-Phủ. Khi ở trên suối Cán-hoa, Đỗ-Phủ có cắt một nếp nhà tranh, và đặt tên là Thảo-đường. Trong bài thơ của Cao-Trich gửi cho Đỗ có hai câu: «人日題詩寄草堂遙憐故人思故鄉 (Nhân nhật đề thi ký Thảo-đường, dao liễn cõ-nhàu tư cõ-hương). Tiết nhân - nhật đề thơ gửi đến Nhà tranh, xa thương cõ-nhàu nhớ cõ-hương ». Chữ « Thảo-đường » này muốn dùng diễn ấy.

Giải nghĩa

Cả mấy bài này đều tả cảnh buồn trong khi đi sứ. Bài thứ nhất nói: Lúc tới Quế-lâm, nằm giữa mùa hè, vòng thành trên sông khi nắng bốc lên ngùn-ngụt. Vậy mà vẫn phải cầm ngọn cờ liết lèo-déo trên đường, là vì việc sứ đã có kỳ-bạn, không thể chậm-trễ. Nghĩ đến đường đi hãy còn thầm-thầm muôn trùng, tiếng ngựa hót không lời, lại càng náo-nức muôn về, hồn mơ luôn luôn thấy cảnh quê-hương. Bởi trong lòng có sự tơ-tưởng, cho nên thường bay cảm-khai, buồn bực. Không biết rồi đây số phận may-rủi thế nào, muốn hỏi ông trời một câu cho được vững dạ, nhưng mà ông ấy không nói, không thể hỏi được. Tiếc rằng ngày thường không chịu mài dũa tài-năng để làm cái dùi trong túi

nhiều lời nói của Bình-nghuyên-quản, thành ra bây giờ sự-nghiệp lẹt-det, thật là thẹn với những đứa trẻ con tăm - thường. Bài thứ hai nói: Đường tới Quế-lâm rất xa, dưới những cây liêu tha-thườt, hết đoạn-dinh lại đến trường-dinh. Rồi trên vòng thành ven sông, lá cờ pháp-phái bay theo ngọn gió. Trong thành toàn những người lạ, khách lại gặp khách, chẳng ai quen ai. Mình đến xứ ấy lại không thuộc tiếng của họ, mỗi khi có việc muốn nói, dành cứ ra hiệu rồi lấy ý mình mà đoán ý họ. Vì vậy, càng thêm nhớ nhà, hồn mơ thường theo lòng quê di hàng vạn dặm. Trong lúc buồn-bã, thỉnh-thoảng lại nghe gà rừng tập gáy, càng như khêu mồi tha-hương. Vậy mà vẫn phải đi nữa. Không biết sáng mai ôm ngọn cờ tiết lên đường, còn phải chịu bao nhiêu ngày sóng gió gập-ghềnh? Bài thứ ba nói: Trong trạm Quế-lâm, cực-kỳ hiu-quạnh, suốt đêm không có một tiếng động nào. Cái cảnh tịch-mịch khiến cho người ta dễ buồn, mỗi lúc nghe những giọt sương rơi xuống tàu chuối, lồng xuân càng man-máu bàng-khuâng. Nhớ lại những khi chiếc roi ngựa luôn luôn vút theo ngọn gió, cảm thấy tấm thân trải nhiều phong-trần lại càng mơ-màng cái cảnh hoa mai tươi đẹp ở quê hương. Bây giờ đây, ở xứ xa-lạ, chỉ có vầng trăng là quen mắt, còn về tia-tức bè-hạo, nhà cửa, tuyệt-nhiên không có

chỉ hết. Một kẻ ở tít chán trời, ai mà đưa tin
đến được. Thưa xưa, chỉ mình những muôn
xông lên mây xanh, nhưng nay chỉ ấy chưa toại,
mỗi lúc vỗ dùi ngâm thơ, bồi hồi cảm khái
không biết chừng nào? Bài thứ tư nói: Từ ngày
lên đường đi sứ, chân đã đáp hết mấy nghìn
dặm đường đồi-núi gồ-ghế. Hết năm này sang
năm khác, chiếc xe luôn luôn dừng ở các cửa nhà
trọ. Đi sứ là việc quan hệ đến sự an nguy của
nước nhà và cũng là việc cần trồ tài bùng biển
với ngoại-quốc nữa. Nhưng vì chức-phận ty-tiều,
cái chuyện an nguy mình không được dự dã
dành, cho đến những khi nên nói bay nên nón
cũng phải theo quyền người khác, thế mới đáng
buồn. Vì buồn, cho nên cứ giờ hầu rượu Tang-
tac ra uống để gột cái sầu nhớ quê và đem tập
thơ Thảo-duờng ra ngâm cho tan cái hồn lữ-thứ.
Nghĩ ra, đời mình chưa hề giúp nước được bằng
cái tơ cái tóc, vậy mà một chiếc roi ngựa, đã
từng hai phen xông-pha trong gió xuân, thật
đáng thương cho kiếp tài trai!

Phiên dịch

Đi sứ Tàu để trạm Quế-lâm

I

Thành sông nghi-ngút lửa hè bay.
Cờ tiết ra đi đã hẹn ngày.

Đường trày muôn trùng hơi ngựa khàn,
Lòng về một «võc» giấc bồ say.
Đã mang trong dạ nhiều hăm hở,
Không hỏi ông trời những rủi may.
Tiếc chẳng học ai «dùi dây túi»,
Ươn bèn hẹn với lũ thơ-ngây.

II

Bóng liêu lơ tho quán lại định,
Ngọn cờ theo gió phất đầu thành.
Không ai quen thuộc, khách gấp khách,
Có việc hỏi han, tình lượng tình.
Hòn bướm những vương lòng xú-xở,
Tiếng gà thêm gợi nỗi lénh-dénh.
Chẳng hay mai sáng ôm cờ trày,
Sóng khói còn bao buổi gặp-ghẹnh ?

III

Canh khuya quán trợ lặng như tờ,
Sương giò tàu tiêu dạ vẫn-vơ.
Đầu ngựa bóng rơi theo ngọn gió,
Hoa mai nước cũ giục hồn mơ.
Mặt quen đất khách, vẫn trắng tõi,
Tin bắt chân trời, bóng nhau thưa.
Cái chí xòng mây rầy chưa toại,
Võ dùi... cho bóng giọng ngâm thơ.

IV

Đẹp hết bao nghìn lối khắt-khe ?
Năm năm quán khách vẫn dừng xe.
Yên nguy việc nước, mình đâu dự ?
Nói, nin quyến người, phản đáng e !
Chén rượu « Mùa dâu » tan nỗi khách,
Câu thơ « Nhà cỏ » tinh hồn quê.
Những thương giúp nước chưa tơ-tóc,
Roi ngựa bao phen gióng đậm hòe !



Mục lục

<u>Tên bài</u>	<u>Số trang</u>
Lời bàn chung.	5—18
Thái-tôn	
Lược-sử.	19—21
Tống Bắc sứ Trương Hiền-Khanh.	21—23
Ký Thanh-phong am Tăng Đức-son.	24—25
Tử son kệ tinh tự.	25—43
Thiền-tông chỉ nam tự.	43—61
Lục thi sám bối khoa nghi-tự.	62—71
Thánh-tôn	
Lược-sử.	72—73
Đề Huyền-thien động.	74—75
Cung viên xuâk nhât hoài cựu.	75—76
Hạnh An-bang phủ.	76—77
Hạ cảnh.	77—78
Văn Thiếu-sư Trần Trọng-Trung.	78—80
Hạnh Thiên-trường hành cung.	80—84
Trần Quang-Khai	
Lược-sử.	85—87
Tòng già hoàn kinh	88—89
Phúc-hưng viên.	89—91
Lưu-gia độ.	91—93
Dã-thự.	94—95
Xuân obat hữu cảm.	95—99
Trần Quốc-Tuấn	
Lược sử	100—106
Dụ chư ty-tướng hịch văn.	106—124
Trần Ých-Tắc	
Lược-sử	125—128
Xuất-quốc	128—131

Hồi-quốc	131 - 134
Văn-Hà-nam vương	134 - 138
Giá-diền Liêu-lâm tùy thị	138 - 141
Tống Nguyên Phục Sư	141 - 144
Thư biếu thuy khởi	144 - 146
Triều hồi xuất đô thành đạo trung	146 - 149
Độc xuất-quốc thi mạn đê	149 - 152
Ba-lăng vũ-trung	153 - 154

Lê-Trắc

Lược-sử	155 - 162
Nội-phu	162 - 165
Đô-thanh	166 - 170
Tặng Thượng-thư Tân-Lý-Ngõa	
sứ An-Nam hoàu	170 - 173
Tống Văn-sứ Phó-Dữ-Lệ sứ An-Nam	173 - 175
Thọ An-Nam quốc-vương	175 - 179
Văn An-Nam quốc-vương	179 - 182
An-Nam chí-lược tự	182 - 186

Nhân-tôn

Lược-sử	187 - 192
Xuân-nhật yết Chiêu-lăng	192 - 193
Xuân-hiều	193 - 194
Nguyệt	194 - 195
Thiên-trường văn-vọng	195 - 196
Băng-Bao-dai sơn	197 - 199
Tây-chinh đạo-trung	199 - 201
Thiên-trường phủ	201 - 204
Xuân-cảnh	204 - 205
Đè Phò-minh tự-thủy-tạ	205 - 206
Khuê-oán	207 - 208
Lặng-châu văn-cảnh	208 - 209
Xuân-vân	209 - 210
Vũ-lâm thu-vân	210 - 211

Võ-danh-thị

Bắc-sứ đê Quế-lâm-dịch	212 - 221
------------------------	-----------

Những sách dùng để kê-cứu trong cuốn này

<i>Việt-đam thi tập</i>	<i>Lê triều thông-sử</i>
<i>Trích diễm tập</i>	<i>Đại-Việt sử-ký toàn thư</i>
<i>Toàn Việt thi-lục</i>	<i>Khâm-dịnh Việt-sử thông</i>
<i>Hoàng Việt thi tuyển</i>	<i>giám</i>
<i>Hoàng Việt văn tuyển</i>	<i>Tục Tự-trị thông-giám</i>
<i>Khóa-hư-lục</i>	<i>Lịch triều hiền-chươn</i>
<i>An-Nam chí-lược</i>	<i>vụng chí</i>

Cài chính

Trang	Giảng	In nhầm
9	21	« Hơi mưa ga gửi ơn dầm thảm » chữ « ga » xin đổi là xa.
134	12	« Đã nên xít cũ hòn Liêu-bạc hai chữ « xít cũ » xin đọc « hè thảm ».
149	14	• Thêm-ngọc » thơ trao ng- mấy hàng « xin đọc là « Vườn hòn thơ trao ngọc mấy hàng
198	12	« Việc nọ dân việc kia » xin đọc là « Việc nọ đến, việc kí đi ».
208	22	« Đó cũng là một lối uyết túc hai chữ « uyết túc » xin đổi là tuyết túc.